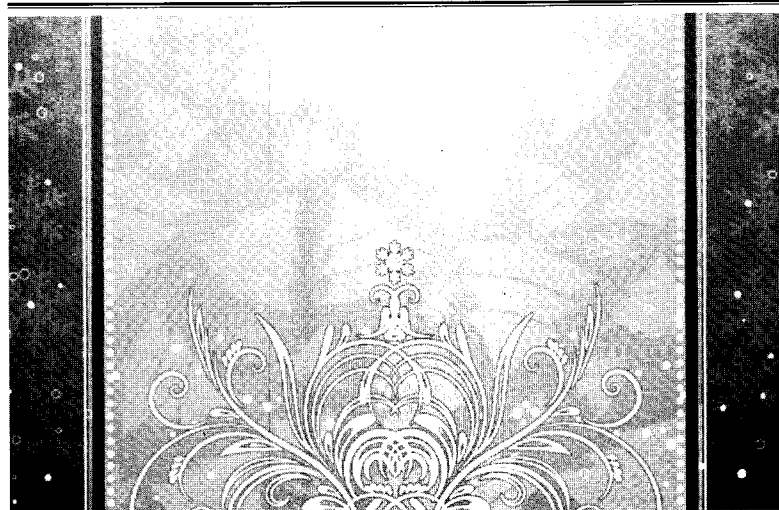




LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 6



Phẩm Thứ Nhất (TIẾP THEO)



Nói về: **Thập Dụ**
(Mười thí dụ)

KINH:

Giải rõ các pháp là như huyễn, như diệm, như trăng dưới nước, như hư không, như tiếng vang, như thành Càn thất bà, như mộng, như ảnh, như bóng trong gương, như hóa.

LUẬN:

Trên đây là 10 thí dụ nhằm giải rõ pháp Không.

1. Như huyễn:

Hỏi: Nếu nói hết thảy các pháp đều là không, đều là như huyễn, thì làm sao có thể thấy, có thể nghe, có thể ngửi, có thể nếm, có thể sờ mó, có thể biết được các pháp?

Nếu nói hết thảy các pháp đều là Không, mà mắt ta làm thấy, thì vì sao ta lại chẳng thấy được sắc, chẳng nghe được tiếng?

Nếu nói hết thảy các pháp đều là không, là vô sở hữu tức là chẳng thật có, thì làm sao có thể nghe, có thể thấy được các pháp? Ví như một ngón tay có một móng tay thì móng tay ấy là thật có, còn móng tay thứ hai chẳng thật có, nên chẳng có thể thấy được vậy.

Đáp: Nói các pháp đều là không, có nghĩa là Tự Tướng các pháp là Không. Tuy là Không, nhưng đều có thể phân biệt thấy được, ngửi được, nếm được, sờ mó được.

Ví như nhà huyễn sư có thể hóa tác ra đủ các sự vật ở trên sân khấu, như voi, ngựa, bàn ghế v.v... Tất cả các sự vật, các vật đó đều chẳng có thật. Thế nhưng, người xem vẫn có thể thấy, có thể nghe v.v... Nói tóm lại, vẫn có thể dùng 6 Thức để phân biệt, chẳng có lẫn lộn.

Các pháp cũng như vậy. Tuy đều Tự Tướng Không, nhưng đều có thể nhận biết, phân biệt không lẫn lộn bởi 6 Thức.

Trong kinh có nêu thời pháp do Phật thuyết cho Đức nữ, như sau:

Đức nữ bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vô minh ở bên trong chẳng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Đức nữ lại hỏi: Vô minh ở bên ngoài chẳng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Đức nữ lại hỏi: Vô minh ở bên trong lẫn bên ngoài chẳng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Đức nữ lại hỏi: Vô minh có sanh, có diệt chẳng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Đức nữ lại hỏi: Vô minh có từ đời trước, rồi truyền đến đời nay và đời sau chẳng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Đức nữ lại hỏi: Nếu Vô minh chẳng có ở trong, chẳng có ở ngoài, cũng chẳng có ở trong lẫn ngoài, chẳng có sanh diệt,

chẳng có từ đời trước chuyển đến đời nay và đời sau, cũng chẳng có một pháp nào nhất định mà tánh là Vô minh cả, thì từ đâu có sự việc Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, ... dẫn đến có Khô, có Tập?

Bạch Thế Tôn! Cây phải có cội mới có cành, nhánh, lá, hoa, quả được. Nếu cây mà chẳng có cội gốc thì làm sao sanh ra được các thứ ấy?

Phật dạy: Này Đức nữ! Các pháp đều là Tự Tướng Không. Tướng của các pháp tuy là Không, mà phạm phu do vô trí, nên ở nơi đó đã sanh ra đủ thứ phiền não. Do nhân duyên phiền não, mà sanh ra các nghiệp ở thân, khẩu, ý. Do nhân duyên nghiệp mà sanh ra có thân ở đời sau. Do nhân duyên có thân, mà sanh ra có các thọ khô, thọ lạc.

Thế nhưng, chẳng có phiền não thật sự được tạo tác, chẳng có các nghiệp thân, khẩu, ý; chẳng có các thọ khô, thọ lạc, cũng chẳng có người thọ khô, thọ lạc. Tất cả đều như huyễn, giống như các huyễn sự, huyễn vật do nhà huyễn sư tạo tác ra mà thôi.

Này Đức nữ! Ý ngươi nghĩ sao? Huyễn sự có ở bên trong, có ở bên ngoài, có ở bên trong, lẫn bên ngoài chẳng? Huyễn sự có sanh có diệt chẳng? Huyễn sự có từ đời này đến đời khác chẳng? Huyễn sự có thật chẳng?

Đức nữ đáp: Bạch Thế Tôn! Chẳng như vậy được.

Phật dạy: Ngươi có nghe được kỹ nhạc do nhà huyễn sư huyễn tác ra chẳng?

Đức nữ đáp: Bạch Thế Tôn! Con có nghe được.

Phật dạy: Nếu đã là huyễn, thì là hư dối, chẳng có thật. Làm sao ngươi có thể nghe được huyễn nhạc?

Đức nữ đáp: Huyền nhạc, tướng của nó vốn là như vậy. Tuy chẳng có cội gốc, mà cũng có thể nghe được.

Phật dạy: Vô minh cũng lại như vậy. Vô minh chẳng có ở bên trong, chẳng có ở bên ngoài, chẳng có ở bên trong, lẫn bên ngoài, chẳng có sanh diệt, chẳng có từ đời trước chuyển đến đời nay và đời sau, chẳng có thật tánh, thế nhưng, do Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, ... dẫn đến có ưu bi, khổ não.

Nếu dứt được huyền, thì các huyền sự cũng dứt theo. Vô minh cũng lại như vậy. Nếu Vô minh dứt thì Hành dứt, Hành dứt thì Thức dứt... dẫn đến các ưu bi, khổ não cũng đều dứt theo.

Thí dụ Như Huyền nhằm khai thị cho chúng sanh biết rằng: “Hết thấy các pháp hữu vi đều chẳng có thật, chẳng kiên cố, lâu bền, Bồ tát biết rõ các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, chẳng thật có, chẳng tự tại, chẳng kiên cố lâu bền. Bởi vậy nên nói chư Bồ tát biết rõ các pháp đều là Như Huyền.

2. Như Diệm (Diệm còn được gọi là Sóng Năng)

Vào những ngày trời nóng bức, gió tung bụi trần, lại có ánh nắng phản chiếu qua các tầng lớp không khí, tạo ở đằng xa ảo ảnh của những vùng nước đang chao động. Người vô trí tưởng là những vùng nước thật.

Các tướng nam, tướng nữ cũng là như vậy. Do các kiết sử phiền não thiêu đốt, lại do gió tà kiến cuộn cuộn thổi lên trong dòng hoang sanh tử, mà kẻ vô trí tưởng chừng như có các tướng nam, tướng nữ.

Lại nữa, người đi đường xa, mệt mỏi, thấy sóng năng ở đằng xa tưởng như gần đến được nơi có nước, nơi dừng chân mát mẻ. Nhưng khi đã đến gần rồi, thì chẳng còn thấy gì nữa cả. Kẻ vô trí cũng như vậy. Vì chẳng được gần Thánh pháp,

nên chẳng biết rõ hết thấy các pháp đều là Vô ngã, đều là Tự Tướng Không. Do chẳng biết rõ như vậy, nên từ Tự Tướng Không của 5 Âm, 12 Nhập, 18 Giới, mà vọng chấp có tướng nam, tướng nữ v.v... Nếu được gần Thánh pháp, được biết Thật Tướng các pháp là vô tướng, thì tư duy sẽ được mở rộng, các vọng tưởng sẽ được tiêu trừ, các ưu bi khổ não sẽ được tận đoạn.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói chư Bồ tát biết rõ các pháp đều là Như Diệm.

3. *Như trăng dưới nước:*

Trăng ở trên không trung là trăng thật. Bóng trăng in mặt nước chẳng phải là trăng thật.

Thật Tướng pháp là chân thật, mà ở nơi tâm niệm của chúng sanh khởi hiện ra các tướng sai khác của các pháp, ví như tướng ngã, tướng ngã sở v.v... Tất cả các tướng sai khác đó đều là hư vọng, đều là chẳng thật có, như bóng trăng in mặt nước vậy.

Lại nữa, trẻ con thấy bóng trăng in mặt nước, tưởng là trăng thật, muốn nắm bắt lấy bóng trăng. Người vô trí cũng lại như vậy. Do chấp thân kiến, mà thấy có Ngã và Ngã Sở; thấy có Ta, có đủ các pháp ở quanh Ta, rồi sanh tâm nhiễm trước, muốn nắm bắt các tướng đó.

Như bài kệ thuyết:

Như huyễn, như diệm

Như trăng dưới nước

Như mộng thấy tiên

Như chết sống lại

Hư vọng như vậy

Mê chấp là thật

Ấy kẻ ngu si

Đáng bị chê cười.

Lại nữa, bóng trăng in trên mặt hồ, chỉ hiện rõ khi mặt nước hồ yên lặng; nhưng chỉ một ngọn sóng lăn tăn cũng đủ để làm cho bóng trăng tan biến. Phàm phu cũng như vậy, do bị Vô minh che tâm trí, mà tưởng thấy có Ngã, có Ngã Sở, có đủ các thứ kiết sử, phiền não. Trái lại, người trí thấy rõ Ngã chỉ là ảnh hưởng của kiết sử. Khi các kiết sử đã hết, thì chẳng còn có Ngã nữa.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói chư Bồ tát biết rõ các pháp đều là như “bóng trăng dưới nước”.

4. *Như hư không:*

Hư không chỉ có danh, mà chẳng phải là Thật Pháp.

Các pháp cũng đều là như vậy; đều là Không, đều là Vô Sở hữu. Do xa lìa Trí huệ Vô lậu, chẳng vào được nơi Thật Tướng pháp, phàm phu mới đắm chấp cái Ta, chấp có Ngã, có Ngã sở, có các pháp tướng sai khác, như tướng nhà, tướng vườn, tướng ruộng, tướng nam, tướng nữ v.v...

Ví như phàm phu nhìn lên trời, tưởng có thật một vòm trời xanh biếc, nhưng bay được lên cao chẳng thấy có vòm trời xanh biếc nữa. Cũng như vậy, pháp tánh thường thanh tịnh như hư không, nhưng phàm phu, do bị 5 âm che tâm, do bị tham sân, si cùng các phiền não kiết sử khác mê hoặc, mà biến pháp tánh thành bất tịnh.

Như bài kệ thuyết:

Tháng hạ trời mưa, sấm sét vang

Mây đen bao phủ ngăn che sáng

Phàm phu vô trí cũng như vậy
 Bị các phiền não thường che tâm
 Mặt trời mùa đông, khi xuất hiện
 Thường bị sương mù và mây che
 Người được sơ và nhị quả
 Vẫn còn Dục nhiễm mãi che tâm
 Mặt trời mùa xuân khi sắp mọc
 Cũng bị mây mờ thường che phủ
 Người ly dục, vào đệ tam quả
 Vẫn còn tàn si mạn lưu dư
 Bầu trời thu không mây che khuất
 Tợ nước biển cả thường trong xanh
 La Hán làm xong việc phải làm
 Tâm Vô lậu thường hằng thanh tịnh.

Hỏi: Vì sao nói “Hư không chẳng phải là Thật Pháp?”

Đáp: Nếu hư không là thật Pháp, thì hư không phải có chỗ trú. Vì sao? Vì chẳng có chỗ trú, thì chẳng có tướng hư không. Nếu nói “Hư không trú trong các hang, các lỗ”, thì như vậy hư không trú trong hư không rồi vậy. Nếu nói hư không trú trong các vật đặc” thì lại càng vô lý hơn nữa, vì vật đặc làm sao có thể chứa đựng được hư không?. Vì lý do hư không chẳng có chỗ trú, cho nên nói “chẳng có hư không”.

Lại nữa, nếu nói sắc là “pháp thường”, thì hư không phải là “Pháp thường”. Vì sao? Vì nếu hư không là “pháp thường”, thì trước khi có sắc đã phải có hư không rồi vậy. Nhưng nếu chưa có sắc thì căn cứ vào đâu để tìm được “chỗ không có sắc”? Nếu chẳng có “chỗ không có sắc”, thì làm gì có tướng của hư không? Cho nên, tướng hư không là vô

tướng, pháp hư không là vô pháp. Hư không chỉ có danh, mà chẳng phải là Thật Pháp.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói chư Bồ tát biết rõ các pháp là như hư không.

5. Như tiếng vang

Trong một căn nhà trống rỗng, ở các vùng rừng núi, ở nơi các hang động, nếu có tiếng động, tiếng kêu la, tiếng nói... thì những thứ tiếng ấy dội vào các vách cản, rồi vang dội trở lại. Người vô trí tưởng có người hay có vật gì ở cạnh mình phát ra những tiếng ấy.

Tiếng vang chẳng có thật, chỉ lừa dối tai người nghe mà thôi. Ví như khi người sắp nói, thì gió từ miệng dẫn vào đồn xuống tận rốn, dội trở lên, chạm vào 7 chỗ, mà phát ra tiếng nói.

Như bài kệ thuyết:

*Gió dẫn từ miệng vào
Đồn xuống đến tận rốn
Dội lên, chạm 7 chỗ
Vòm miệng, răng, lưỡi, môi
Ngực, cuống họng, thanh quản.
Từ đó phát tiếng nói
Người ngu chẳng hay biết
Chấp đấm, khởi sân si
Còn người có trí tuệ
Chẳng sân cũng chẳng chấp
Tiếng phát ra từ miệng
Tùy thuộc nơi các tướng
Như lên, xuống, thẳng, cong*

*Trên đường đi của gió
 Chẳng có ai làm ra
 Hư vọng và huyền hóa
 Phàm phu chẳng thể biết
 Láy không làm có vậy.*

6. *Như Thành Càn thất bà*

Khi mặt trời vừa mới mọc, các đám mây trên trời hiện ra đủ thứ hình, nào thành trì, nào cung điện nguy nga. Mặt trời càng lên cao thì các thành trì cung điện ấy càng bị mờ dần đi và sau cùng biến mất hẳn.

Thành trì cung điện ấy chẳng có thật, gọi là thành Càn thất bà, phàm phu suốt ngày khởi tâm sân si rong ruổi khắp nơi, tìm các thú vui vật chất, nhằm thỏa mãn ý điên đảo của mình. Mãi đến khi gặp phải sự đau khổ cùng cực, mới tự mình ngộ được lý Vô Thường, mới rõ biết các tướng hiện quanh mình chẳng phải là thật có. Lúc bấy giờ mới dứt được tâm thèm khát của mình. Trái lại, nếu dùng trí huệ rõ biết cái Ta chẳng phải Thật Pháp, thì mọi ước muốn điên đảo liền dứt hẳn.

Hỏi: *Một thí dụ cũng đủ rồi, vì sao phải dùng đến 10 thí dụ?*

Đáp: Trước đây đã nói “Ma Ha Diễn như nước trong biển lớn, nhiếp tất cả các pháp”. Vậy nên, mặc dù có dùng đủ mọi nhân duyên, đủ mọi thí dụ, vẫn chẳng có lầm lẫn.

Lại nữa, Bồ tát trí huệ thâm sâu, dùng đủ các pháp môn, dùng đủ các nhân duyên thí dụ, nhằm phá tâm chấp của chúng sanh. Bởi vậy Bồ tát phải dẫn nhiều thí dụ để chúng sanh được rõ.

Lại nữa, hàng Thanh Văn thường chấp các duyên tạo pháp là thật có, và dùng các duyên ấy để làm thí dụ. Ví như

lấy bọt nước để dụ cho “Sắc vô thường”, lấy bè để dụ cho “Thọ”, lấy ngựa chạy giữa đồng hoang để dụ cho “Tuồng”, lấy bẹ chuối để dụ cho “Hành” v.v... Nay dùng “Thành Càn thất bà” làm dụ, nhằm nói lên ý nghĩa là “các duyên tạo pháp cũng chẳng thật có”. Ví như một chấm lửa quay tròn tạo ảo ảnh của một vành lửa, vành lửa chẳng thật có, chỉ là làm mất người xem mà thôi.

7. Như mộng

Cảnh thấy trong mộng chẳng thật có, mà người nằm mộng tưởng như là thật có. Khi tỉnh dậy rồi mới biết rõ cảnh mộng chẳng phải là thật có.

Phàm phu cũng như vậy, do chìm đắm trong đêm dài vô minh u ám, ôm ấp các kiết sử, phiền não, nên trước các vật chẳng thật có mà vẫn chấp đắm cho là có thật... Chỉ khi nào được giác ngộ rồi, mới rõ biết các pháp tướng đều là như mộng.

Lại nữa, mộng bắt nguồn từ vô minh, khiến sự việc “chẳng thật có” mà chấp là “có”; cảnh “chẳng vui mà cho là vui”, điều “chẳng đáng sân” mà lại “khởi sân”, điều “chẳng đáng sợ” mà lại sợ. Chúng sanh trong 3 cõi đều như vậy cả.

Lại nữa, có 5 thứ mộng. Đó là:

- Khi trong thân có nhiều khí nóng, thì thường nằm mộng thấy lửa, thấy các màu vàng, màu đỏ.

- Khi trong thân có nhiều khí lạnh, thì thường nằm mộng thấy nước, thấy màu trắng.

- Khi trong thân có nhiều hơi, thì thường nằm mộng thấy mình bay bổng lên, và cũng thường thấy màu đen.

- Khi tư duy nhiều về những điều thấy nghe thường ngày, thì thường nằm mộng thấy lại các cảnh tượng đó.

- Lại cũng có khi thấy các vị Trời, các vị thần báo mộng cho thấy các việc sắp xảy ra trong tương lai.

Tất cả 5 thứ mộng ấy đều thật chẳng có.

Chúng sanh cũng lại như vậy. Do chấp Thân kiến mà thấy có cái Ta theo 4 ý niệm sai khác. Đó là: Sắc ấm là Ta; Sắc là của Ta, Ta ở trong sắc; Sắc ở trong Ta.

Dẫn đến Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng đều như vậy cả.

Bởi vậy nên có đến $4 \times 5 = 20$ thứ chấp Ngã.

Người đã được Đạo là người đã có Thật Trí huệ, đã vào được nơi Thật Tướng của các pháp, nên rõ biết tất cả các sự việc nêu trên đây đều thật chẳng có.

Hỏi: *Thức Tâm phải hội đầy đủ các nhân duyên rồi mới có thể sanh ra mộng. Như vậy sao lại nói mộng là không thật có?*

Đáp: Chẳng thể nói như vậy được. Ví như khi nằm mộng thấy người có sừng, thấy mình bay bổng lên không trung v.v... Những cảnh mộng ấy đều không thật có. Chỉ do mê lầm mà thấy như vậy mà thôi

Hỏi: *Thế giới bao la, thời gian vô tận. Biết đâu do các nhân duyên huân tập những chủng tử trong nhiều đời nhiều kiếp, mà nay nằm ngủ đột nhiên thấy các chủng tử ấy hoạt phục, hiện ra trong mộng. Nếu trước đó chẳng có duyên 5 trần, thì nay làm sao có thể sanh ra thức được? Làm sao có thể nhận biết được cảnh mộng?*

Đáp: Đây chẳng phải do duyên 5 trần, mà do sức tư duy chuyển thành duyên sanh pháp. Do trước đã có nghe người nói, mà nay sanh tưởng tượng, khiến nằm mộng thấy như vậy đó thôi. Nên biết rằng dùng các giác quan, ta có thể thấy,

nghe, có thể biết được các pháp, nhưng thật sự các pháp vốn là Không, chẳng thật có vậy. Bởi nhân duyên vậy, nên nói: “Các pháp đều như huyễn, như mộng”.

8. *Như ảnh*

Ảnh chỉ có thể thấy, mà chẳng có thể nắm bắt được. Các pháp có thể thấy được, có thể nghe được, có thể biết được nhưng thật sự đều là bất khả đắc, chẳng phải thật có vậy.

Lại nữa, khi ánh sáng bị một vật gì ngăn chặn thì mới có ảnh hiện ra. Cũng như vậy, khi ánh sáng chánh kiến bị các phiền não kiết sử ngăn che thì tướng “Pháp” và tướng “Ngã” mới hiện ra.

Lại nữa, khi vật dời thì ảnh cũng dời theo. Khi vật động thì ảnh cũng động. Ảnh nghiệp thiện ác cũng như vậy. Nếu chẳng đoạn được quả báo trong 3 đời, thì các nghiệp nhân tội phước, khi đến thời chín muồi cũng sẽ hiện ra thành các nghiệp quả tương ứng. Như bài kệ thuyết:

*Trên không cũng lên dưới;
Dưới biển cũng xuống tìm.
Đâu đâu cũng bám sát,
Nghiệp báu chẳng rời nhau.*

Bởi nhân duyên vậy, nên nói “Các pháp đều như ảnh, chẳng thật có”.

9. *Như bóng trong gương*:

Người cầm gương soi mặt thấy bóng mình hiện ra trong gương. Bóng trong gương chẳng do gương làm ra, chẳng phải do mặt làm ra, chẳng phải tự nhiên mà có, chẳng phải không có nhân duyên mà có.

Vì sao như vậy?

Vì nếu không có người cầm gương soi mặt, thì chẳng có bóng hiện ra trong gương; nếu không có gương, thì chẳng sao có bóng được. Do gương đối mặt, mặt đối gương, mà người soi gương mới thấy được bóng của mình hiện ra trong gương được. Như vậy bóng chẳng phải tự nhiên mà có được. Lại nữa, nếu không có nhân duyên mà có bóng, thì bóng phải là “thường có”. Mà đã là thường có, thì khi không có gương, không có người, thì bóng cũng vẫn có vậy. Hội đủ các duyên nêu trên đây, thì bóng mới có thể hiện ra trong gương được.

Các pháp cũng là như vậy. Chẳng phải tự làm ra, chẳng phải do ai làm ra, chẳng phải tự nhiên mà có, chẳng phải không có nhân duyên mà có được.

Vì sao như vậy?

Vì Ngã là bất khả đắc, cho nên các pháp chẳng có thể tự làm ra được, mà phải do duyên hòa hợp mới được tạo thành.

Vì “tự” đã không thì “tha” cũng không. Nếu là “tha tác” tức là do ai khác làm ra, thì chẳng có tội phước nữa.

Lại nữa, “tha tác” có thể là thiện, có thể là bất thiện. Nếu đáng tạo tác ra các pháp là thiện, thì chỉ ban phát toàn sự an vui; nếu đáng tạo tác ra các pháp là bất thiện, thì chỉ gây ra toàn sự đau buồn khổ não. Cho nên biết các pháp chẳng phải do ai làm ra cả.

Lại nữa, nếu chẳng có duyên khởi, thì chẳng câu thọ lạc, chẳng cần diệt khổ làm gì nữa. Cho nên biết các pháp đều do duyên khởi tác thành; chỉ vì ngu muội mà không biết vậy thôi.

Hãy nhìn người cưa cây để tìm lửa, người đào đất để tìm nước, người phẩy quạt để tìm gió. Tất cả những sự việc như vậy đều ở trong phạm trù của “duyên khởi”. Cho nên biết

“khổ lạc đều do duyên hòa hợp sanh, do nghiệp cảm nhân duyên nối tiếp từ đời này sang đời khác, mà có vậy”.

Khổ lạc tuy vô lượng, nhưng chẳng có người làm ra, cũng chẳng có người thọ lãnh; chẳng phải do 5 uẩn làm ra, cũng chẳng phải 5 uẩn thọ lãnh. Kẻ vô trí, khi gặp cảnh vui, thì sinh ái trước; khi gặp cảnh khổ thì sinh buồn nản, khổ đau. Người ở đời cứ mãi miết hụp lặn trong đục lạt, hết thú vui này, lại chạy đi tìm thú vui khác, chẳng khác gì trẻ thơ mãi mê tìm bóng trong gương.

Lại nữa, bóng trong gương chẳng có sanh, chẳng có diệt, chỉ có thể lừa dối kẻ phàm phu. Hết thấy các pháp cũng như vậy, cũng chẳng có sanh, chẳng có diệt; nhưng phàm phu, do mê lầm mà sanh tâm chấp đắm; từ đó khởi ra các nỗi khổ vui.

Hỏi: *Bóng trong gương theo nhân duyên sanh. Do có thấy bóng mới sanh ra có vui, có buồn. Như vậy vì sao lại nói “bóng chẳng thật có”, nói “bóng chẳng có sanh, chẳng có diệt”?*

Đáp: Các pháp theo duyên sanh, nên không tự tại, không thật có. Vì sao như vậy?

Vì ở trong duyên này đã có sẵn duyên trước; trùng trùng duyên khởi, chẳng có một nhân nào nhất định sanh ra một quả nhất định cả. Ví như trong sữa có sẵn chất kem nên sữa chẳng phải là nhân của chất kem. Nhưng nếu trong sữa không có sẵn chất kem, thì sữa cũng không thể dùng để làm ra kem được. Dù cho sữa là nhân của kem đi nữa, thì nhân ấy cũng không tự tại. Vì sữa cũng lại do rất nhiều duyên sanh, như có bò mới có sữa, bò phải ăn cỏ tốt, phải uống nước trong v.v... mới có được sữa tốt để làm kem. Như vậy có vô lượng nhân duyên sanh pháp.

Bởi vậy, nên nói: “Trong nhân có quả”, hay nói: “Trong nhân không có quả” cũng đều không đúng vậy. Vì sao? Vì chẳng phải có, cũng chẳng phải không vậy. Các pháp theo nhân duyên sanh, đều chẳng có tự tánh, chỉ ví như bóng trong gương.

Như bài kệ thuyết:

*Pháp nào do duyên sanh,
Pháp ấy chẳng thật có.
Pháp nào chẳng phải KHÔNG,
Chẳng theo duyên CÓ được.
Ví như bóng trong gương,
Chẳng do gương hay mặt,
Chẳng do người cầm gương
Chẳng phải tự nhiên sanh,
Chẳng phải không nhân duyên,
Chẳng CÓ cũng chẳng KHÔNG.
Xả bỏ các chấp ấy,
Mới vào nơi Trung đạo.*

10. Như Hóa:

Có 14 Biến hóa Tâm. Đó là:

- Ở Sơ Thiên có 2 (Dục Giới tâm và Sơ Thiên tâm).
- Ở Nhị thiên có 3 (Dục Giới tâm, Sơ Thiên tâm và Nhị Thiên tâm).
- Ở Tam Thiên có 4 (Dục Giới tâm, Sơ Thiên tâm, Nhị Thiên tâm và Tam Thiên tâm).
- Ở Tứ Thiên có 5 (Dục Giới tâm, Sơ Thiên tâm, Nhị Thiên tâm, Tam Thiên tâm và Tứ Thiên tâm).

Số 14 Biến hóa Tâm này được chia thành 8 loại. Đó là:

- Hóa thành nhỏ như vi trần.
- Hóa thành lớn, đầy khắp hư không.
- Hóa thành nhẹ như lông hồng.
- Hóa lớn thành nhỏ, nhỏ thành lớn, dài thành ngắn, ngắn thành dài.
- Hóa xa thành gần, gần thành xa.
- Hóa thành có sức lực hùng mạnh.
- Làm cho mặt đất rung chuyển.

Hóa một thân thành nhiều thân, hiện thân thông như đi xuyên qua vách đá, đi trên mặt nước, đi giữa hư không v.v...

Lại nữa, nên biết có 4 hạng chúng sanh sau đây có thể biến hóa ra các vật như biến hóa ra các loại cây cỏ thuốc, các loại đá quý v.v...

Đó là:

- Người ở cõi Dục có luyện khoa Huyền thuật.
- Người ở cõi Dục, do sức tu Định mà có thần thông.
- Thiên long, Quỷ thần, do sanh báo mà có thần thông.
- Chư Thiên ở cõi Sắc, do sanh báo và do sức tu Định mà có thần thông.

Nên biết hết thảy các pháp cũng chỉ là hóa vật, chẳng có sanh, chẳng có diệt. Bởi nhân duyên vậy, nên nói “Các pháp như là hóa”. Lại nữa, vật hóa sanh trong định là do tâm sanh, chẳng thật có.

Thân người cũng vậy. Do dục nhiễm mà sanh tâm tương

tục, dẫn đến có thân ở đời nay. Nhưng thân vốn là Không, chẳng thật có, là như hóa vật.

Khi hóa Tâm diệt, thì các pháp duyên khởi cũng diệt, các quả cũng diệt, chẳng có tự tại. Như vậy các hóa vật, hóa sự, tuy chẳng thật có, mà thường khiến chúng sanh khởi các phiền não.

Lại nữa, tướng của Biến Hóa thanh tịnh như hư Không, chẳng có nhiễm trước, chẳng có tội phước. Hết thảy các pháp cũng đều như vậy cả, vì pháp tánh là như như, là bất động. Ví như ở cõi Diêm Phù Đề có 4 sông lớn; mỗi sông lớn dung chứa cả trăm, ngàn, muôn, ức... nguồn nước từ khắp nơi chảy về, mang theo đủ thứ đồ bất tịnh; thế nhưng khi chảy về biển cả, tất cả các nguồn nước ấy đều trở thành thanh tịnh.

Hỏi: *Biến hóa là do tâm người và do pháp. Như vậy là nhân. Sao lại nói là không?*

Đáp: Biến hóa là hư dối. Có duyên khởi “biến hóa” nhưng chẳng có quả. Ví như có tâm sanh, có miệng nói, nhưng chẳng phải vì vậy mà những gì nói ra đều là thật cả.

Như Phật nói: “Từ Hữu Sanh, quán Vô Sanh mà được Giải thoát. Từ Hữu Vi, quán Vô Vi mà được Giải thoát”. Như vậy tuy pháp là Vô Sanh, mà người quán Vô Sanh có thể dùng pháp Hữu Sanh làm duyên khởi để quán Vô Sanh vậy. Quán Vô Vi cũng là như vậy. Người quán Vô Vi có thể dùng pháp Hữu Vi làm duyên khởi để quán Vô Vi. Bởi vậy cho nên “Hóa” tuy là Không, mà có thể làm duyên khởi để cho tâm sanh khởi. Cũng như 9 dụ trước đây (như huyễn, như diệm, như trăng dưới nước...) tuy là Không mà có thể làm duyên khởi để cho tâm sanh khởi vậy.

Hỏi: 10 dụ nêu trên đây cùng với Không chẳng có gì khác. Vì sao chỉ lấy 10 sự việc này làm dụ mà thôi?

Đáp: Các pháp tuy đều là Không mà có sai khác. Có cái Không dễ giải thích, có cái Không khó giải thích. Nay lấy cái Không dễ hiểu để làm dụ giải thích cái Không khó hiểu. Lại nữa, ở nơi các pháp, có chỗ tâm chấp, có chỗ tâm không chấp. Nay lấy chỗ tâm không chấp để làm dụ phá chỗ tâm chấp.

Hỏi: Vì sao nói 10 dụ nêu trên đây đều là chỗ tâm không chấp?

Đáp: Vì 10 sự việc này đều là những pháp chẳng có kiên cố, lâu bền, liền sanh liền diệt, cho nên đều là chỗ tâm không chấp. Tuy nhiên, có người biết các pháp này lừa dối tai, mắt, nhưng cũng có người nghe hết 10 dụ này rồi mà vẫn chẳng rõ được pháp Không. Đối với những hạng người sau cần dùng những pháp môn khác để dạy cho họ.

Hỏi: Nếu các pháp đều là Không, chẳng có sanh, chẳng có diệt thì 10 dụ này dùng làm duyên khởi cho các luận nghị cũng đều là Không cả. Lại nữa, nếu các pháp đều là Không, thì chẳng thể thuyết các dụ được; ngược lại, nếu thuyết các dụ, thì chẳng phải là Không. Như vậy thì dùng 10 dụ đâu có ích lợi gì?

Đáp: Thuyết Không nhằm phá pháp Hữu.

Nếu dùng 10 dụ để thuyết pháp Hữu, thì mới nên vấn nạn, còn nếu dùng 10 dụ để thuyết pháp Không, thì chẳng nên thắc mắc làm gì.

Ví như vị Tỷ-kheo, do chấp sự, mà đưa tay lên xuống, nói với đại chúng rằng: “Xin đại chúng hãy giữ im lặng”.

Đây là lấy “tiếng nói” để ngăn “tiếng nói”, nhưng chẳng phải là “tiếng nói” thật có vậy.

Bởi vậy nên, tuy thuyết các pháp là không, chẳng có sanh, chẳng có diệt, nhưng vì chư Phật, chư Bồ tát thương xót chúng sanh độn căn, độn trí, mà phải nói các pháp là “phi hữu”, là chẳng phải thật có, là “như hóa” vậy .

PHẬT THẾ GIỚI NGUYỆN (Mong Được Cảnh Giới Phật)

-o0o-

KINH:

Đã được vô ngại, vô úy.

LUẬN:

Ở nơi 5 Âm, 12 Nhập, 18 Giới mà chẳng có Tập, chẳng có Diệt, mới gọi là được Vô Ngại, Vô Úy.

Hỏi: Trước đây đã nói “Bồ tát ở giữa vô số, vô lượng chúng sanh, đã được Vô Sở Úy. Nay còn nhắc lại làm gì nữa?

Đáp: Trước đây nói về Nhân, nay nói về Quả.

Ở giữa Đại Chúng, Bồ tát thuyết pháp vô tận, luận nghị vô tận, giải các nghi vấn của chúng sanh vô tận; như vậy nên Bồ tát được Vô Ngại, Vô Úy.

Khi đã được lực Vô Ngại rồi, thì ở nơi hết thảy các sự việc đã từng hay biết, chưa từng hay biết cũng đều được vô ngại cả.

Ví như khi đã hiểu rõ ráo một loại kinh thơ, thì đối với trăm ngàn loại kinh thơ khác cũng đều được vô ngại. Do vậy mà Bồ tát dù ở trong một Chúng, hoặc ở trong trăm ngàn Chúng cũng đều được vô ngại cả. Trí Vô Ngại là như vậy.

Tuy nhiên, trí Vô Ngại của Bồ tát chưa phải là Phật trí.

Ví như, trong kinh có chép: “Khi Phật phóng chiếc bát, mà Bồ tát Di Lặc cùng chư vị Bồ tát khác đều chẳng nắm bắt được”.

Vì sao như vậy? Đó là vì trí Vô Ngại của chư vị Bồ tát chưa được rõ ráo, chưa bằng được trí Vô Ngại của Phật vậy.

-oOo-

KINH:

Rõ biết tâm hạnh của hết thảy chúng sanh, để từ đó dùng vi diệu trí huệ mà cứu độ họ.

LUẬN:

Hỏi: *Làm sao có thể biết được tâm hạnh của hết thảy chúng sanh?*

Đáp: Trí huệ của Bồ tát như ánh sáng mặt trời, soi chiếu Tâm hạnh của hết thảy chúng sanh, biết rõ chúng sanh muốn hướng về đâu, rồi từ đó dùng các phương tiện thiện xảo để giáo hóa họ. Vì sao như vậy?

Vì chúng sanh có 2 hạng. Đó là:

- Hạng thường chỉ cầu vui.
- Hạng thường mong cầu Trí huệ.

Đôi với hạng chúng sanh chỉ thường cầu vui, Bồ tát dạy họ rằng:

Các người nên tự trách mình, từ vô số kiếp đến nay, đã chứa nhóm vô lượng tạp nghiệp. Nếu các người cứ mãi miết chạy theo các thú vui ở đời, mà chẳng biết rằng mình như người đang say, thì các người chẳng sao có thể xa lìa được các khổ. Khi còn trong thai mẹ đã khổ, sanh ra ở đời lại phải chịu khổ già, bệnh, chết cùng vô lượng các khổ khác nữa. Dù được sanh lên cõi Trời, cũng vẫn còn bị đọa lạc trong 3 cõi, vẫn còn chưa được an lạc.

Bồ tát, vì biết rõ Tâm Hạnh của chúng sanh, nên dùng các phương tiện Trí Huệ dạy cho họ đoạn các khổ, dẫn cho họ ra khỏi nhà lửa của 3 cõi.

Hỏi: *Thế nào là dùng Vi Diệu Huệ để độ thoát chúng sanh?*

Đáp: Bồ thí Ba-la-mật, Trì giới Ba-la-mật, Thiền định Ba-la-mật gọi là Vi Diệu Huệ.

Lại nữa, nếu chỉ dùng Thiền Định Trí là Thô Huệ. Còn nếu dùng Vô Úy Thiền Định Trí là Vi Diệu Huệ.

Lại nữa, nếu thủ tướng mà thuyết pháp là Thô Huệ. Còn nếu ở nơi các tướng mà chẳng có thủ, chẳng có xả là Vi Diệu Huệ.

Lại nữa, nếu thuyết rằng các tướng là vô thường, thì chỉ là Thô Huệ. Còn nếu thuyết rằng các tướng chẳng thể hoại như kim cương, chẳng thể nhiễm trước như hư không là Vi Diệu Huệ.

Như vậy có vô lượng phương tiện Vi Diệu Huệ. Vì Bồ tát đã biết rõ Tâm Hạnh của hết thảy chúng sanh, nên mới có thể dùng Vi Diệu Huệ để độ thoát chúng sanh ra khỏi nhà lửa của 3 cõi.

KINH:

Các ngài đã được vô quái ngại.

LUẬN:

Hỏi: *Thế nào là “Vô Quái Ngại”?*

Đáp: Ở nơi kẻ oán cũng như người thân, Bồ tát luôn luôn giữ tâm bình đẳng. Như vậy gọi là được tâm Vô Quái Ngại.

Dù được chúng sanh cung kính, cúng dường Bồ tát vẫn chẳng hãnh diện, chẳng vui mừng. Dù bị chúng sanh đến mắng nhiếc, đánh đập hay ám hại. Bồ tát cũng vẫn chẳng hề oán hận.

Tâm thanh tịnh như vậy mới gọi là “Tâm Vô Quái Ngại”.

Lại nữa, ở nơi hết thầy các pháp, Bồ tát cũng vẫn giữ tâm bình đẳng, vô quái ngại.

Hỏi: *Các Bồ tát chưa được Phật Đạo, thì làm sao có thể được tâm Vô Quái Ngại?*

Đáp: Các Bồ tát đều đã được Vô Lượng Trí thanh tịnh, nên ở nơi hết thầy pháp được tâm Vô Quái Ngại.

Hỏi: *Các Bồ tát chưa được Phật Đạo, thì làm sao có thể được Trí Thanh Tịnh?*

Đáp: Các Bồ tát đều đã được thân tự tại, chẳng phải do kết nghiệp mà Sanh thân. Chỉ vì thương xót chúng sanh, vì trang nghiêm Phật độ, vì giáo hóa chúng sanh, mà Bồ tát thị hiện sanh thân. Bồ tát đã được Pháp thân tự tại, đã qua khỏi “Sanh, già, bệnh, chết”.

Hỏi: *Các Bồ tát đã được Pháp thân rồi. Như vậy, so với Phật đâu còn có gì sai khác? Vì sao Bồ tát còn đến bên Phật, lễ Phật, nghe Phật thuyết pháp?*

Đáp: Các Bồ tát, tuy đã được Pháp thân, nhưng vẫn chưa được bằng Phật. Bồ Tát chỉ ví như trăng đêm 14, Phật ví như trăng đêm rằm tỏa ánh sáng trong thanh.

Lại nữa, vô lượng trí thanh tịnh nói trên đây chẳng phải có nghĩa hoàn toàn tuyệt đối. Vì sao? Vì thật sự trí của Bồ tát vẫn còn có thể lượng được, nhưng do chúng sanh chẳng sao lượng được, nên gọi là “vô lượng” đó thôi vậy. Ví như nước trong biển cả, nước của sông Hằng thật sự có thể lượng được, nhưng do chúng sanh chẳng sao lượng được, nên đành nói là vô lượng vậy.

Hàng chư Thiên, hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật cũng chẳng có thể lượng được trí thanh tịnh của Bồ tát, nên gọi là “vô lượng trí thanh tịnh”. Chư vị Bồ tát do đã đoạn sạch kiết sử, đã vào được Vô Sanh Pháp Nhãn, mà được “vô lượng trí thanh tịnh” vậy.

Hỏi: *Bồ tát đã đoạn sạch kiết sử rồi, đã được trí thanh tịnh rồi, thì so với Phật đâu có khác gì?*

Đáp: Thanh tịnh có hai nghĩa. Đó là:

- Khi thành Phật, đoạn sạch các kiết sử là chứng được tánh thanh tịnh.

- Bồ tát, khi xả nhục thân, được pháp thân, do đoạn kiết sử mà được thanh tịnh.

Ví như một ngọn đèn cũng phá được bóng tối, nhưng nếu có thêm ngọn đèn lớn hơn, thì càng được sáng tỏ hơn. Cũng như vậy, tuy đã được trí thanh tịnh, nhưng vẫn chưa được thanh tịnh bằng Phật. Do được trí thanh tịnh, nên Bồ tát được Vô Quái Ngại ở nơi hết thảy pháp.

KINH:

Đã thành tựu được đại nhân.

LUẬN:

Hỏi: Trước đây đã có nói về *Đẳng Nhân* và *Pháp Nhân* rồi. Sao nay lại nói “thành tựu đại nhân” nữa?

Đáp: Khi cả hai Nhân nói trên đã được tăng trưởng, thì gọi là “thành tựu Đại Nhân”.

Lại nữa, khi đã được Vô Sanh Pháp Nhân rồi là đã được thân cuối cùng, thấy được chư Phật khắp 10 phương hiện ra trước mắt như vậy là đã thành tựu Đại Nhân.

Lại nữa có hai thứ Nhân. Đó là Sanh nhân và Pháp nhân.

- Trải qua hàng hà sa kiếp, nếu có chúng sanh đến mắng nhiếc, đánh đập, sát hại mà chẳng sanh tâm sân nhuế; được cung kính cúng dường mà chẳng có vui mừng... thì gọi là Sanh nhân.

- Quán các pháp chẳng có khởi đầu, chẳng có chặng cuối, chẳng có chặng giữa, là chẳng rơi về Nhị Biên, nghĩa là chẳng rơi về Thường Kiến cũng chẳng rơi về Đoạn Kiến, được an ổn, không quái ngại. Như vậy là được Pháp nhân.

Hỏi: Thế nào là *Thậm Thâm Pháp*?

Đáp: Như nói trong 12 Nhân Duyên, Nhân và Quả tương tục xoay vần, trong Nhân chẳng có quả cũng chẳng phải chẳng có quả... gọi là *Thậm Thâm Pháp*.

Lại nữa, được 3 Giải Thoát Môn là được Niết bàn thường lạc gọi là *Thậm Thâm Pháp*.

Lại nữa, quán các pháp chẳng phải Không, chẳng phải chẳng Không, chẳng có tướng, chẳng phải chẳng có tướng,

chẳng có tác giả làm ra, chẳng phải chẳng có tác giả làm ra. Bồ tát Quán như vậy mà chẳng sanh tâm chấp đắm, nên gọi là thâm thâm. Như bài kệ thuyết:

*Pháp do nhân duyên sanh,
Nhưng tự tướng vốn Không.
Chỉ giả danh là Có.
Gọi theo nghĩa Trung đạo.
Nếu pháp là thật Có.
Chẳng thế nào là Không,
Nếu trước Có, nay Không,
Thì đó là Đoạn Diệt.
Pháp chẳng thường, chẳng Đoạn,
Chẳng Có, cũng chẳng Không,
Tâm thức đầu tận diệt,
Nói năng đều bặt dứt.*

Bồ tát được trí tâm như vậy, nên được Vô Ngại, gọi là thành tựu Đại Nhẫn.

-o0o-

KINH:

Như thật độ chúng sanh.

LUẬN:

Các pháp của Ngoại đạo, tuy cũng có độ được chúng sanh, nhưng chẳng phải như thật độ, vì hãy còn các tà kiến và kiết sử.

Các pháp của hàng Nhị thừa, tuy cũng có độ chúng sanh, nhưng cũng chẳng phải Như Thật Độ, vì chẳng có Nhất Thiết Trí, chẳng có đầy đủ các sức phương tiện.

Chỉ có Bồ tát mới Như Thật Độ chúng sanh.

Ví như, giữa hai phương tiện để vượt qua sông Hằng, một bên là bè kết bằng thân cây, một bên là thuyền đóng bằng gỗ tốt, chắc chắn, thì thuyền là phương tiện tốt nhất để độ người sang sông. Bồ tát khéo độ chúng sanh cũng là như vậy đó.

Lại nữa, có bệnh nhân phải dùng đến các thuốc đắng mới mong lành bệnh, có bệnh nhân chỉ lấy mắt nhìn vị thuốc Tô Đà Phiến là tức thì được lành bệnh. Thanh Văn và Bồ tát giáo hóa chúng sanh cũng là như vậy. Thanh Văn dạy người phải tu hạnh Đầu đà, phải tọa Thiền, phải quán Khổ... mới được đạo... Còn Bồ tát chỉ dạy người quán các pháp Tướng chẳng có “buộc”, chẳng có “mở” là được tâm thanh tịnh, là được Đạo.

Như trong kinh *Văn Thù Sư Lợi Bản Tuyên* có ghi mẫu chuyện sau đây:

Ngài Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Trong vô số kiếp về trước, Phật Sư Tử Âm Vương dùng 3 Thừa Giáo để độ chúng sanh. Quốc độ của Phật ấy gọi là Thiện Quang Minh. Ở nơi đây có những cây thọ mạng lâu dài, cây đều toàn bằng 7 thứ báu, phát ra vô lượng âm thanh thanh tịnh, như thuyết về các pháp Không, Vô tướng, Vô tác, Bất sanh, Bất diệt... Chúng sanh vừa nghe là liền được giải thoát.

Lúc bấy giờ Phật Sư Tử Âm Vương, ở trong chúng hội, nói pháp. Hội thứ nhất có 99 ức người được đạo A-la-hán; có vô số Bồ tát được Vô Sanh Pháp Nhãn, vào được trong các pháp môn, thấy được vô lượng các đức Phật, độ được vô

lượng chúng sanh, được vô lượng các Đà la ni và Tam Muội; lại có các vị Bồ tát sơ phát tâm, nhiều chẳng sao kể xiết được. Phật giáo hóa xong liền vào Vô Dư Niết Bàn. Lúc bấy giờ có 2 vị Bồ tát Tỷ-kheo là Hỷ Căn và Thắng Ý.

Pháp sư Hỷ Căn, dung mạo chánh trực, chẳng bỏ pháp Thế Gian, chẳng có phân biệt thiện ác. Đệ tử của Hỷ Căn đều thông minh, ưa nghe thâm nghĩa của các pháp. Pháp sư Hỷ Căn chẳng tán thán Thiệu Dục, Tri Túc, chẳng tán thán hạnh Đầu đà, chỉ nói về Thật Tướng thanh tịnh của các pháp. Ngài nói với các đệ tử rằng: “Tướng của dâm, nộ, si, cũng là Thật Tướng pháp”; ngài lại dùng đủ các phương tiện giáo hóa các đệ tử, dẫn họ vào Nhất Thiết Trí. Các đệ tử của ngài, ở trong nhân gian mà tâm chẳng sanh, chẳng hối, tâm thường bất động như núi Tu Di, nên đều được Vô Sanh Pháp Nhãn.

Trong khi đó thì Pháp sư Thắng Ý trì giới thanh tịnh, tu hạnh Đầu đà, được 4 Thiền, 4 Vô sắc định. Các đệ tử của Pháp sư Thắng Ý phân nhiều độn căn, thường phân biệt tịnh với uế, nên tâm thường lay động. Pháp sư Thắng Ý, khi vào các tụ lạc thường thuyết về các hạnh Tri túc, Thiệu dục, khuyến tu hạnh Đầu đà, tu các Thiền định, lại chê trách Pháp sư Hỷ Căn dẫn người theo tà kiến, nên mới nói các tướng của dâm, nộ, si đều Vô Quái Ngại.

Có vị đệ tử của Pháp sư Hỷ Căn, lợi căn, lợi trí đã được Vô Sanh Pháp Nhãn, đến thưa Pháp sư Thắng Ý rằng: “Thưa Đại đức! Tướng của pháp Dâm Dục là gì?”

Pháp sư Thắng Ý đáp: Đó là tướng của phiền não.

Đệ tử ngài Hỷ Căn lại hỏi: Dâm dục, phiền não ở bên trong hay ở bên ngoài?

Ngài Thắng Ý đáp: Chẳng ở trong, cũng chẳng ở ngoài.

Đệ tử ngài Hỷ Căn lại nói: Nếu dâm dục, phiền não chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở phương Đông, Tây, Nam, Bắc thì dù có cầu khắp cả 4 châu thiên hạ, cũng chẳng sao tìm được Thật Tướng. Như vậy là pháp ấy chẳng có sanh, chẳng có diệt, thì làm sao có thể nào loạn được ta?

Pháp sư Thắng Ý nghe xong, tâm chẳng được vui, nhưng ngài chẳng có thể trả lời được, ngài từ tòa đứng dậy, nói: Pháp sư Hỷ Căn đã lầm lạc, và đã dẫn đệ tử vào tà đạo.

Pháp sư Thắng Ý, vì chưa được âm thanh Đà la ni, nên nghe Phật dạy thì liền sanh tâm hoan hỷ, nghe Ngoại đạo nói thì liền khởi sân nhuế, nghe nói đến 3 đường ác thì liền chẳng được vui, nghe nói đến 3 đường thiện thì liền thấy an ổn, nghe nói đến sanh tử thì liền ưu phiền, nghe nói đến Niết Bàn thì liền cảm thấy an lạc.

Sau cuộc đối thoại, Pháp sư Thắng Ý trở về tịnh xá nói với đệ tử của mình rằng: “Pháp sư Hỷ Căn lầm lạc, dẫn dắt người vào tà đạo. Vì sao? Vì Pháp sư Hỷ Căn đã khẳng định rằng tướng của dâm, nộ, si cùng tướng của hết thảy các pháp đều là vô ngại cả”.

Pháp sư Hỷ Căn nghe nói như vậy, tự nghĩ rằng: “Bồ tát Thắng Ý bị các ác nghiệp che lấp tâm trí, ắt phải bị đọa vào ác đạo. Ta phải nên vì ngài, nói lên pháp thậm thâm. Tuy đời này chẳng có được gì, nhưng đời sau sẽ làm nhân duyên dẫn vào Phật Đạo”. Nghĩ như vậy rồi, Pháp sư Hỷ Căn nói kệ rằng:

*Dâm dục tức là Đạo,
Si nhuế cũng như vậy,
Vô lượng các Phật Đạo.
Chẳng khác ba pháp ấy.
Nếu có người phân biệt.*

*Dâm nô si khác Đạo,
 Người ấy xa các Phật,
 Ví như Trời và Đất.
 Đạo cùng Dâm, Nô, Si.
 Là một pháp bình đẳng,
 Nếu nghe mà sợ hãi.
 Cách Phật Đạo rất xa.
 Pháp Dâm chẳng sanh diệt,
 Chẳng thể nào loạn tâm.
 Nếu người chấp lấy Ta,
 Dâm dẫn vào ác đạo.
 Chấp CÓ khác với KHÔNG
 Bị CÓ KHÔNG trói buộc
 Nếu biết CÓ tức KHÔNG
 Siêu thăng thành Phật Đạo.*

Ngài Hỷ Căn vừa nói xong bài kệ, có 3 vạn thiên tử liền được Vô Sanh Pháp Nhãn, 1 vạn 8 ngàn Thanh Văn chẳng còn chấp hết thầy các pháp, đều được giải thoát.

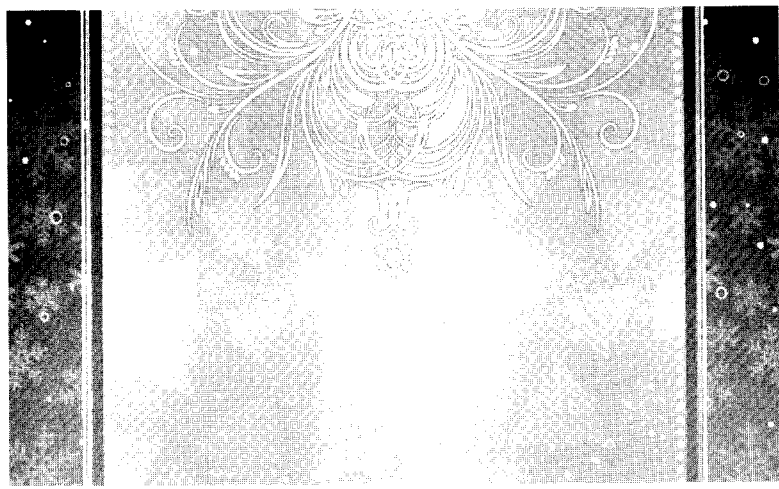
Trong lúc đó, Bồ tát Thắng Ý bị sa vào địa ngục, thọ khổ. Khi trở lại làm người, trong 74 vạn đời, thường bị phi báng, và thường chẳng được nghe danh Phật. Rồi tội mỏng lần lần, lại trở lại nghe được Phật pháp, xuất gia hành đạo, nhưng lại bị xả giới, trong vô lượng đời làm Sa môn mà căn vẫn ám độn, Còn Bồ tát Tỷ-kheo Hỷ Căn nay thành Phật ở phương Đông, hiệu là Bửu Nghiêm, ngài Văn Thù Sư Lợi bạch Phật: “Thắng Ý Tỷ-kheo là tiền thân của con vậy. Nếu có người cầu 3 thừa đạo, thì chẳng nên phá các tướng của các pháp, mà ôm lòng sân nhuế”.

Phật hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi: “Ông nghe bài kệ ấy thấy có được lợi ích gì?”

Ngài Văn Thù đáp: “Con nghe xong bài kệ liền vui các khổ, được trí huệ lanh lợi, giải và nói được thâm nghĩa của Phật pháp. Nhờ vậy mà nay ở trong chúng Bồ tát con trở thành vị Thượng thủ”

Như vậy gọi là khéo thuyết các pháp tướng, cũng gọi là Như Thật Khéo Độ.

(Hết quyển 6)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 7



Phẩm Thứ Nhất (TIẾP THEO)



PHẬT THẾ GIỚI NGUYỆN (tiếp theo)

KINH:

Nguyện lãnh thọ vô lượng thế giới Phật.

LUẬN:

Các Bồ tát thấy được vô lượng thế giới trang nghiêm thanh tịnh của chư Phật, có thế giới chẳng có các khổ. Bồ tát thấy như vậy rồi, nguyện sanh về các thế giới ấy, ở nơi đây thường có vô lượng quang minh, trang nghiêm, thanh tịnh.

Lại thấy có thế giới, mà nơi đó hết thấy chúng sanh đều tu hành 10 Thiện Đạo, có trí huệ sáng suốt. Lại có thế giới chỉ thuần có các vị Bồ tát, sắc thân như Phật; nơi đây chẳng có, hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật; hết thấy các Bồ tát nơi đây đều hành thâm diệu pháp, giáo hóa hết thấy chúng sanh. Bồ tát thấy như vậy rồi, phát nguyện:

“Khi tôi được thành Phật rồi, thì các chúng sanh ở quốc độ của tôi cũng sẽ như vậy”.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói “Bồ tát nguyện thọ vô lượng thế giới của chư Phật”.

Hỏi: *Bồ tát đã có hạnh nghiệp thanh tịnh, tự được nghiệp báo thanh tịnh rồi. Như vậy cần gì phải phát nguyện mới có?*

Đáp: Nếu làm phước mà chẳng có phát nguyện thì chẳng có mục tiêu. Lập nguyện là để dẫn đường; có như vậy mới thành tựu được mục tiêu. Ví như người thợ vàng, trước khi nấu vàng, phải lập ý nên làm loại nữ trang gì, để theo đó mà thực hiện vậy.

Phật dạy: “Có người ít tu giới, ít tu phước, chẳng thường làm việc thiện, nhưng thấy người giàu có nguyện sẽ được như vậy. Do thường nghĩ, thường niệm phước báo như vậy, mà ở kiếp sau, người ấy sẽ sanh làm người giàu có. Lại có người nghe nói đến các cõi trời Tứ Thiên Vương thiên, Tam Thập Tam thiên, Đâu Suất Đà thiên, thường nhớ nghĩ đến các cảnh vui ấy, mà ở một kiếp sau, sẽ sanh về các cõi ấy. Đây là do nguyện lực mà được vậy”.

Bồ tát cũng vậy, do phát đại nguyện tịnh các thế giới Phật, nên khi được thành đạo, Bồ tát cũng sẽ do nơi nguyện lực mà thọ được thắng quả.

Lại nữa, việc trang nghiêm các thế giới Phật là việc lớn, nên cần phải có nguyện lực lớn. Ví như trâu mạnh có đủ sức kéo luôn cả cỗ xe, nhưng cần phải biết chế ngự nó mới mong đưa xe đến nơi đến chốn được. Cũng như vậy, nguyện lực mạnh có thể kéo luôn cả nghiệp báo, dẫn sanh vào nơi chốn đã nguyện vậy. Cho nên trong kinh ví phước đức như trâu kéo, nguyện lực như người đánh xe vậy.

Hỏi: *Nếu không phải nguyện thì chẳng được phước hay sao?*

Đáp: Cũng có được phước báo, nhưng chẳng bằng được trường hợp có phát nguyện. Nguyện làm trợ duyên cho phước. Do thường niệm chỗ tu hành, nên phước đức càng tăng trưởng mãi.

Hỏi: *Nếu như có nguyện mà được hưởng phước báo, thì*

người làm các điều ác, nhưng chẳng nguyện về ngục, thì cũng chẳng bị đọa địa ngục hay sao?

Đáp: Tội phước khác nhau. Người đã có tu ít phước, nhờ phát nguyện mà sẽ được phước báo lớn. Chúng sanh chẳng ai nguyện về cõi địa ngục cả, nhưng nếu phạm trọng tội, thì tội của họ sẽ dẫn họ vào địa ngục vậy.

Bồ tát phát nguyện tịnh các thế giới Phật, nhưng còn phải tu vô lượng kiếp nữa mới được vào Niết bàn.

Hỏi: *Trong phẩm Địa Ngục có nói “Do tội phi báng Bát nhã mà bị đọa địa ngục, khi thế giới này tận kiếp lại chuyển sang thế giới khác để tiếp tục thọ khổ. Vì sao kẻ phạm trọng tội chỉ đọa địa ngục A tỳ trong một kiếp mà thôi?”*

Đáp: Vì căn trí của chúng sanh có nhiều sai khác, nên Phật phương tiện lập ra hai Thừa đạo để giáo hóa họ.

Trong Thanh Văn đạo, Phật dạy: “Người phạm tội ngũ nghịch^(*) phải thọ khổ địa ngục trong một kiếp”. Trong Bồ tát đạo, Phật lại nói: “Người phá Phật pháp phải thọ tội trong vô lượng kiếp, khi thế giới này tận lại chuyển sang thế giới phương khác để tiếp tục thọ khổ”.

Trong Thanh Văn đạo nói: “Phước đức lớn nhất cũng chỉ hưởng thọ quả báo tối đa là 8 vạn kiếp”. Trong Bồ tát đạo nói “Người tạo phước lớn được hưởng thọ quả báo trong vô lượng kiếp”.

Phải tập luyện mới thành tựu được phước đức lớn. Bởi nhân duyên vậy, nên nói “Bồ tát nguyện lãnh thọ vô lượng thế giới Phật”.

*. Ngũ nghịch là 5 tội bội phản lớn. Đó là: Giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, đâm chém Phật chảy máu.

KINH:

Niệm vô lượng thế giới Phật, niệm Phật Tam Muội, thấy chư Phật thường hiện ra trước mắt.

LUẬN:

Vô lượng thế giới Phật gồm các thế giới của các đức Phật ở khắp 10 phương. Niệm Phật Tam Muội là thường niệm các đức Phật trong cả 3 đời và khắp cả 10 phương. Do tâm nhẫn mà khi niệm Phật Tam Muội thấy được chư Phật hiện ra trước mắt.

Hỏi: Thế nào là niệm Phật Tam Muội?

Đáp: Trong Thanh Văn đạo chỉ thấy được một Phật thân khắp 10 phương thế giới. Trong Bồ tát đạo thấy được vô lượng Phật thân ở trong vô lượng thế giới Phật và dung thông cả 3 đời.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói: “Niệm vô lượng thế giới Phật, niệm Phật Tam Muội, thấy chư Phật thường hiện ra trước mắt.

Hỏi: Có vô lượng Tam Muội. Sao Bồ tát chỉ niệm Phật Tam Muội mà thấy được chư Phật hiện ra trước mắt?

Đáp: Niệm Phật Tam Muội hay trừ được các phiền não và các nghiệp tội, lại có được vô lượng phước đức. Do niệm Phật Tam Muội mà nhanh chóng trừ được các tội, nên nhanh chóng vào được Phật Đạo, thấy được chư Phật hiện ra trước mắt vậy.

Trong kinh có chép câu chuyện như sau:

Có 500 người lái buôn mạo hiểm vào vùng biển lạ tìm châu báu. Giữa đường gặp con cá Ma Già La Vương há miệng chực nuốt thuyền. Cá há miệng, mắt sáng như mặt trời, răng như những hòn đá trắng. Khi thuyền sắp trôi vào miệng cá,

thì có một vị thiền sư nói với mọi người trong thuyền rằng “Mọi người hãy cầu nguyện, mới mong được thoát nạn”. Trong thuyền có một người thọ 5 giới Ưu-bà-tắc khuyên mọi người nên niệm danh hiệu Phật, chỉ có Phật mới có thể độ thoát nạn được. Mọi người nhất tâm niệm “Nam mô Phật”. Con cá ấy, trước đây là một vị Tỷ-kheo phá giới, nay nghe tiếng niệm Phật liền tỉnh ngộ, tự hối và ngậm miệng lại quay đi nơi khác. Niệm danh hiệu Phật mà còn thoát khỏi ách nạn, huống nữa là niệm Phật Tam Muội.

Lại nữa, Phật là vị Pháp vương, chư Bồ tát là những vị Pháp tướng. Bồ tát tôn trọng pháp Phật, thường niệm Phật, được vô lượng công đức. Cũng như các vị đại thần thọ ơn vua thường sùng kính, nhớ tưởng nhà vua vậy.

Lại nữa, Bồ tát thường hành các Tam Muội Không, Vô tướng và Vô tác, đem tâm ấy niệm Phật nên gọi là “Niệm Phật Tam Muội”.

-oOo-

KINH:

Khuyến thỉnh vô lượng các đức Phật Chuyển pháp luân.

LUẬN:

Khuyến thỉnh chư Phật có hai cách:

- Đêm ngày 6 thời lễ bái, chấp tay thỉnh Phật Chuyển Pháp Luân.

- Khi các đức Phật muốn xả thọ mạng vào Niết bàn, thì khuyến thỉnh Phật trụ thế, Chuyển Pháp Luân, làm lợi lạc quần sanh.

Hỏi: *Chư Phật thuyết pháp là để độ chúng sanh. Vì sao còn phải khuyến thỉnh Phật Chuyển Pháp Luân nữa?*

Đáp: Chư Phật thuyết pháp chẳng phải đợi người khuyến thỉnh. Thế nhưng sự khuyến thỉnh đem lại nhiều phước lợi. Người thỉnh Phật thuyết pháp là người có tâm tu, thường niệm chúng sanh, mong chúng sanh được lợi lạc nên được phước đức rất lớn vậy.

Lại nữa, có những đức Phật, nếu chẳng có ai khuyến thỉnh, thì liền nhập Niết bàn mà chẳng có thuyết pháp. Như kinh *Pháp Hoa* có nói “Đức Phật Đa Bảo nhập Niết bàn mà không thuyết pháp. Mãi về sau, trong Hội Pháp Hoa, Phật Đa Bảo hóa thân ngồi cùng với Phật Thích Ca Mưu Ni trong tháp “Bảy Báu”.

Lại như, Phật Tu Phiến Đa, vì thấy hàng đệ tử chưa thuần thục nên đã nhập Niết Bàn, chỉ lưu lại các Hóa Phật trong một kiếp để độ chúng sanh.

Lại nữa, như Phật Thích Ca Mưu Ni, sau khi đắc đạo 21 ngày, vì quán thấy chúng sanh phước đức mỏng, chẳng sao hiểu nổi pháp Phật thậm thâm, nên đã không vội thuyết pháp mà muốn nhập Niết bàn. Do các chư Thiên kính lễ, chấp tay khuyến thỉnh, Phật mới ở lại thế gian chuyển pháp luân.

Hỏi: *Đã biết khuyến thỉnh Phật có rất nhiều phước lợi, sao chỉ nói có 2 cách khuyến thỉnh mà thôi?*

Đáp: Có nhiều lý do khiến Phật chỉ chuyển pháp luân khi đã được khuyến thỉnh.

Nếu không ai khuyến thỉnh mà Phật thuyết pháp, thì hàng Ngoại đạo sẽ xem thường, cho là Phật nhiều lời, hoặc cho là Phật tham sống lâu mà chẳng muốn nhập Niết bàn. Phật

nuôn có sự khuyến tỉnh mới trụ thể và thuyết pháp, để cho hàng Ngoại đạo thấy rõ “Phật chẳng có ái trước pháp như họ, Phật chỉ vì thương xót chúng sanh, vì muốn độ thoát chúng sanh mà Chuyển Pháp Luân”.

Bởi vậy nên “có tỉnh, có thuyết”, “không tỉnh, không thuyết”. Như bài kệ sau đây:

*Phật thuyết những gì Thật,
Và những gì Không Thật,
Thật, cùng với Không Thật,
Đôi bên “Bất khả đắc”.
Chân Thật Tướng như vậy,
Chẳng nên sanh hý luận.
Vì thương xót chúng sanh
Mà phương tiện chuyển pháp.*

Lại nữa, nếu không có tỉnh mà thuyết, ắt phải trả lời 14 điều vấn nạn của hàng Ngoại đạo. Nay chư Thiên khuyến tỉnh Phật, xin Phật Chuyển Pháp Luân chỉ nhằm đoạn “Sanh, già, bệnh, chết”, chẳng phải vì hý luận, nên Phật không trả lời 14 điều vấn nạn của hàng Ngoại đạo mà chẳng vướng mắc gì cả.

Lại nữa, vì hàng Ngoại đạo tôn thờ Phạm thiên. Nay chính Phạm thiên khuyến tỉnh Phật khiến họ sinh tâm cung kính Phật.

KINH:

Đoạn dứt các kiến chấp và các phiền não.

LUẬN:

Kiến chấp có hai thứ. Đó là: Thường kiến và đoạn kiến.

Thường kiến là kiến chấp cho rằng thân tâm là thường trụ, cho rằng 5 ấm là thường, nên sanh tâm chấp đắm sắc thân.

Đoạn kiến là kiến chấp cho rằng thân tâm là đoạn diệt. Do thấy 5 ấm đoạn diệt, nên cố bám víu lấy sắc thân, sống phóng túng, đắm mình trong dục vọng.

Chúng sanh phần nhiều đọa vào hai kiến chấp ấy. Phật muốn trừ các kiến chấp ấy cho hết thảy chúng sanh, nên thuyết lý Trung đạo.

Lại nữa, có các chấp Hữu Biên, Vô Biên, vừa Hữu Biên vừa Vô Biên, chẳng Hữu Biên chẳng Vô Biên, Thân Kiến, Biên Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ, Giới Cấm Thủ v.v... Như vậy đủ thứ các kiến chấp, lên đến 62 thứ kiến chấp. Các kiến chấp như vậy làm nhân cho các kiết sử, dẫn sanh ra các khổ.

Lại có 10 Triền. Các phiền não, kiết sử trói buộc tâm, nên gọi là Triền, hay làm cho tâm phiền muộn, não loạn.

Lại nữa, Kiết sử có hai loại. Đó là:

- Kiết sử thuộc về ái.
- Kiết sử thuộc về kiến, do dâm, nộ, si gây ra.

Nói hẹp có 9 Kiết sử. Nói rộng có 98 Kiết sử.

Trong A Tỳ Đàm nói đến 10 triền, 108 phiền não. Có kinh lại nói có đến 500 phiền não.

Các phiền não gây tác hại như vậy, nên các Bồ tát dùng đủ phương tiện để tự đoạn cho riêng mình, và đoạn cho người.

Trong kinh có nêu mẫu chuyện:

Ở Tỳ Xá Ly có dâm nữ Yêm La Bà, ở Xá Bà Đề có dâm nữ Tu Mạn Na, ở Vương Xá có dâm nữ Ưu Bát La. Có 3 anh em nghe tán thán 3 nàng liền sanh tâm mê mẩn, thương trộm, nhớ thắm, chẳng hề rời niệm. Đêm nằm mộng, thấy mình gặp các dâm nữ, thỏa mãn tình dục. Nhưng sáng ra chợt tỉnh, thấy rõ cảnh mộng là giả tạo. Liên sau đó, cả 3 anh em tìm đến Bồ tát Bát Đà Bà La thưa hỏi về sự việc. Được Bồ tát giác tỉnh, cả 3 anh em đều ngộ được rằng: “Hết thảy các pháp đều từ niệm tưởng sanh ra” và nhờ vậy cả 3 anh em đều chứng được “Bất Thối Chuyển”.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói “Các Bồ tát đoạn dứt kiến chấp và phiền não cho chúng sanh”.

-oOo-

TAM MUỘI

KINH:

Du hý xuất sanh trăm ngàn Tam Muội

LUẬN:

Các Bồ tát đầy đủ Thiên định, Trí huệ thường dùng các phương tiện xuất sanh các Tam Muội, du hý, ra vào các Tam Muội.

Hỏi: *Thế nào là Tam Muội?*

Đáp: Đó là “Thiên tâm bất động”.

Có 3 trường hợp:

- Có Giác, có Quán
- Không Giác, có Quán
- Không Quán, có Giác.

Hỏi: *Vì sao nói “Bồ tát du hý xuất sanh Tam Muội?”.*

Đáp: Vô lượng chúng sanh có vô lượng tâm hạnh khác nhau. Có người lợi, có kẻ độn. Bồ tát muốn độ hết thầy chúng sanh, và trị dứt hết thầy tâm bệnh của họ, nên thường du hý, ra vào các Tam Muội một cách tự tại, vô ngại, chẳng có gì trói buộc cả.

-oOo-

KINH:

Hàng đại Bồ tát thành tựu vô lượng công đức như vậy.

LUẬN:

Nói “Hàng đại Bồ tát thành tựu vô lượng công đức” là ý nói rằng “Hàng đại Bồ tát thành tựu các công đức như Phật”.

Nếu muốn tán thán công đức của Phật, Pháp, Tăng thì dù cho trải qua vô lượng kiếp cũng chẳng sao tán thán hết được.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói “Hàng đại Bồ tát thành tựu vô lượng công đức”.

-oOo-

KINH:

Danh hiệu các vị đại Bồ tát ấy là:

Bát Đà Bà La, Kế Na Na Đà La, Đạo Sư, Na La Đạt, Tinh Đắc, Thủy Thiên, Chủ Thiên, Đại Ý, Ích Ý, Tăng Ý, Bất Hư Kiến, Thiện Tấn, Thế Thắng, Thường Càn, Bất Xả Tinh tấn, Nhứt Tạng, Bất Khuyết Ý, Quán Thế Âm, Văn Thù Sư Lợi, Chấp Bửu Ấn, Thường Cử Thủ, Từ Thị...

Như vậy có trăm ngàn muôn ức đại Bồ tát, đều là các bậc Bồ tát Nhất Sanh Bồ Xứ làm Phật.

LUẬN:

Hỏi: Vì sao có nhiều vị đại Bồ tát như vậy, mà chỉ nêu danh có một số ít vị thôi?

Đáp: Các vị đại Bồ tát, nêu trên đây, là những vị có nhiều trí huệ, thường ở bên Phật nơi thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật. Trong số các vị đại Bồ tát này, có vị là Bồ tát tại gia, có vị là Bồ tát xuất gia.

Những Bồ tát tại gia như: Bồ tát Bát Đà Bà La (Thiện thủ) là cư sĩ ở thành Vương Xá, Bồ tát Kế Na La Đà La (Bảo Tích vương tử) là cư sĩ thành Tỳ Xá Ly, Bồ tát Tinh Đắc là con của trưởng giả Đàm Bá Quốc và là cư sĩ thành Chiêm Bà, Bồ tát Na La Đạt là người Bà-la-môn ở nước Di Giê La,... Ngoài ra có những vị Bồ tát xuất gia như Bồ tát Từ Thị (Di Lạc)... Bồ tát Quán Thế Âm là vị Bồ tát ở phương khác đến dự Hội Bát nhã.

Hỏi: Vì sao Bồ tát Thiện Thủ lại được nêu danh lên trước nhất?

Đáp: Việc nêu danh trước sau như trên đây chẳng phải là theo thứ tự lớn nhỏ. Vì ngài Bồ tát Thiện Thủ là vị cư sĩ

ở thành Vương Xá, lại là vị Bồ tát thâm hiểu Bát nhã, nên được nêu danh trước. Lại nữa, Bồ tát Thiện Thủ có vô lượng vô biên công đức, đã được Ban Châu Tam Muội, được Phật nhiều phen tán thán công đức, nên được nêu danh trước.

Hỏi: *Chỉ có Bồ tát Di Lặc mới là vị Bồ tát Bồ Xứ. Vì sao nói các vị Bồ tát khác cũng đều là những vị Bồ tát Bồ Xứ cả?*

Đáp: Các vị Bồ tát, nói trên đây, đều là những vị Bồ tát Bồ Xứ, ở các cõi Phật trong khắp 10 phương.

-o0o-

KINH:

Lúc bảy giờ đức Thế Tôn tự trải tòa sư tử, ngồi kiết già, nhiếp tâm, nhập vào Tam Muội vương Tam Muội. Hết thấy các Tam Muội khác đều vào trong Tam Muội này.

LUẬN:

Hỏi: *Phật có thị giả và nhiều đệ tử trong chúng hội. Vì sao Phật lại phải tự trải tòa sư tử?*

Đáp: Vì lợi ích cho chúng hội, mà Phật làm như vậy. Trong hội Bát nhã này, ngài A Nan không biết ý, nên không trải được.

Hỏi: *Vì sao gọi là tòa Sư tử?*

Đáp: Gọi là tòa Sư tử, mà chẳng phải thật là tòa Sư tử. Phật trên tất cả mọi loài chúng sanh, cũng như sư tử trên hết trong tất cả các loài thú, nên chỗ nào Phật ngồi cũng đều gọi là tòa Sư tử cả.

Lại nữa, ví như sư tử đi đến đâu, thì các loài thú đều nể phục, Phật thị hiện thuyết pháp ở đâu, thì các bộ phái Ngoại đạo đều hàng phục. Bởi vậy nên trong kinh ví Phật thuyết pháp như “Sư tử hồng”

Hỏi: *Có nhiều cách ngồi để thuyết pháp. Vì sao Phật chỉ chọn cách ngồi kiết già?*

Đáp: Cách ngồi kiết già rất an ổn, không có mệt mỏi. Thế ngồi kiết già là thế tọa thiền tốt nhất, không gây tán loạn, nên được gọi là “Thủ đạo pháp tọa”, Ma vương thấy vậy đều sợ hãi. Người đệ tử Phật xuất gia, ngồi kiết già dưới gốc cây khiến mọi người trông thấy đều sanh hoan hỷ.

Như bài kệ thuyết:

*Ngồi tư thế kiết già
An trú trong Tam Muội
Oai đức toả cùng khắp
Tợ mặt trời chiếu sáng
Trừ giải đãi thùy miên
Nhẹ nhàng, không mệt mỏi
Giác ngộ cũng dễ dàng
Vững nhu rộng cuộn khúc
Chỉ ngồi thế kiết già
Ma vương đã sợ hãi
Huống nữa là nhập Đạo
Tâm an trú bất động.*

Phật dạy đệ tử nên ngồi thế kiết già. Vì sao? Vì thân thẳng, thì tâm dễ đoạn chánh, thân thẳng, thì tâm mới không giải đãi.

Lại nữa, tâm ý đoan chánh thì mới giữ được niệm hiện tại, nếu tâm ý bị tán loạn thì phải nhiếp tâm trở về trú trong hiện tại.

Hỏi: *Thế nào là Tam Muội vương Tam Muội?*

Đáp: Trong tất cả các Tam Muội, thì Tam Muội vương tự tại vào bậc nhất, duyên vô lượng pháp. Ví như đối với người trong một nước, thì vua là bậc nhất; đối với hết thảy các Tam Muội, thì Tam Muội này là bậc nhất, là vua của các Tam Muội, nên được gọi là Tam Muội vương Tam Muội.

Hỏi: *Nếu dùng Phật lực, thì hết thảy các Tam Muội đều là bậc nhất cả. Như vậy, vì sao lại riêng nói Tam Muội này là bậc nhất?*

Đáp: Tam Muội vương Tam Muội còn gọi là Tự tại Thiên Tướng, nhiếp nơi Đệ Tứ Thiên. Phật thường ở trong Tứ Thiên, khi xả thọ mạng cũng ở trong Tứ Thiên mà vào Niết Bàn.

Vào Sơ Thiên, do Giác quán nên tâm còn động; vào Đệ Nhị Thiên, do Đại Hỷ, nên tâm còn động; vào Đệ Tam Thiên, do Đại Lạc, nên tâm cũng còn động; vào Đệ Tứ Thiên do xả niệm thanh tịnh, nên được tâm bất động.

Bởi vậy nên phải ở trong Đệ Tứ Thiên mới vào được Tam Muội vương Tam Muội.

Lại nữa, Tam Muội vương Tam Muội là bậc nhất, vì hết thảy các Tam Muội khác đều vào trong Tam Muội này. Ví như hết thảy nguồn nước từ các sông đều chảy về biển cả.

Hỏi: *Vì sao Phật vào Tam Muội vương Tam Muội rồi sau đó mới thuyết pháp?*

Đáp: Pháp muốn nêu rõ “Trí huệ cũng do duyên sanh”, nhằm ngăn các luận sư Ngoại đạo chấp rằng “Ta thường có hết thấy Trí huệ”. Phật vào Tam Muội vương Tam Muội rồi mới thuyết pháp, để chỉ rõ rằng: “Không vào Tam Muội vương Tam Muội, thì không rõ được Thật Tướng của pháp”.

Lại nữa, nhập vào Tam Muội vương Tam Muội rồi, Phật hiện 6 thân thông, hiện đại thần lực, thấu triệt cả 10 phương thế giới. Nếu không nhập vào Tam Muội vương Tam Muội mà hiện đại thần lực, thì sẽ có người nghĩ rằng: “Phật dùng huyền lực và chú thuật mới có thể từ nơi thân hiện ra vô lượng quang minh”. Do muốn đoạn nghi ấy, mà Phật vào Tam Muội vương Tam Muội vậy.

Lại nữa, nếu Phật nhập vào các Tam Muội khác, thì chư Thiên, các bậc Thánh còn có thể biết được. Trái lại, nếu Phật nhập vào Tam Muội vương Tam Muội, thì chư Thiên, các bậc Thánh, dẫn đến các Bồ tát chẳng có thể lượng được, chẳng có thể biết “Phật y vào đâu, duyên vào đâu”, khiến tất cả đều cung kính tin theo.

Lại nữa, đã đến lúc Phật thị hiện các điều hy hữu, phóng đại quang minh, khiến hết thấy hàng trời người đều có thể thấy 10 phương thế giới.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật mới vào Tam Muội vương Tam Muội.

Hỏi: *Mỗi Tam Muội đều có tướng riêng. Như vậy vì sao lại nói: “Hết thấy các Tam Muội khác đều vào trong Tam Muội vương”?*

Đáp: Được Tam Muội vương là được hết thấy các Tam Muội; vào Tam Muội vương là quán được hết thấy các tướng. Ví như đứng trên đỉnh núi cao trông xuống có thể thấy khắp

10 phương; cũng như vậy, vào Tam Muội vương có thể thấy hết thấy tâm niệm của hết thấy chúng sanh.

-oOo-

KINH:

Sau đó, đức Phật từ trong Tam Muội an lành, xuất định, dùng Thiên Nhãn quán xem các thế giới; toàn thân Phật mỉm cười.

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao khi còn trong Tam Muội đức Thế Tôn chẳng làm gì cả, mà khi xuất định rồi mới quán xem các thế giới?*

Đáp: Khi Phật vào Tam Muội Vương thì hết thấy các Bảo Tạng đều khai mở. Từ trong Tam Muội ra, Phật dùng Thiên Nhãn quán thấy chúng sanh bần khổ, si mê nên chẳng cầu sự tu hành. Phật nghĩ rằng: “Nếu hội đủ cơ duyên tu hành, thì chúng sanh cũng sẽ được như Phật”. Bởi vậy nên sau khi xuất định, Phật mỉm cười.

Hỏi: *Phật có đầy đủ cả năm nhãn. Vì sao lại dùng Thiên Nhãn?*

Đáp: Nhục nhãn thấy không khắp; Thiên Nhãn thấy xa rộng hơn và chẳng bị chướng ngại; Huệ Nhãn thấy được các Thật Tướng; Pháp Nhãn thấy rõ các căn tánh của chúng sanh và các phương tiện để giáo hóa họ; Phật Nhãn rõ hết thấy các pháp hiện tiền.

Quán chúng sanh có thể dùng nhục nhãn hoặc Thiên Nhãn, nhưng vì nhục nhãn bị chướng ngại, nên Phật dùng Thiên Nhãn vậy

Dùng Thiên Nhân có thể thấy được các chúng sanh cùng các cảnh vật mà chẳng bị ngăn ngại.

Hỏi: Ở nơi đức Phật mà cũng gọi là Thiên Nhân hay sao?

Đáp: Người tu hành, tinh tấn, trì giới, thiền định, mới có được Thiên Nhân. Con mắt này chẳng phải sanh ra là đã có, mà phải do sức tu hành mới có được. Phật là đấng Giác ngộ có đầy đủ 5 nhãn, trong đó có Thiên Nhân.

Lại nữa, vì loài người phần nhiều tôn quý hàng trời, nên Phật tùy nhân tâm mà dùng Thiên Nhân vậy.

Lại nữa, như trước đây đã nói: “Trời có ba hạng là Giả Hiệu thiên, Sanh thiên và Thanh Tịnh thiên” (xem quyển 5). Phật là bậc tối tôn, tối trọng trong hàng Thanh Tịnh thiên, gồm có Phật, Bồ tát, Bích Chi Phật và A-la-hán. Nay nói Phật dùng Thiên Nhân cũng chẳng có lỗi gì cả.

Hỏi: Phật là đấng tối tôn, tối trọng. Vì sao Phật quán chúng sanh mà mỉm cười?

Đáp: Chẳng phải không nhân duyên mà Phật mỉm cười. Nay vì đại nhân duyên thuyết kinh *Bát Nhã Ba-la-mật* mà Phật mỉm cười, vì Bát nhã Ba-la-mật là pháp thậm thâm vi diệu vậy.

Lại nữa, vì Phật thấy chúng sanh do tâm chấp ngã, thường sợ khổ, mà lại thường làm việc khổ, thế nhưng lành thay chỉ cần có một thiện duyên nhỏ cũng có thể giải thoát. Nhân nhỏ mà quả lớn, duyên ít mà quả báo nhiều, như nhất tâm đọc một câu kệ, xưng tán danh hiệu của một đức Phật, thấp một nén hương cúng dường Phật v.v... cũng đã có thể vào được Phật Đạo, huống nữa là nghe được các tướng bất sanh, bất diệt, hiểu được thâm Bát nhã Ba-la-mật, khiến các hạnh nghiệp nhân duyên chẳng bao giờ mất được. Bởi nhân duyên vậy, nên Phật mỉm cười.

Lại nữa, tướng của Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh như hư không, nên Phật phải dùng thần thông biến hóa để giáo hóa chúng sanh, khiến tâm họ được nhu nhuyễn, sau đó mới tín thọ được Bát nhã Ba-la-mật. Đó là việc khó làm. Các pháp tướng là bất sanh, bất diệt, chẳng có tướng như hư không mà lập ra có tướng mạo, chẳng có danh mà lập ra có danh tự, để vì chúng sanh thuyết pháp, nhằm đưa họ đến giác ngộ giải thoát. Đó là việc khó làm. Dùng danh tướng để dẫn vào Thật Tướng, mà chẳng chấp đắm. Đó là việc khó làm. Bởi nhân duyên vậy, nên Phật mỉm cười.

-oOo-

PHÓNG QUANG

(Chiếu Hào Quang)

KINH:

Từ tướng “Thiên Bức luân” dưới lòng bàn chân phóng ra 600 vạn ức quang minh.

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao, trước hết, Phật phóng quang minh ở thân?*

Đáp: Phóng đại quang minh ở thân nhằm khiến người sanh tâm thanh tịnh, tin kính mà chẳng khinh mạn. Do nơi Phật thân phóng quang minh, mà chúng sanh biết Phật thân có trí huệ.

Lại nữa, chúng sanh đắm dục lạc, phần nhiều là đắm sắc, nên khi thấy diệu sắc quang minh, thì tâm họ được ly dục. Sau đó, Phật mới có thể khai mở trí huệ cho họ.

Hỏi: *Chư Thiên cũng phóng quang minh. Như vậy so với Phật thì đâu có gì khác?*

Đáp: Hàng chư Thiên cũng có phóng quang minh, nhưng có hạn lượng, Phật phóng quang minh, chẳng có hạn lượng, chiếu suốt đến vô lượng thế giới, khiến hết thảy hàng trời người đều được hoan hỷ.

Hỏi: *Vì sao Phật lại phóng quang minh khởi đầu từ dưới chân?*

Đáp: Dù rằng theo quan niệm của chúng sanh, thì “đầu là quý, chân là tiện”, nhưng Phật muốn dạy chúng sanh nên giữ tâm bình đẳng, chẳng nên phân biệt quý tiện, sang hèn, nên đã thị hiện phóng quang từ dưới chân trước.

-oOo-

KINH:

Từ 10 ngón chân lên đến bụng, từ khắp cả tay chân lên đến chòm lông trắng giữa chạng mày, đến nhục kế ở đỉnh đầu, đều phóng ra 600 vạn ức quang minh.

LUẬN:

Quang minh từ dưới chân phóng ra chỉ chiếu suốt phương dưới mà thôi, còn các phương khác chưa được chiếu khắp, cho nên Phật phóng quang minh khắp toàn thân. Hết thảy các phần ở nơi thân Phật đều có thần lực, nên ở đâu cũng có quang minh cả.

Hỏi: *Phật Y vào Tam Muội nào mà phóng quang minh?*

Đáp: Ở nơi Đệ Tứ Thiên, Phật y vào Tam Muội vương

Tam Muội mà phóng quang minh. Vì sao? Vì Đệ Tứ Thiên là chỗ thù thắng hơn hết.

Lại nữa, từ lúc sơ sanh cho đến khi thành đạo, Phật đã phóng ra vô lượng quang minh. Khi bắt đầu chuyển pháp luân, Phật đã có phóng quang minh, nay trước khi thuyết kinh *Bát Nhã Ba-la-mật*, Phật lại cũng phóng ra vô lượng quang minh đầy khắp cả 3.000 Đại Thiên thế giới.

-oOo-

KINH:

Các quang minh này khắp chiếu cả 3.000 Đại Thiên thế giới, rồi chiếu đến các thế giới Phật khác, nhiều như số cát của sông Hằng ở phương Đông và ở các phương khác trong khắp cả 10 phương. Nếu có chúng sanh nào nhận được ánh quang minh này, thì quyết định được đạo Vô Thượng Bồ đề.

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao lại chiếu về phương Đông trước, sau đó mới chiếu đến các phương khác?*

Đáp: Vì mặt trời mọc ở phương Đông, nên Phật đã tùy theo tâm của chúng sanh mà chiếu quang minh về phương Đông trước.

Hỏi: *Quang minh chiếu sáng trong bao nhiêu lâu mới tắt?*

Đáp: Phật dùng thần lực “trú, xả” tự tại. Nếu Phật không có xả thần lực, thì quang minh tồn tại mãi, chẳng bao giờ tắt cả.

-oOo-

KINH:

Quang minh chiếu ra lại vượt khỏi các thế giới Phật nhiều như số cát sông Hằng ở về phương Đông và ở về các phương khác trong khắp cả 10 phương.

LUẬN:

Hỏi: Thế nào gọi là 1 hệ “3.000 Đại Thiên thế giới”?

Đáp: Trong bộ kinh “Tạp A Hàm” có phân biệt thuyết rằng:

* Một thế giới gồm:

- 1 mặt trời.
- 1 mặt trăng.
- 1 núi Tu Di.

* Một bộ “4 Châu Thiên hạ” gồm:

- Bắc Cu Lô Châu, cũng gọi là Uất Đan Việt.
- Nam Thiệm Bộ Châu, cũng gọi là Diêm Phù Đề.
- Tây Ngưu Hóa Châu, cũng gọi là Cô Đà Ni.
- Đông Thắng Thần Châu, cũng gọi là Phát Bà Đề.

* Một bộ “4 Châu Thiên Vương” gồm:

- Trì Quốc Thiên.
- Quảng Mục Thiên.
- Tăng Trưởng Thiên.
- Đa Văn Thiên.
- 1 Đạo Lợi Thiên
- 1 Đâu Suất Đà Thiên

- 1 Hóa Lạc Thiên

- 1 Tha Hóa Thiên

* Một Sơ Thiên Thiên gồm:

• Phạm thiên.

• Phạm Chúng Thiên.

• Phạm Phụ Thiên.

• Đại Phạm thiên.

* Một Tiểu thiên thế giới gồm:

- 1.000 Thế Giới.

- Và một Đệ Nhị Thiên Thiên gồm:

• Thiếu Quang Thiên.

• Vô Lương Quang Thiên.

• Quang Âm Thiên.

* Một Trung thiên thế giới gồm:

- 1.000 Tiểu thiên thế giới

- Và 1 Đệ Tam Thiên Thiên gồm:

• Thiếu Tịnh Thiên.

• Vô Lượng Tịnh Thiên.

• Biến Tịnh Thiên.

* Một Đại Thiên thế giới gồm:

- 1.000 Trung thiên thế giới.

- Và một Đệ Tứ Thiên Thiên gồm:

• Vô Vân thiên.

- Phước Sanh Thiên.
- Quảng Quả Thiên.

-o0o-

“Đại Thiên thế giới” thường được gọi là “3.000 Đại Thiên thế giới” hoặc là “Thế giới ba ngàn”.

Đây là một danh từ ghép, cho biết rằng:

$$\begin{aligned} 1 \text{ Đại Thiên thế giới} &= 1 \text{ Thế Giới} \times 1000 \times 1000 \times 1000 \\ &= 1.000.000.000 \text{ Thế Giới} \end{aligned}$$

-oOo-

Đại Thiên thế giới có 1 thời sanh, 1 thời diệt.

Có thuyết nói: “Thời Trú 1 kiếp, thời Diệt 1 kiếp, rồi trở lại thời Sanh 1 kiếp, lập thành 1 Đại Kiếp”.

Đại kiếp cũng bị 3 thứ phá hoại. Đó là nước, gió và lửa.

Tiểu kiếp cũng bị 3 thứ phá hoại. Đó là đao binh, bệnh tật và đói khát.

Đại Thiên thế giới trụ giữa hư không; gió ở trên, nước ở dưới, trên nước là đất, trên đất có các loại chúng sanh sinh sống. Núi Tu Di có 2 cõi Trời. Đó là Tứ Thiên Vương, và Tam thập tam thiên. Lại có Dạ Ma Thiên, Đâu Suất Đà Thiên. Do nhân duyên phước đức, mà đất ở các cõi ấy có 7 báu.

Quang minh của Phật chiếu khắp 3.000 Đại Thiên thế

giới, cũng chiếu đến các thế giới Phật khác trong khắp 10 phương, nhiều như số cát của sông Hằng.

Hỏi: *Quang minh chiếu xa như vậy mà sao chẳng bị tắt?*

Đáp: Quang minh được chiếu đi xa như vậy là do thần lực của Phật, nên không bị tắt. Cũng ví như suối rồng do rồng phun nước, nên chẳng bao giờ khô cạn.

Lại nữa, các quang minh ấy chiếu đi là do tâm lực của Phật, nên không bị tắt.

Hỏi: *Trong cõi Diêm Phù Đề có nhiều sông lớn chảy ra biển cả. Như vậy vì sao chỉ lấy cát của sông Hằng để làm dụ?*

Đáp: Sông Hằng lớn nhất, cát của sông Hằng nhiều nhất. Lại nữa, sông Hằng ở tại nước Phật đản sanh, các đệ tử của Phật thường được trông thấy, nên Phật lấy cát sông Hằng làm dụ.

Hỏi: *Số cát của sông Hằng nhiều đến mức độ nào?*

Đáp: Chẳng có toán số thí dụ nào bằng được. Chỉ có Phật và chư vị Bồ tát mới có thể biết được số cát ấy. Phật rõ biết đến số vi trần trong cõi Diêm Phù Đề, huống nữa là số cát sông Hằng. Ví như khi Phật ngồi ở rừng Kỳ Hoàn, dưới gốc cây, có một vị Bà-la-môn đến hỏi: “Cây trong rừng này có bao nhiêu lá?”

Phật bèn cho người Bà-la-môn biết ngay tổng số lá trong rừng.

Người Bà-la-môn khởi tâm nghi, bèn lấy một số lá ở một cây nhỏ đem giấu đi, rồi đến hỏi Phật: “Hiện tại cây ấy còn bao nhiêu lá?”. Phật cho biết ngay số lá trước đây của cây và số lá hiện còn lại trên cây ấy. Người Bà-la-môn kiểm tra số lá

đã giấu trước đó, và thấy đúng như lời Phật dạy, sanh tâm tín kính Phật, xin xuất gia theo Phật. Ít lâu sau, người Bà-la-môn này chứng được A-la-hán.

Hỏi: *Có bao nhiêu người gặp được quang minh của Phật mà liền được Vô Thượng Bồ đề?*

Đáp: Nhân duyên được độ của chúng sanh không đồng đều nhau. Có người do tu thiện mà được độ; có người do trì giới mà được độ; có người thuyết pháp mà được độ; có người do được nghe pháp mà được độ; có người do quang minh chiếu thân mà được độ v.v... Lại có người vừa thấy ánh sáng quang minh liền được độ; có người thấy ánh quang minh vẫn chưa được độ, mà khi được quang minh chiếu thân mới được độ.

Ví như thành có nhiều cửa dẫn vào nội cung. Dùng cửa nào cũng có thể vào đến nơi đến chốn cả, chẳng có sai khác.

-o0o-

KINH:

Hết thấy các lỗ chân lông trên thân của Thế Tôn đều mỉm cười, và phóng quang minh chiếu khắp 3.000 Đại Thiên thế giới, cùng chiếu đến hàng sa thế giới Phật khác trong khắp 10 phương. Nếu có chúng sanh nào nhận được ánh quang minh này, thì quyết định được đạo Vô Thượng Bồ đề.

LUẬN:

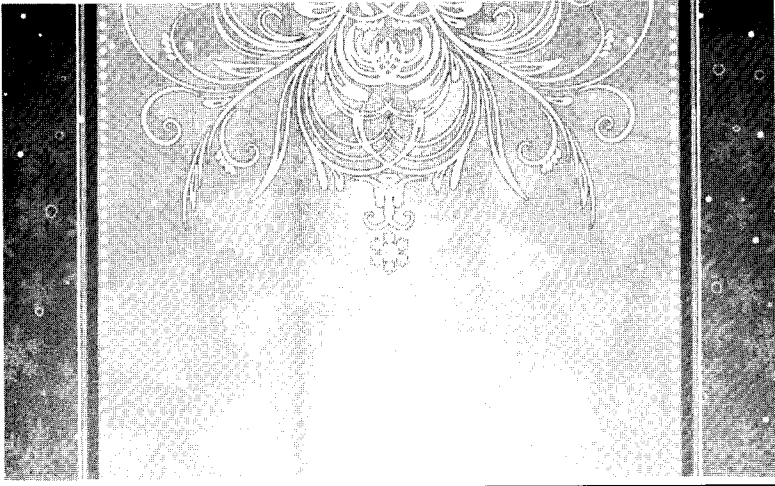
Hỏi: *Đã nói: “Toàn thân Phật phóng quang minh” rồi. Vì sao còn nói: “Hết thấy các lỗ chân lông trên thân của Phật đều phóng quang minh”?*

Đáp: Trước nói “toàn thân” là nói phần thô; nay nói “hết thấy các lỗ chân lông” là nói phần tế. Nói “hết thấy các lỗ chân lông trên thân của Phật đều phóng quang minh” là mật ý nói “Phật độ vô lượng chúng sanh” vậy.

Lại nữa, trước nói “số người được độ còn có giới hạn”. Nay nói “số người được độ là vô lượng vô biên”.

Ví như khi rung cây để hái quả, thì các quả đã chín mùi rớt xuống trước; phải rung thật mạnh nhiều lần, thì các quả vừa chín tới mới rụng được. Cũng như khi bắt cá, bủa lưới một lần chỉ bắt được ít thôi; phải bủa lưới nhiều lần, mới bắt được nhiều cá vậy.

(Hết quyển 7)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 8



PHÓNG QUANG

(Chiếu Hào Quang - Tiếp theo)



KINH:

Đức Thế Tôn lại dùng “Thường Quang Minh” chiếu khắp 3.000 Đại Thiên thế giới, cùng chiếu đến hằng sa thế giới Phật khác trong khắp 10 phương. Nếu có chúng sanh nào nhận được ánh quang minh này, thì quyết định được đạo Vô Thượng Bồ đề.

LUẬN:

Hỏi: Trước đây đã nói phóng quang minh rồi. Nay vì sao lại nói phóng “Thường Quang” chiếu khắp 10 phương?

Đáp: Vì có chúng sanh thấy ánh quang minh lạ, nghĩ là chẳng phải Phật phóng quang. Nay Phật dùng “Thường Quang” khiến người trông thấy đều vững tin rằng ánh quang minh này chắc chắn là của Phật; từ đó họ chuyển đạo tâm, sanh hoan hỷ, ắt được đạo Vô Thượng Bồ đề vậy.

Hỏi: Thế nào gọi là “Thường Quang Minh”?

Đáp: Ở quanh thân Phật có quang minh tỏa xa một trượng, gọi là Thường Quang Minh.

Hỏi: Vì sao Thường Quang chỉ có một trượng, mà không nhiều hơn?

Đáp: Thường Quang của chư Phật chiếu khắp 10 phương thế giới. Song, vào đời 5 trước, chúng sanh ít phước đức, ít trí huệ, nên Phật chỉ thị hiện một trượng quang minh mà thôi.

Vì sao vậy? Vì tầm mắt của chúng sanh ở cõi này không thể chịu được ánh sáng nhiều hơn.

Nếu gặp chúng sanh lợi căn, phước đức nhiều, thì Phật hiện vô lượng quang minh.

-o0o-

KINH:

Đức Thế Tôn mỉm cười, hiện tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp cả 3.000 Đại Thiên thế giới. Từ tướng lưỡi phóng ra vô lượng ngàn vạn ức quang minh. Mỗi quang minh hóa thành hoa sen báu ngàn cánh sắc vàng; trên mỗi hoa sen có một “Hóa Phật” ngồi kiết già tuyên thuyết 6 pháp Ba-la-mật. Nếu có chúng sanh nào nghe được, quyết định được đạo Vô Thượng Bồ đề.

Lại ở các thế giới Phật khác, nhiều như số cát của sông Hằng, cũng đều như vậy cả.

LUẬN:

Hỏi: Phật là đáng tôn tối trọng. Vì sao Phật còn hiện tướng lưỡi rộng dài để làm gì?

Đáp: Sau khi phóng quang xong, nay Phật muốn nói kinh *Bát Nhã Ba-la-mật*, là pháp thậm thâm, khó tin, khó thọ, nên mới hiện tướng lưỡi rộng dài, để làm chứng cho lời nói chân thật.

Ví như có một thời, Phật ở thành Xá Bà Đề, sau khi Thọ Tuế^{*}, Phật đi du hành các nước, có ngài A Nan theo hầu,

*. Sau 3 tháng an cư kiết hạ, vào ngày rằm tháng 7, chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni làm lễ Thọ Tuế, lãnh thêm 1 Pháp Lạp, tức 1 tuổi tu nữa.

Phật muốn đến thành của 1 vị vua Bà-la-môn, nhưng vị vua này, biết Phật có thần đức cảm hóa được tâm người, nên không muốn Phật có dịp tiếp xúc nhiều với nhân dân trong nước của mình, nhà vua bèn ra lệnh cấm nhân dân không được cúng dường Phật, truyền rằng: “Nếu ai cúng dường Phật, nghe Phật thuyết pháp, thì sẽ phải nộp phạt 500 đồng tiền vàng”. Khi Phật và Ngài A Nan đi vào thành khát thực, mọi nhà đều đóng kín cửa. Lúc bấy giờ, tại một nhà nọ, có 1 bà lão đem bát cháo thiu đi đổ. Bà lão vừa ra khỏi cửa liền thấy Phật và ngài A Nan ôm bình bát đi lại. Bà lão thấy Phật tướng mạo trang nghiêm, thân sắc vàng rực rỡ, lông trắng giữa chạng mày, nhục kế ở đỉnh đầu, lại có hào quang 1 trượng bao quanh; thế nhưng bà lại rất đỗi ngạc nhiên thấy Phật và vị thị giả ôm bình bát rỗng, chẳng có gì để ăn cả. Thấy vậy rồi, bà suy nghĩ: “Vị thần này đáng dùng thức ăn của nhà Trời, sao lại ôm bình bát rỗng đi khát thực trong loài người? Chắc là do lòng đại từ đại bi thương xót chúng sanh mà làm như vậy.

Nghĩ như vậy rồi, tâm bà trở nên thanh tịnh. Bà muốn đem thức ăn cúng dường Phật mà chẳng có được. Bà hỏi thẹn bạch Phật: “Con rất muốn được cúng dường Phật mà con chẳng có gì, nay có ít cháo thiu, nếu Phật cần dùng, con xin kính dâng lên Phật”.

Phật biết tâm bà thanh tịnh, tín kính Phật, liền đưa bình bát nhận lấy phần cháo thiu. Rồi Phật mỉm cười, hiện quang minh đủ 5 sắc chiếu khắp nơi.

Ngài A Nan quỳ gối bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Thế Tôn mỉm cười?”

Phật dạy: “Này A Nan! Người có thấy bà lão đem tín tâm thanh tịnh cúng dường Ta chăng?”

Ngài A Nan bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Con có thấy.”

Phật dạy: “Bà lão này do nhân duyên tịnh thí Phật, sẽ hưởng được 15 kiếp ở cõi Trời, sau đó sẽ trở lại trong nhân gian, thọ các phước lạc, chẳng đọa vào ác đạo. Về sau sẽ được thân nam, xuất gia thành Bích Chi Phật, vào Vô Dư Niết bàn.

Lúc bấy giờ, có một người Bà-la-môn chứng kiến sự việc, đến gần Phật nói kệ rằng:

*Ông là dòng Sát đế lợi
Thái tử của Tịnh Phạn vương,
Vì miếng ăn sanh vọng ngữ
Thí cháo thiêu được phước chẳng?*

Lúc bấy giờ, Phật hiện tướng lưỡi dài, phủ cả mặt lên đến tận chân tóc và hỏi người Bà-la-môn rằng: “Theo kinh thơ của ông, thì người có tướng lưỡi rộng dài có nói dối không?”

Người Bà-la-môn đáp: “Người le lưỡi chấm mũi là đã không nói dối rồi, huống nữa là le lưỡi chấm đến chân tóc như Phật vậy. Con tin Phật không nói dối, nhưng chẳng biết vì sao chỉ bố thí chút ít cháo thiêu mà lại được phước báo nhiều đến như vậy”.

Phật hỏi người Bà-la-môn: “Ông có bao giờ thấy những việc hy hữu ở thế gian không?”

Người Bà-la-môn đáp: “Con có thấy. Ví như thấy một cây Ni Câu Lô Đà che rợp cả một vùng lớn, đến cả 500 cỗ xe của khách làng buôn đậu ở dưới mà vẫn còn thừa bóng mát. Thật là hy hữu”.

Phật hỏi người Bà-la-môn: “Hạt của loại cây ấy lớn hay nhỏ?”

Người Bà-la-môn đáp: “Chi bằng hạt đậu thôi”.

Phật bảo: “Vì sao hạt nhỏ mà lại sanh được cây lớn như vậy? Có thể tin được lời ông nói chẳng?”

Người Bà-la-môn đáp: “Chính mắt con thấy như vậy, chẳng phải con nói dối”.

Phật bảo: “Ta cũng thấy như vậy. Bà lão này đem tín tâm thanh tịnh bố thí, nên được phước báo lớn như vậy đó. Gieo nhân ít mà được quả nhiều, chẳng khác nào cây kia từ hạt nhỏ mà thành cây lớn như vậy. Vì sao vậy? Vì Như Lai là phước điền tốt nhất để cho người thực hành hạnh bố thí vậy”.

Người Bà-la-môn nghe xong, tâm được khai mở, lý được thông giải, gieo năm vóc xuống đất xin sám hối tội lỗi, và bạch Phật: “Con vì ngu si mà sanh tâm không tín kính Phật. Cúi xin Phật vì con nói pháp”.

Phật vì người Bà-la-môn, thuyết một thời pháp, khiến người ấy liền chứng được quả Tu-đà-hoàn. Tức thời ông đưa tay lên cao và nói lớn rằng: “Cửa Cam Lộ đã mở rộng. Hết thầy dân chúng ở trong thành hãy mau mau đến cúng dường Phật”.

Hết thầy dân chúng trong thành nghe như vậy, liền mở tung cửa chạy hết ra đường, đến cúng dường Phật, tự nghĩ rằng: “Đến với Phật sẽ được hưởng vị Cam Lộ, cứ sao chúng ta còn sợ bị phạt vạ 500 tiền vàng, mà chẳng dám cúng dường Phật?”

Nhà vua thấy lệnh cấm chẳng còn được dân chúng tuân theo nữa, thấy rõ việc làm sai trái của mình, nên đã cùng với thần dân xin quy y với Phật. Hết thầy mọi người đều được tín tâm thanh tịnh. Do vì muốn giáo hóa những người không có tín tâm, mà Phật đã hiện tướng lưỡi rộng dài vậy.

Hỏi: Phật vì người Bà-la-môn bất tín mà hiện tướng lưỡi

rộng dài. Nay vì sao đối trước 3.000 Đại Thiên thế giới mà Phật cũng hiện tướng lưỡi rộng dài?

Đáp: Nay vì đại sự nhân duyên nói kinh *Bát Nhã Ba-la-mật*, mà Phật hiện tướng lưỡi rộng dài.

Hỏi: *Làm cho hết thảy dân chúng trong một thành thấy được tướng lưỡi rộng dài là đã khó rồi. Nay nói kinh *Bát Nhã Ba-la-mật* cho vô số chúng sanh ở khắp 10 phương, thì làm sao những chúng sanh ấy có thể thấy được tướng lưỡi rộng dài của Phật?*

Đáp: Phật dùng phương tiện thần lực, khiến chúng sanh ở khắp 10 phương đều có thể thấy được tướng lưỡi rộng dài của Phật. Nơi kinh *Bát Nhã Ba-la-mật* này có phẩm nói “Hết thảy chúng hội đều thấy được chúng hội của Phật A Súc Bệ”. Cũng như khi Phật thuyết về thế giới của Phật A Di Đà đủ các thứ trang nghiêm, ngài A Nan xin cho được thấy, Phật liền dùng thần lực cho tất cả chúng hội đều được thấy thế giới trang nghiêm của Phật A Di Đà.

Hỏi: *Vì sao lưỡi cũng phóng quang minh?*

Đáp: Vì Phật muốn hết thảy mọi người đều được tín tâm thanh tịnh nên phóng quang minh nơi lưỡi.

Lại nữa, Phật hiện tướng lưỡi màu sắc như san hô, phát ánh sáng màu vàng, ở nơi vùng ánh sáng ấy hiện ra các hoa sen báu ngàn cánh, phát quang minh chói sáng như mặt trời mới mọc.

Hỏi: *Vì sao trong quang minh lại biến hóa thành hoa sen báu?*

Đáp: Vì các vị hóa Phật sẽ ngồi trên các hoa sen ấy.

Hỏi: *Ngồi trên giường, trên ghế cũng được rồi, vì sao lại ngồi trên hoa sen?*

Đáp: Người thế gian ngồi trên giường, trên ghế, còn Phật ngồi trên hoa sen. Hoa sen mềm mại, thơm tho, chẳng có loại hoa nào sánh kịp, nên được dùng để trang nghiêm vi diệu pháp tòa.

Hoa sen ở hồ A Na Bà Đạt Đa lớn như bánh xe, một người có thể ngồi kiết già trên đó được. Hoa sen của trời lớn hơn, hoa sen của Phật lại còn lớn hơn gấp bội.

Lại nữa, có truyền thuyết rằng: “Vào thời kiếp tận, khi tất cả đều bị thiêu rụi, trở thành khoảng trống không, nhưng do nhân duyên phước đức của chúng sanh mà gió từ 10 phương thổi đến, đối chạm nhau, giữ lại một dòng nước lớn. Trên dòng nước ấy, xuất hiện một người có 1.000 đầu, 2.000 tay, 2.000 chân, tên là Vi Nụ. Ở ngay rốn của người ấy mọc ra một đóa hoa sen ngàn cánh, chiếu hào quang sáng như cả vạn mặt trời, trên hoa sen có một người ngồi kiết già. Người ấy có vô lượng quang minh chiếu sáng, chính là Phạm Thiên vương. Phạm Thiên vương có 8 người con, 8 người con của Phạm Thiên vương sinh ra trời đất, và loài người. Phạm Thiên vương do tu Thiền định mà được đầy đủ các phạm hạnh, được thanh tịnh, chẳng còn dâm, nộ, si”.

Phạm Thiên vương ngồi trên hoa sen, nên chư Phật cũng tùy thuận thế gian, ngồi kiết già trên hoa sen, thuyết 6 pháp Ba-la-mật.

Hỏi: *Đức Phật Thích Ca Mưu Ni hóa ra vô lượng Hóa Phật. Làm sao vô lượng Hóa Phật có thể thuyết pháp cùng một lúc được?*

Đáp: Phật có vô lượng lực Tam Muội, nên biến hóa của

Phật chẳng có thể nghĩa bàn được vậy. Khi Phật thuyết Bát nhã Ba-la-mật ở trong chúng hội, thì vô lượng Hóa Phật cũng đều thuyết Bát nhã Ba-la-mật cả.

Hỏi: Sao lại nói: “Các Hóa Phật ngồi trên các hoa sen báu, thuyết 6 pháp Ba-la-mật?”

Đáp: 6 pháp Ba-la-mật chỉ là 1 pháp. Nếu 5 Ba-la-mật kia mà chẳng có Bát nhã Ba-la-mật soi sáng thì chẳng có thể được gọi là Ba-la-mật.

Phải có Bát nhã Ba-la-mật đồng hợp thì mới có thể dẫn đến Phật Đạo, cho nên nói “Tuy 6 pháp Ba-la-mật có khác nhau, nhưng cũng chỉ là một pháp Bát nhã Ba-la-mật” mà thôi.

Lại nữa, hành Bát nhã Ba-la-mật cũng có 2 trường hợp:

- Đã được trang nghiêm.
- Chưa được trang nghiêm.

Cũng như nói: “Người đeo chuỗi anh lạc là đã trang nghiêm thân, còn người không đeo chuỗi anh lạc là chưa được trang nghiêm thân”.

Hỏi: Phật có đại thân lực, biến hóa ra vô lượng Hóa Phật, ở khắp 10 phương nói 6 pháp Ba-la-mật để độ thoát chúng sanh. Như vậy vì sao đến nay vẫn còn có chúng sanh chưa được độ?

Đáp: Có 3 điều chướng ngại, đó là :

- Những chúng sanh trong 3 đường ác không thể hiểu được.
- Trong loài trời, loài người có những kẻ còn nhỏ; hoặc quá già, hoặc bệnh hoạn, hoặc ám độn, nên không thể hiểu được.
- Hàng Trời ở các cõi Vô Tướng, Vô Sắc ít chịu nghe.

Như vậy chúng sanh trong 3 trường hợp này, hoặc không hiểu, hoặc chẳng chịu nghe, nên chẳng có thể hiểu biết được vậy.

Hỏi: *Có người thường nghe pháp và cũng hiểu biết, nhưng vì sao chẳng được Đạo?*

Đáp: Vì còn nặng kiết sử, nên dù có nghe pháp, có hiểu lời kinh mà vẫn chưa có thể vào được Đạo vậy.

Hỏi: *Nay trong khắp 10 phương, chư Phật và chư Hóa Phật đều nói pháp cả. Như vậy vì sao những chúng sanh không có 3 chương ấy cũng vẫn chẳng được nghe?*

Đáp: Nay chúng ta trong đời “5 trước”, sanh sau Phật, nên chẳng có thiện nghiệp báo, lại vì còn nặng nề kiết sử nên chẳng thể nghe, chẳng thể biết. Ví như mặt trời vẫn chiếu sáng mà người đi mù chẳng thấy nên cho là chẳng có mặt trời, lại như trời sấm vang rền, mà người điếc chẳng nghe nên cho là chẳng có sấm sét vậy.

Trong hiện tại, cùng khắp 10 phương, chư Phật và chư Hóa Phật đang thuyết 6 pháp Ba-la-mật, mà chúng sanh do nhiều nghiệp tội, nên chẳng có thể nghe được vậy. Phải khéo tu để cho tội giảm, phước sanh, thì mới có thể nghe được chư Phật đang thuyết pháp, thấy được chư Phật khắp 10 phương vậy.

-o0o-

KINH:

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn vẫn ngồi tại tòa sư tử, nhập vào Sư tử Du hý Tam Muội, dùng thần thông lực cảm động cả 3.000 Đại Thiên thế giới, hiện ra 6 diệu chấn động.

LUẬN:

Hỏi: *Thế nào gọi là Du hý Tam Muội?*

Đáp: Ví như khi sư tử đang bận rộn đùa giỡn với mặt trời, thì các loài thú đều được an ổn, khi Phật nhập vào Du hý Tam Muội, làm chấn động cả 3.000 Đại Thiên thế giới, thì các chúng sanh trong 3 đường ác được một thời an ổn, ngừng dứt các khổ.

Lại nữa, khi Phật nhập vào Du hý Tam Muội, hiện ra 6 chấn động khắp 3.000 Đại Thiên thế giới, thì chúng sanh trong 3 đường ác nương theo đó mà được giải thoát.

Bởi nhân duyên vậy, nên gọi là Du hý Tam Muội.

Hỏi: *Vì sao Phật nhập vào Du hý Tam Muội?*

Đáp: Vì Phật muốn làm chấn động 3.000 Đại Thiên thế giới, dẫn chúng sanh ra khỏi 3 đường ác, đưa họ lên hàng trời, người.

Lại nữa, trước đó đã có 3 sự biến hóa từ thân Phật, nhưng có chúng sanh vẫn chưa tin, hoặc đã tin mà chưa sâu đậm, nên nay Phật hiện 6 điều chấn động, khiến chúng sanh biết rõ thần lực của Phật, sanh được tín tâm thanh tịnh, nhờ đó được thoát khổ.

Hỏi: *Chư Thiên cũng như chư vị A-la-hán có làm chấn động được Đại Địa chăng?*

Đáp: Chư Thiên và chư vị A-la-hán đều có thể làm chấn động Đại Địa, nhưng chẳng làm được đầy đủ như Phật.

Hỏi: *Vì sao Phật phải làm 6 điều chấn động?*

Đáp: Vì Phật muốn cho chúng sanh biết rõ vạn pháp đều là Vô Thường, là Khô, là Không, là Vô Ngã.

Lại nữa, có nhiều chúng sanh cho rằng mặt trời, mặt trăng, núi Tu Di, biển cả đều là thường còn, nên Phật làm 6 điều chấn động, khiến mọi chúng sanh đều biết rõ hết thấy sự vật đều vô thường.

Lại nữa, ví như người muốn nhuộm áo, thì trước hết phải giặt áo cho thật sạch. Cũng như vậy, trong Hội thuyết kinh *Bát Nhã Ba-la-mật*, trước hết Phật phải dùng thần lực làm chấn động cả 3.000 Đại Thiên thế giới, khiến chúng sanh khắp 3.000 Đại Thiên thế giới sanh tâm tín kính nhu nhuyễn vậy.

-o0o-

KINH:

6 điều chấn động đó là:

- Phương Đông nổi lên, phương Tây chìm xuống.
- Phương Tây nổi lên, phương Đông chìm xuống.
- Phương Nam nổi lên, phương Bắc chìm xuống.
- Phương Bắc nổi lên, phương Nam chìm xuống.
- Phương Bên nổi lên, phương Giữa chìm xuống.
- Phương Giữa nổi lên, phương Bên chìm xuống.

LUẬN:

Hỏi: *Những nguyên nhân nào gây ra 6 điều chấn động?*

Đáp: Phật dạy ngài A Nan: “Có rất nhiều nguyên nhân gây ra các điều chấn động”.

Trong khoa Thiên văn có nêu nhiều nguyên nhân như: “Khi mặt trăng tiến về phía các sao Mão, sao Trương, sao Đô, sao Lô, sao Vị v.v... thì xảy ra nạn hạn hán, trời không

mưa, sông lạch khô cạn, mùa gặt bị mất sạch. Đây là một hình thức Đại Địa chấn động.

Nhân duyên gây ra chấn động có khi nhỏ, có khi lớn. Lại có chấn động chỉ giới hạn ở cõi Diêm Phù Đề, có chấn động lan rộng khắp cả 4 Châu thiên hạ, có chấn động truyền khắp cả 3.000 Đại Thiên thể giới. Chấn động lớn chỉ xảy ra khi có đại sự nhân duyên, như khi Phật đản sanh, khi Phật thành Đạo, khi Phật gần nhập Niết bàn.

Lại nữa, nay Phật muốn nói kinh *Bát Nhã Ba-la-mật*, muốn thọ ký cho các Bồ tát sẽ được thành Phật trong thời vị lai, làm cho các Địa thần đều hoan hỷ vui mừng, nên hiện 6 điều chấn động.

Lại nữa, hết thảy các sự vật trong vũ trụ, núi, sông, đất đai, cây cối, v.v... đều là vô thường mà chúng sanh chẳng hay biết, nên Phật dùng đại thần lực của vô lượng phước đức trí huệ để làm chấn động cả Đại Địa, khiến chúng sanh biết rõ vạn pháp đều là vô thường, là hoại diệt vậy.

Lại nữa, đây cũng là do đại nhân duyên phước đức của chúng sanh trong 3.000 Đại Thiên thể giới mà có Đại Chấn Động vậy.

-o0o-

KINH:

Đại Địa chấn động nhu nhuyễn khiến chúng sanh đều hòa vui.

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao Phật làm chấn động Đại Địa mà chúng sanh lại hòa vui?*

Đáp: Tâm tùy theo thân, khi thân được an lạc thì tâm cũng vui theo.

Tâm chúng sanh thường khô cạn, man dại, ít muốn làm các việc thiện, nên Phật làm 6 điều chấn động, khiến tâm họ trở nên mềm mại, nhu nhuyễn. Ví như ở cõi Trời Tam thập tam Thiên có khu vườn hoan lạc. Chư Thiên ở trong vườn ấy luôn luôn hoan hỷ, vui vẻ, dù cho có bị A tu la khởi binh đến đánh, họ cũng chẳng hề oán hận, chẳng hề sanh tâm đấu tranh.

Ở đây cũng như vậy. Vì Phật thấy chúng sanh ít muốn làm việc thiện, nên Phật hiện 6 điều chấn động khiến chúng sanh xa lìa đường ác, sanh tâm mềm mại, nhu nhuyễn, vui vẻ vậy. Ví như có thứ bùa chú làm cho người hăng say đấu tranh, lại có thứ thuốc làm cho tâm người thanh tịnh, hoan hỷ. Một thứ thuốc còn tạo được ảnh hưởng tốt đẹp như vậy, huống nữa là cả 3.000 Đại Thiên thế giới mềm mại nhu nhuyễn mà chẳng cải hóa được tâm người sao?

KINH:

Khắp 3.000 Đại Thiên thế giới, chúng sanh ở các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh tức thời đều được giải thoát, sanh lên các cõi Trời, từ cõi Trời Tứ thiên vương đến cõi Trời Tha hóa tự tại thiên.

LUẬN:

Hỏi: Phật nhập vào Du hý Tam Muội khiến chúng sanh trong 3 đường ác đều được sanh lên các cõi Trời. Như vậy thì cần gì phải tu phước mới được sanh lên Trời?

Đáp: Như trên đã nói: “Người có nhiều phước đức thấy được quang minh của Phật liền được độ, còn người tội cấu nặng nề thì phải nương theo dịp Đại Địa chấn động mới được độ”.

Ví như mặt trời chiếu sáng thì trăm hoa đua nở, Phật phóng quang minh khiến người lợi căn thượng trí liền được giải thoát, nhưng người độn căn, ám trí vẫn chưa thể được độ. Bởi vậy nên Phật mới hiện ra 6 diệu chấn động để độ họ vậy.

Hỏi: *Vì sao những người đã có nhiều nhân duyên gieo trồng thiện căn mà lại phải sanh về cõi Dục?*

Đáp: Ở cõi vô Sắc do chẳng có thân nên chẳng nghe được pháp, cõi Sắc do hưởng quá nhiều lạc thú, nên cũng rất khó mà được Đạo. Cõi Dục là nơi dễ tu, dễ chứng nhất.

Lại nữa, Phật dùng thần lực làm chấn động 3.000 Đại Thiên thế giới, khiến chúng sanh khởi tâm hoan hỷ, nên được sanh lên các cõi Trời Dục giới.

Hỏi: *Nếu nói “5 âm là Vô Thường, là Khổ, là Không, là Vô Ngã, thì ai sanh, ai chết?”*

Đáp: Về vấn đề này trong kinh *Bát Nhã Ba-la-mật* có nói rõ: “5 âm chẳng phải Thường, cũng chẳng phải Vô Thường, chẳng phải Không cũng chẳng phải chẳng Không, chẳng phải Ngã cũng chẳng phải Vô Ngã”.

Ngoại đạo mong cầu thật Ngã, nhưng Ngã vốn bất khả đắc, chỉ do hòa hợp mà có. Ví như người huyền mà có sống, có chết, có làm đủ công việc vậy.

Hết thầy các pháp chỉ có danh, mà chẳng có thật thể.

Theo pháp thế gian, thì thật có sanh, có chết, mà ở nơi Thật Tướng pháp, thì chẳng có sanh, chẳng có chết. Còn ở trong vòng vô minh u ám, thì còn phải chìm đắm trong “Sanh tử, luân hồi”. Khi đã có được Đại Trí huệ, thì liền phá được “tướng sanh”, nên thoát được dòng “Sanh tử, luân hồi”. Như bài kệ thuyết:

Tướng các pháp vốn Không
 Lại cũng chẳng Đoạn Diệt
 Do hạnh nghiệp chẳng mất,
 Pháp sanh mà chẳng Thường
 Tướng pháp như bẹ chuối,
 Tùy Tâm mà sanh khởi.
 Nếu rõ pháp vốn Không,
 Tâm sanh pháp cũng Không
 Nhưng dấy niệm chấp Không,
 Là xa lìa Chánh pháp.
 Biết Pháp chẳng Sanh Diệt,
 Cũng biết xả niệm chấp.
 Có niệm, đọa lưới ma,
 Không niệm liền Giải thoát,
 Tâm động là “Phi Đạo”,
 Chẳng động là “Pháp Ấn”.

-o0o-

KINH:

Chư vị Thiên tử tự biết Túc Mạng của mình, sanh tâm hoan hỷ, đến đánh lễ dưới chân Phật rồi đứng sang một bên.

LUẬN:

Chư Thiên ngay khi sanh ra, đã có 3 điều tự biết, đó là:

- Biết mình từ đâu đến.
- Biết mình đã gieo trồng những phước đức gì.
- Biết rõ công đức của mình đã làm trong quá khứ.

Hỏi: *Làm sao chư Thiên có thể tự biết được Túc Mạng của mình?*

Đáp: Do sanh báo mà Chư Thiên có được 5 thân thông, nên tự biết được Túc Mạng của mình.

Lại nữa, do thân lực của Phật mà chư Thiên biết được Túc Mạng của mình, sanh tâm hoan hỷ đến đánh lễ Phật.

Trong loài người, cũng có người do sanh báo mà biết Túc Mạng của mình, như trường hợp các vị Chuyển Luân Thánh Vương. Cũng có người nhờ nương theo thân lực của Phật mà biết được.

Hỏi: *Người sanh ra ở đời phải trải qua 9 tháng trong thai mẹ, phải được cho bú, cho ăn, nuôi dưỡng cho đến 10 tuổi mới được vãng vàng. Như vậy làm sao chỉ nương theo Thân Lực của Phật mà có thể từ phương xa đến nơi chốn Phật được?*

Đáp: Lối sanh ra đời trong 5 đạo chúng sanh đều khác nhau.

- Hàng chư Thiên và hàng chúng sanh ở địa ngục, ngã quỷ có 2 lối sanh. Đó là thai sanh và hóa sanh.

- Người và súc sanh có bốn lối sanh. Đó là thai sanh, hóa sanh, noãn sanh và thấp sanh.

Ví như Tỳ Xá Khư, mẹ của Di Già La, sanh ra 32 trứng, nở ra 32 người con trai. Di Già La là người con trai lớn nhất. Đây là trường hợp noãn sanh.

Lại ví như Sa La Bà Ly sanh ra một Chuyển Luân Thánh Vương từ trên đỉnh đầu của mình. Đây là trường hợp thấp sanh.

Lại ví như trong chúng Tỳ-kheo ni của Phật có một vị Tỳ-kheo ni tên là A La Bà từ trong đất tự hóa sanh.

Vào thời kiếp sơ, loài người đều được sanh ra đời theo lối hóa sanh, rồi về sau lại thường theo lối thai sanh.

Hàng chư Thiên sanh ra theo lối hóa sanh, có sanh báo thân thông nên từ phương xa có thể đi đến chỗ Phật được...

-o0o-

KINH:

Ở hằng sa thế giới khắp 10 phương cũng hiện ra 6 điệu chấn động, khiến các loài ngạ quỷ, súc sanh đều cùng các chúng sanh khác trong Tám Nạn^() đều được giải thoát, sanh lên cõi Trời Dục giới.**

LUẬN:

Hỏi: *Nếu Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có đại thần lực rộng độ được hết thảy chúng sanh trong khắp 10 phương thì cần gì đến các đức Phật khác nữa?*

Đáp: Chúng sanh vô lượng, căn tánh không đồng đều nhau, có người đã thuần thực, có người chưa thuần thực. Ví như trong kinh Thanh Văn có chép mẩu chuyện về Ngài Xá Lợi Phất như sau:

Ngài Xá Lợi Phất có nhân duyên với các đệ tử của ngài, cho nên chỉ có ngài mới độ được các người ấy, đến các đức Phật cũng chẳng có độ được họ.

Lại nữa, có chúng sanh có nhân duyên với đức Phật này, mà chẳng có nhân duyên với các đức Phật khác.

****.** Tám nạn gồm: 1/ Địa ngục. 2/ Ngạ quỷ. 3/ Súc sanh. 4/ Châu Bắc Cu Lô vì quá sung sướng, khó tu. 5/ Vô Tướng Thiên vì chẳng có tư tướng, khó tu. 6/ Dui, điếc, câm. 7/ Thế trí biện thông vì ý thông minh biện bác, khó tu. 8/ Sanh trước Phật, sanh sau Phật.

Chúng sanh vô lượng, thế giới vô tận nên Phật độ chúng sanh cũng vô tận.

-o0o-

KINH:

Lúc bấy giờ, khắp 3.000 Đại Thiên thế giới, kẻ mù bẩm sanh thấy được, kẻ điếc nghe được, kẻ câm nói được, kẻ cuồng được tỉnh lại, kẻ loạn được định tâm, kẻ nghèo nàn đói khát được ấm no, kẻ bệnh được lành, kẻ tàn tật được 6 căn đầy đủ.

LUẬN:

Hỏi: *Chúng sanh chịu vô lượng khổ đau. Như vậy, nếu Phật có Đại Thần Lực thì sao không làm cho hết thảy chúng sanh được giải thoát?*

Đáp: Hết thảy chúng sanh đều được cứu độ. Trên đây chỉ nói sơ lược phần thô mà thôi.

Hỏi: *Nói người mù thấy là đủ rồi, sao còn nói người mù bẩm sanh thấy được làm gì nữa?*

Đáp: Người mù bẩm sanh, vừa sanh ra đã bị mù là do nhân đời trước có tội nặng. Tội nặng mà còn được cứu độ huống nữa là tội nhẹ, người mù bẩm sanh còn thấy được đương nhiên người mù trong những trường hợp khác đều thấy được cả.

Người mù bẩm sanh do đời trước đã làm các tội nặng như sau:

- Phá mắt hoặc móc mắt chúng sanh. Phá mắt chánh kiến, nghĩa là chẳng tin có tội phước. Hạng người ấy, khi chết

đọa vào địa ngục, sau sanh lại làm người thì bị mù mắt ngay trong thai mẹ.

- Phá hoặc trộm cắp các bảo châu, đèn đuốc ở các tháp thờ Phật, thờ Bích Chi Phật hoặc thờ các bậc Thánh. Như vậy có đủ các thứ nhân duyên nghiệp tội khiến chúng sanh hoặc vừa sanh ra đã bị mù, hoặc lớn lên bị tai nạn mà bị mù. Những chúng sanh này, nhờ thần lực của Phật đều được sáng mắt.

Hỏi: *Do nhân duyên gì mà bị điếc?*

Đáp: Vì đời trước được thầy dạy dỗ mà chẳng chịu học, chẳng nghe lời thầy, mà còn trở lại oán giận thầy nữa. Do nhân duyên vậy mà bị điếc.

Lại nữa, vì đời trước đâm lủng tai chúng sanh, hoặc trộm chuông, trộm trống, trộm chiêng v.v... ở các nơi thờ Phật, thờ Tăng v.v... Bởi nhân duyên vậy mà bị điếc.

Hỏi: *Do nhân duyên gì mà bị câm?*

Đáp: Vì đời trước cắt lưỡi chúng sanh, hoặc cho họ uống các thứ thuốc độc khiến họ không còn nói được.

Lại nữa, vì ngắt lời răn dạy của các bậc cha mẹ, các bậc thầy, hoặc vì chẳng tin có tội phước, phá chánh ngữ.

Bởi các nhân duyên vậy mà bị câm.

Hỏi: *Do nhân duyên gì mà bị cuồng?*

Đáp: Vì đời trước phá người tọa thiền, phá các nơi tọa thiền hoặc dùng bùa chú khiến kẻ khác khởi sân nhuế đấu tranh, đâm mình trong đám đục. Bởi nhân duyên vậy mà bị cuồng.

Lại nữa, người quá dày kiết sử, người bị xúc cảm quá mạnh, người bị phong, bị sốt nặng, bị các bệnh nan y cũng có thể trở thành cuồng điên mất trí.

Ví như Tỷ-kheo Kiền Sát Đa, khi còn là cư sĩ, bị chết cùng một lúc 7 người con, quá buồn khổ mà trở thành người cuồng trí. Lại ví như có người Bà-la-môn, vừa bị mất mùa, mất sạch tiền bạc, vừa bị chết vợ, nên trở thành người cuồng trí.

Những chúng sanh như vậy, nhờ thần lực của Phật đều được tỉnh lại cả.

Hỏi: *Do nhân duyên gì mà bị loạn tâm?*

Đáp: Vì thường niệm điều bất thiện nên bị loạn trí. Ví như người chẳng biết quán vô thường, rong ruổi theo chế sự, chìm đắm trong dục lạc, khiến tâm chẳng bao giờ được an lạc.

Những người như vậy, nếu có thiện duyên gần được chánh pháp, thì tâm liền được an định.

Hỏi: *Loạn và cuồng khác nhau như thế nào?*

Đáp: Có người tuy chẳng có cuồng mà tâm thường bị nhiễu loạn chẳng có thể tập trung chuyên chú, nên bị mất tâm lực, khiến chẳng có thể được Đạo.

Hỏi: *Có bao nhiêu loại người cuồng?*

Đáp: Có hai loại người cuồng, đó là:

- Người cuồng mà ai nhìn thấy cũng biết.
- Người có ác tâm độc, tà vạy mà các người khác trông thấy khó nhận biết ra được.

Trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

Ở bên Nam Thiên Trúc, có vị Pháp sư ngồi trên tòa cao thuyết giảng về “5 giới”. Trong Hội có rất nhiều người Ngoại đạo ngồi nghe giảng.

Lúc bấy giờ, có một vị vua nạn hỏi: “Y theo lời ngài thuyết giảng, thì người uống rượu cùng người đem rượu cho người khác uống đều bị quả báo điên cuồng như nhau. Như vậy, ắt là số người cuồng phải nhiều hơn số người có chánh ý. Nhưng vì sao ở đời nay, số người có chánh ý lại nhiều hơn số người cuồng?”.

Hàng Ngoại đạo nghe như vậy, rất vui mừng, nghĩ rằng Pháp sư ở trên tòa chẳng sao giải đáp được. Họ nói lớn rằng: “Hay thay! Câu hỏi của vị vua rất sâu sắc, người ngồi trên tòa cao chắc chắn chẳng sao trả lời được”.

Pháp sư ngồi trên tòa cao lấy tay chỉ thẳng về phía các Ngoại đạo rồi tiếp tục thuyết giảng. Nhà vua liền hiểu ý của Pháp sư, còn hàng Ngoại đạo thì đắc chí cho rằng Pháp sư vì chẳng có thể trả lời được nên nói lảng sang chuyện khác. Nhà vua bèn nói với các Ngoại đạo rằng: “Pháp sư ngồi trên tòa cao đưa tay chỉ về phía các ông là đã giải đáp xong lời vấn nạn của tôi rồi vậy. Vì muốn giữ thể diện cho các ông mà Pháp sư không nói vậy thôi”. Rồi nhà vua nói tiếp: “Các ông trần truồng bôi đất cát cùng lên mình, nhổ tóc, nắm gai, mùa Đông nằm trên băng, mùa hạ nằm trên lửa... Tu hành như vậy chẳng phải là cuồng tướng hay sao? Lại nữa, các ông nói bán thịt, bán muối là trái với pháp Bà-la-môn, thế nhưng khi tế trời các ông lại bán trâu sấm lễ vật mà vẫn cho là đúng pháp. Lại nữa, các ông còn nói tắm nước sông Hằng sẽ được sạch hết các tội cấu. Những việc chẳng có nhân duyên mà gượng ép làm nhân duyên đều là cuồng tướng vậy. Nay Pháp sư không nói, nhưng các ông chấp tà kiến nói trên là đã cuồng rồi vậy”.

Hỏi: *Do nhân duyên gì mà bị lâm vào cảnh đói khát?*

Đáp: Vì đời trước mong phước đức mà đời nay bị đói

khát; hoặc vì đời trước có cướp giết thức ăn của Phật, của các vị A-la-hán, của chúng Tăng, cha mẹ mà ăn, nên nay bị đói khát.

Hỏi: *Vì sao có người có tội, bị đói khát, mà nay lại được gặp Phật?*

Đáp: Đó là do nghiệp báo của chúng sanh không đồng nhau. Có người có nhân duyên thấy Phật, lại chẳng có nhân duyên được no đủ, có người có nhân duyên được no đủ, lại chẳng có nhân duyên lại được thấy Phật.

Trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

Vào thời Phật Ca Diếp, có hai anh em xuất gia cầu đạo. Một người tinh tấn trì giới, tọa thiền. Một người rộng tu các phước nghiệp. Đến khi đức Phật Thích Ca Muru Ni ra đời, một người sanh làm trưởng giả, một người sanh làm con voi trắng to lớn có công sức phá giặc. Người trưởng giả xuất gia được đạo, đắc quả A-la-hán, nhưng vì phước bạc, nên đi khuất thực rất khó khăn. Một hôm, đạo nhân ôm bình bát đi ngang qua chỗ voi trắng, thấy voi được cung cấp thức ăn thức uống quá đầy đủ, liền nói với voi: “Ta và ngươi đều có tội cả”.

Voi thông cảm lời nói ấy, nhịn đói, chẳng ăn uống gì suốt ba ngày. Người giữ voi lo lắng, đi tìm vị đạo nhân than rằng: “Ngài đã nói gì mà khiến voi bỏ ăn, bỏ uống vậy”.

Đạo nhân đáp: “Vào thời Phật Ca Diếp, tôi và voi trắng là hai anh em ruột. Anh em tôi cùng xuất gia cầu đạo. Tôi chỉ lo trì giới, tụng kinh, mà chẳng lo bố thí, còn em tôi chỉ lo bố thí và tu phước. Đời nay, em tôi sanh làm voi trắng được ăn uống đầy đủ, còn tôi nay đã được Đạo nhưng khát thực rất khó khăn, bởi nhân duyên vậy, nên nay tôi được gặp Phật, mà vẫn chẳng được ăn uống no đủ”.

Hỏi: *Vì sao nói: “Chúng sanh thấy Phật liền được no đủ?”.*

Đáp: Có thuyết nói “Phật dùng thần lực, khiến chúng sanh được no đủ”.

Có thuyết lại nói “Quang minh của Phật chạm vào chúng sanh khiến họ chẳng còn thấy đói khát”.

Có thuyết lại nói “Do nhất tâm niệm Phật, mà chúng sanh được no đủ, chẳng còn bị đói khát nữa.”

Hỏi: *Vì sao nói “Chúng sanh thấy Phật, liền được lành bệnh?”.*

Đáp: Bệnh có hai thứ đó là:

- Bệnh ở bên trong, do các kiết sử phiền não nặng nề gây ra, hoặc do “tạng phủ không được điều hòa gây ra”.

- Bệnh ở bên ngoài, do bị cướp đoạt, đánh đập, đâm chém, trụy lạc... gây ra.

Hoặc do ăn uống không điều độ, do dầm mưa dãi gió, đi đứng bất thường... gây ra. Có đến 404 thứ bệnh do 4 đại gây ra vậy. Chỉ có nương theo thần lực của Phật mới khiến các bệnh lành dứt được.

Trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

Tại thành Xá Bà Đề, có một vị cư sĩ thành Phật và chư Tăng thọ trai ngay ở tịnh xá. Phật chỉ ở tịnh xá dùng bữa trong 5 trường hợp. Đó là:

- Phật sắp nhập định.
- Phật sắp thuyết pháp cho chư Thiên nghe.
- Phật sắp đi thăm phòng của chư vị Tỷ-kheo.
- Phật sắp khám bệnh cho chư vị Tỷ-kheo.
- Phật sắp kiết giới cho các Tỷ-kheo chưa kiết giới.

Lúc bấy giờ Phật đi thăm các phòng, thấy có một Tỷ-kheo bệnh mà chẳng có ai chăm sóc. Phật hỏi vị Tỷ-kheo: “Người đang bị bệnh gì? Sao chẳng có ai đến chăm sóc cho người cả vậy?”.

Vị Tỷ-kheo đáp: “Bạch thế Tôn! Vì trước đây con thấy người khác bệnh mà con lười biếng chẳng chăm sóc, nên nay con bị bệnh chẳng ai đến chăm sóc cho con cả”.

Phật dạy: “Nay Ta chăm sóc cho người”.

Nói xong Phật bảo người mang nước đến thoa lên thân của Tỷ-kheo khiến con bệnh giảm dần, thân tâm trở lại an lạc. Phật đưa vị Tỷ-kheo ra khỏi phòng tắm rửa, thay y áo, rồi bảo, trải tọa cụ cho ngồi.

Xong Phật dạy vị Tỷ-kheo rằng: “Từ lâu người chẳng tinh tấn tu hành, nay mới phải chịu quả báo khổ đau như vậy. Nếu vẫn tiếp tục biếng nhác, giải đãi không tinh tấn, thì về sau còn phải chịu nhiều khổ đau hơn nữa”.

Vị Tỷ-kheo nghe lời Phật dạy, thành tâm niệm ơn Phật, tức thì các khổ đau đều dứt, thân tâm liền được an lạc.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói “do thân Lục của Phật mà các bệnh được tiêu trừ.”

Hỏi: *Do nhân duyên gì mà bị tàn tật?*

Đáp: Vì đời trước đã phá hủy thân thể của người khác hoặc đã phá hủy hình tượng của các đức Phật, của các bậc Thánh, mà nay phải thọ khổ báo, mang thân tàn tật.

Lại nữa, do các hành vi xấu ác ở đời trước, mà đời nay phải thọ khổ báo, sanh ra đời với thân hình xấu xí, các căn chẳng được đầy đủ.

Lại nữa, do ở hiện đời bị nạn cướp bóc, giặc giã, hoặc bị tra tấn, hoặc bị mắc bệnh hiểm nghèo, khiến phải mang thân tàn phế.

Những người như vậy, nhờ ân đức của Phật, được các căn đầy đủ. Trong kinh có chép mẩu chuyện sau đây:

Ở trong thành Xá Vệ, có một người con của anh vua Ba Tư Nặc tên là Kiên Chi, đoan chánh, mạnh mẽ, tâm tánh đôn hậu. Bà Hoàng hậu trông thấy liền sanh tâm đố kỵ, nhưng lại bị khước từ. Bà Hoàng hậu nổi giận, sàm tấu với nhà vua. Vua Ba Tư Nặc tin lời bà Hoàng hậu, liền truyền đem Kiên Chi chặt tay chân, vứt thây ngoài đồng hoang. Đêm đến, có bầy chó sói tìm đến ăn thịt. Phật biết sự việc, liền chiếu quang minh đến tận nơi đó. Tức thì thân hình Kiên Chi được lành lặn, bình phục lại như cũ, tâm hoan hỷ an lạc. Rồi sau đó Phật lại nói pháp cho nghe, khiến Kiên Chi liền được Đạo. Kiên Chi theo Phật về tịnh xá Kỳ Hoàn, nói với mọi người biết là “ông đã bị chặt tay chân, vứt thây ngoài đồng hoang, may nhờ Phật phóng quang mà thân ông trở lại bình phục như cũ”, và nguyện “đem thân ông bố thí, cúng dường Phật, Tăng”.

Vua Ba Tư Nặc nghe tin, đến tận tịnh xá Kỳ Hoàn nói với Kiên Chi rằng: “Ta xin sám hối tội lỗi với ngươi. Ngươi là người vô tội, bị hàm oan đến phải chịu cực hình thảm khốc như vậy. Ta hứa phân chia cho ngươi một phần lãnh thổ để ngươi cai trị”.

Kiên Chi đáp: “Tôi đã nhầm chán cuộc đời, mà xét kỹ, vua cũng chẳng có tội gì cả. Chỉ vì đời trước tôi gây tội nên đời nay phải chịu khổ báo vậy thôi. Thân này đã bị tàn phế, nhờ quang minh của Phật mà được lành lặn như cũ, nên tôi nguyện đem thân này cúng dường Phật và Tăng.”

Bởi nhân duyên vậy, nên nói: “Nhờ quang minh của Phật mà người tàn tật được bình phục.”

-o0o-

KINH:

Hết thấy chúng sanh đều phát tâm bình đẳng, xem nhau như cha mẹ, anh chị em, như bạn bè, như thiện tri thức. Hết thấy đều hành mười thiện nghiệp đạo, tịnh tu phạm hạnh, chẳng sanh tâm uế nhiễm, trở nên khoan khoái như vào Đệ Tam Thiên. Hết thấy đều phát trí huệ tốt, thọ trì giới luật tốt, tự kiểm chế, chẳng còn làm nhiều loạn nhau.

LUẬN:

Hỏi: *Chúng sanh chưa được ly dục, chưa có Thiền định, chưa có 4 Vô Lượng Tâm, thì làm sao có được tâm bình đẳng?*

Đáp: Đây chưa phải là bình đẳng trong Thiền định, mà chỉ y theo pháp thế gian mà nói. Có nghĩa là chẳng còn oán giận, chẳng còn sân nhuế, chẳng còn tham lam... chỉ lấy thiện tâm đối đãi với nhau, cho nên gọi là bình đẳng vậy.

Lại nữa, như trong kinh nói: “Giữ tâm bình đẳng là thấy người già thì xem như cha mẹ, thấy người lớn tuổi xem như anh chị, thấy người nhỏ tuổi thì xem như em, thấy người cùng trang lứa thì xem như bạn bè... Do tâm bình đẳng như vậy nên xem tất cả chúng sanh đều là thân thuộc của mình vậy.

Hỏi: *Chẳng phải cha mẹ mà xem như cha mẹ. Như vậy có phải là vọng ngữ chăng?*

Đáp: Chúng sanh trong vô lượng kiếp, đã từng là cha mẹ, anh chị em, bà con thân thuộc, bạn bè... của nhau.

Lại nữa, ở nơi Thật Tướng, thì chúng sanh trong vô lượng thế giới đều bình đẳng với nhau cả. Chỉ do điên đảo chấp Ngã, mà có phân biệt người này là cha, là mẹ, là anh, là chị, là em, là bạn... Nếu lấy thiện tâm mà đối đãi nhau, thì xem người lớn tuổi như cha mẹ chẳng phải là vọng ngữ. Nếu lấy nhân nghĩa mà đối đãi nhau, thì lại càng phải thân thiết với nhau nhiều hơn nữa. Ví như thấy một đứa trẻ, nét na hiền lành, hay cô cút, nhiều người rất muốn đem nó về làm con nuôi vậy.

Như bài kệ thuyết:

*Xem người già như cha mẹ
Người lớn tuổi như anh chị
Mọi người đều là thân thuộc
Như vậy mới là bình đẳng.*

Lúc bấy giờ, với tâm bình đẳng, hết thấy mọi chúng sanh đều thực hành 10 Thiện nghiệp Đạo gồm có 3 nghiệp thân, 4 nghiệp khẩu và 3 nghiệp ý.

3 nghiệp thân gồm: Không sát - không đạo (trộm cắp) - không tà dâm.

4 nghiệp khẩu gồm: Không vọng ngữ - không lưỡng thiệt - không ý ngữ - không ác khẩu.

3 nghiệp ý gồm: Không tham - không sân - không si.

Hết thấy mọi chúng sanh đều tự mình hành 10 Thiện nghiệp Đạo cùng khuyên mọi chúng sanh khác hành 10 Thiện nghiệp Đạo.

Hỏi: 3 hạnh sau chẳng phải là nghiệp Đạo. Như vậy vì sao lại nói chung hết thảy 10 hạnh đều là Thiện nghiệp Đạo cả?

Đáp: 3 hạnh ấy chẳng phải là nghiệp Đạo, nhưng làm duyên khởi cho nghiệp.

Hỏi: Đã nói thực hành 10 Thiện nghiệp Đạo rồi, sao còn nói: “Tĩnh tu Phạm hạnh” làm gì nữa?

Đáp: Có người thực hành 10 Thiện nghiệp Đạo, nhưng vẫn chưa đoạn sạch dâm dục, cho nên nay tán thán “sự tĩnh tu Phạm hạnh, chẳng còn sanh tâm uế nhiễm”.

Hỏi: Thế nào gọi là “Lạc”?

Đáp: Lạc có 2 thứ. Đó là: Nội Lạc và Niết bàn Lạc.

- Nội Lạc là niềm vui ở bên trong, chẳng phải do duyên ngoại trần, mà do tu Phạm hạnh, do hành tâm bình đẳng, mà có. Nội Lạc chẳng phải là thứ lạc thông thường của chúng sanh trong 3 cõi.

Ví như hành giả vào Tam Thiên được sanh hỷ lạc; hành giả hành Bát nhã Ba la mật, quán hết thảy pháp tướng đều chẳng có sanh diệt, được Thật Trí Huệ, được tâm Vô Tướng, tâm không trụ chấp 3 cõi mà sanh lạc.

- Niết bàn Lạc, như lời Phật dạy, là Đệ Nhất Lạc. Lạc này còn được gọi là Tam Thiên Lạc.

Có 2 trường hợp sanh lạc:

- Do có thọ, mà sanh lạc.

- Do dứt các thọ, mà sanh lạc.

Khi chẳng còn vướng mắc 5 “ám thân” nữa, thì liền dứt được các thọ, được Vô dư Niết bàn.

Nên biết Sơ thiên và Nhị thiên cũng có lạc, nhưng chẳng bằng được Tam thiên. Vì sao?

Vì Sơ thiên có Lạc căn và Hỷ căn. 5 thức ngoài tương ưng với Lạc căn, còn ý thức thì tương ưng với Hỷ căn.

Nhị Thiên có ý thức tương ưng với Hỷ căn.

Tam Thiên có ý thức tương ưng với Lạc căn.

Như vậy, trong cả 3 Thiên, chỉ có Tam thiên là có ý thức tương ưng với Lạc căn mà thôi.

Chỉ có ý thức tương ưng với Lạc căn, mới đầy đủ, còn 5 thức ngoài tương ưng với Lạc căn là chưa đầy đủ. Cho nên, trong kinh nói “khoan khoái như vị tỷ kheo nhập đệ Tam thiên”.

Hỏi: *Vì sao nói “Hết thấy đều phát trí tuệ tốt, thọ trì giới luật tốt, thọ trì giới luật tốt, tự kiểm chế, chẳng còn làm nhiều loạn nhau”?*

Đáp: Khi ý thức đã tương ưng với Lạc căn rồi, thì tâm được hoan hỷ, chẳng còn đăm trước, sự hiểu biết được chân chính, cho nên kinh nói “được trí huệ tốt”. Có được trí huệ tốt rồi mới thọ trì giới luật tốt, tự kiểm chế được mình, chẳng còn muốn làm nhiều loạn người khác nữa.

Hỏi: *Thọ trì giới luật là đã tự kiểm chế rồi vậy. Vì sao còn nói thêm: “Tự kiểm chế, chẳng còn làm nhiều loạn nhau”?*

Đáp: Thân khẩu thuần thiện là “trì giới tốt”. Kiểm thúc thân tâm vào sự thuần thiện đó, mới gọi là “tự kiểm chế”. Tự kiểm chế rồi, thì chẳng còn làm nhiều loạn chúng sanh nữa. Vì sao? Vì hết thấy các công đức đều nhiếp về “Giới, Định, Huệ” của thân. Như trì giới tốt đẹp là nhiếp về Thân Giới, tự kiểm chế tốt đẹp là nhiếp về Thân Định, chẳng có nhiều loạn chúng sanh là nhiếp về Thân Huệ.

Hỏi: *Vì sao nói “trì giới tốt đẹp”?*

Đáp: Vì có nhiều người trì giới nhưng chẳng phải là trì giới tốt đẹp. Ví như có người Bà-la-môn nhiễm chấp các pháp thế gian, cho rằng: “Bỏ nhà ra đi là trì giới tốt đẹp”, hoặc cho rằng: “Dem sức mình làm ra các cửa của cải vật chất là trì giới tốt đẹp v.v...” Họ lại xem các người xuất gia đi khát thực, chẳng có tự mình làm ra của cải để tự nuôi sống thân, là chẳng cò được các công đức. Như vậy là họ đã hủy báng người trì giới tốt đẹp.

Lại nữa, có người chấp các pháp thế gian, cho rằng: “Thương thiện, phạt ác, không bỏ rơi dòng họ thân thích, lập ra phép luật để giúp đời, làm các việc có ích là đủ rồi, cần gì phải trì giới tốt đẹp?” Lại nói: “Giữ tâm bất động, gặp người nguy khốn mà chẳng lo cứu cấp, gặp lúc loạn lạc mà vẫn dửng dưng, thì trì giới tốt đẹp để làm gì?”. Như vậy cũng là hủy báng người trì giới tốt đẹp.

Lại nữa, có người nói: “Có oán mà chẳng báo, có giặc mà chẳng chống, gặp kẻ ác mà chẳng trị, cứ an nhiên vô sự, thì thật là vô ích, sao nói là chẳng làm nhiều loạn chúng sanh?”; hoặc làm kệ châm biếm, như:

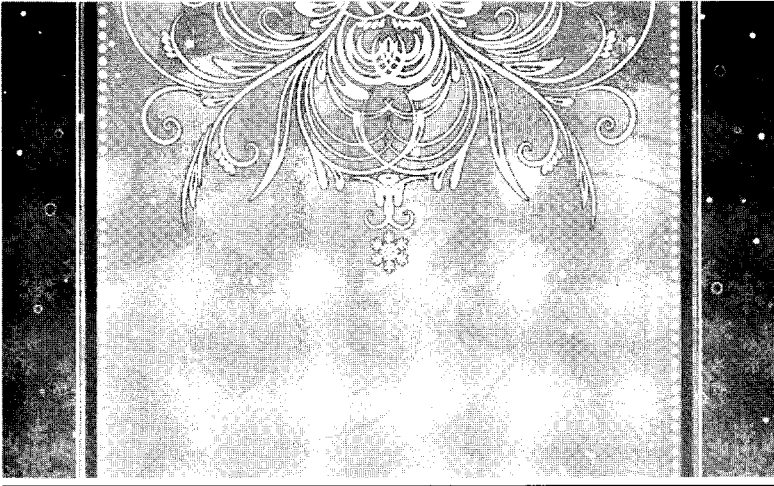
*Làm người không dùng kiện
Chẳng lợi ích cho đời
Gặp nạn nhân chẳng cứu
~Chẳng khác tượng gỗ đất.*

Họ dùng mọi đủ lời lẽ không tốt đẹp để hủy báng người trì giới tốt đẹp, như vậy là họ chẳng hiểu được diệu nghĩa “phát trí huệ tốt, trì giới tốt, tự kiềm chế, chẳng làm nhiều loạn chúng sanh”. Họ chẳng biết rằng: “Người hành các thiện pháp ấy, được tâm an ổn, chẳng có sợ hãi các ách nạn, chẳng có

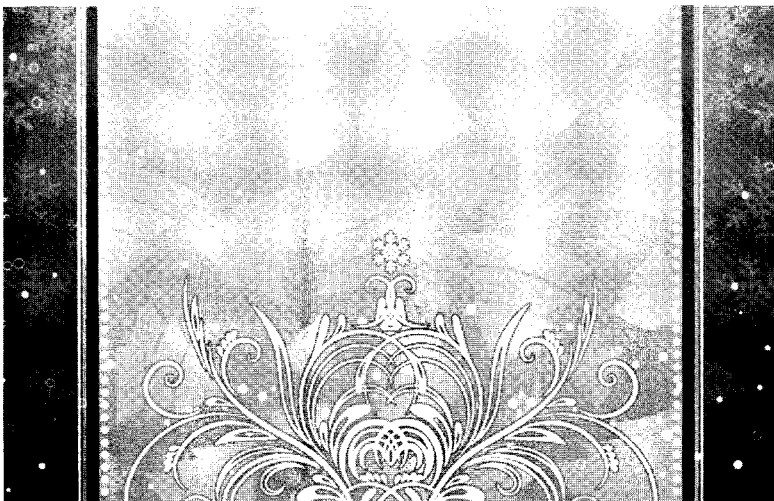
sanh phiền não, được người khen ngợi, ái kính, thẳng đường về Niết bàn tịch tịnh. Khi mạng chung vẫn giữ được tâm hoan hỷ, chẳng có gì lo sợ. Dù chưa được vào Niết bàn, cũng được sanh vào cảnh giới anh lành, như sanh trên cõi trời”.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói: “Phát trí huệ tốt, trì giới tốt, tự kiềm chế, chẳng làm nhiều loạn chúng sanh”.

(Hết quyển 8)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 9



Phẩm Thứ Nhất (TIẾP THEO)



HIỆN PHỔ THÂN (Thân hiện cùng khắp)

KINH:

Đức Thế Tôn ngồi trên tòa Sư tử, quang minh sắc tướng, oai đức nguy nguy, tôn nghiêm bậc nhất, hơn hết thấy, ví như núi Tu Di nguy nga, đồ sộ hơn hết thấy hòn núi khác.

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao Phật lại dùng đến oai lực tối tôn như vậy?*

Đáp: Từ vô lượng A tăng kỳ kiếp, Phật đã có vô lượng công đức, nên mới có được phước quả oai lực lớn như vậy.

Hỏi: *Nếu Phật có thân lực nguy nguy như vậy, thì vì sao còn phải thọ 9 tội báo, là:*

-Bị nữ Phạm chí Tôn Đà phi báng.

-Bị nữ Bà la môn Chiên Già độn bụng vu oan.

-Bị Đề Bà Đạt Đa liệng đá, gây thương tích ở chân.

-Bị mảnh gỗ đâm vào chân, khiến gót chân bị đau nhức.

-Bị vua Tỳ Lưu Ly xua quân sang thành Ca Tỳ La Vệ tàn sát rất nhiều người trong họ Thích, làm Phật phải đau đầu.

-Bị ăn lúa của ngựa.

-Bị gió đông lạnh, khiến phải đau lưng.

-Phải chịu 6 năm khổ hạnh trong rừng.

-Có lần đi khát thực chẳng được ai cúng dường, phải mang bát không trở về.

Nếu nói “Phật có thần lực, oai đức nguy nguy”, thì vì sao còn phải thọ các tội báo như vậy?

Đáp: Phật thị hiện sanh trong loài người, thọ thân người, có cha mẹ và thân thuộc, có đủ các tướng sanh, già, bệnh, chết, rồi từ đó mới thị hiện xuất gia, thành đạo để hóa độ chúng sanh.

Vì làm người, nên Phật cũng thị hiện có quả báo của loài người. Phật có hai thân, là: Pháp tánh thân và Sắc Thân do cha mẹ sanh. Pháp tánh thân có tướng hảo, có quang minh vô lượng, đoan chánh, thường thị hiện nơi nhiều thân khác nhau, để làm phương tiện độ sanh. Pháp tánh thân mới có thể độ hết thảy chúng sanh trong khắp 10 phương được.

Nay Phật dùng Sanh thân để thuyết pháp cho người, nên thị hiện thọ các tội báo như vậy. Lại vì thương xót chúng sanh ở đời này và ở những đời sau, phước đức cạn mỏng nên Phật phương tiện thị hiện thân người, thị hiện thọ các tội, nhằm hộ niệm cho họ và độ họ thoát khỏi vậy.

Ví như Phật muốn thị hiện vào thành Bà-la-môn khát thực mà chẳng được cúng dường, đến nỗi phải cầm bình bát không, để dạy cho các Tỷ-kheo rằng: “Trong bất cứ mọi tình huống, Tỷ-kheo phải luôn luôn giữ thân tâm an lạc, tinh tấn hành Đạo”.

Trong kinh *Duy Ma Cật* có ghi mẩu chuyện sau đây:

Một hôm Phật bảo ngài A Nan rằng: “Ta bị phong khí, phải dùng sữa trâu. Người hãy mang bình bát của ta đi khát.

Ngài A Nan mang bình bát vào thành Tỳ Xá Ly, tìm đến nhà một vị cư sĩ. Ngài Duy Ma Cật vừa trông thấy ngài A Nan, liền hỏi: Đại đức đi đâu vậy?

Ngài A Nan đáp: Phật thân có chút bệnh phải dùng đến sữa trâu.

Ngài Duy Ma Cật nói: Đại đức chớ nên phi báng Như Lai. Đức Thế Tôn đã chẳng còn các pháp bất thiện, làm sao còn có bệnh nữa? Đại đức chớ nên làm như vậy, khiến Ngoại đạo nghe lời mà dấy tâm khinh khi Phật là: “Tự mình có bệnh mà còn chẳng tự cứu được, như vậy làm sao có thể trị bệnh cho người khác?”

Ngài A Nan đáp: Chính tôi vâng lời Phật đi lấy sữa trâu.

Ngài Duy Ma Cật nói: Phật phương tiện bảo đại đức đi lấy sữa trâu về uống cho lành bệnh, nhằm dạy cho các Tỷ-kheo rằng “Trong đời vị lai, khi có bệnh, các Tỷ-kheo nên đến nhà cư sĩ cầu thuốc men. Nếu người cư sĩ bảo có bệnh mà chẳng tự cứu chữa được mong gì cứu chữa được người khác, thì các Tỷ-kheo sẽ nói là Phật còn có bệnh huống nữa là hàng Tỷ-kheo chúng tôi!... Hàng cư sĩ nghe vậy sẽ đem thuốc men cúng dường, khiến các Tỷ-kheo được an ổn”.

Rồi ngài nói với ngài A Nan rằng: Đại đức hãy cầm bình bát đi khát sữa trong im lặng, đừng để cho hàng Ngoại đạo hay biết. Đại đức nên biết rằng: “Vi phương tiện lợi ích cho chúng sanh, mà Phật thị hiện có bệnh, chẳng phải Phật thật sự có bệnh vậy”.

KINH:

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn thị hiện dùng thân thường, khai hóa hết thủy chúng sanh. Các hàng trời người đều đem thiên hoa, thiên hương, thiên anh lạc cùng đủ thứ các loại hoa sen quý xanh vàng, đỏ, trắng, cúng dường Phật.

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao Phật lại dùng thân thường để khai hóa hết thủy chúng sanh?*

Đáp: Như trước đây đã nói: “Do nhân duyên thuyết kinh *Bát Nhã Ba-la-mật*, mà Phật phóng quang minh, khiến chúng sanh trong khắp 3.000 Đại Thiên thể giới đều có duyên lành thấy Phật”. Nay chúng sanh đã khởi tín tâm thanh tịnh, hoan hỷ đến nghe pháp nên Phật dùng thân thường thuyết pháp, mà chúng sanh ở xa gần khắp nơi vẫn nghe được, chẳng có gì ngăn ngại cả.

Hỏi: *Trong các cõi Trời có cõi Trời “Tịnh Cư thiên”. Tên của cõi Trời ấy mang ý nghĩa gì?*

Đáp: Cảnh giới này do sự tu hành thanh tịnh, do đắc quả vị trong 2 Thừa Thanh Văn và Duyên Giác, mà có được. Nơi đây thánh, phàm đồng cư, và cũng là nơi hàng Bồ tát Bát Địa vẫn thường trú.

Hỏi: *Nếu là ly dục, thì đồng đều với nhau cả. Sao còn phân biệt có Thượng, có Trung, có Hạ?*

Đáp: Vì tu Thiền định có 3 hạng thượng, trung, hạ, nên sanh vào Tịnh Cư thiên cũng có 3 hạng. Đó là: Thiểu tịnh thiên, Vô Lượng Tịnh thiên, Biến Tịnh thiên.

Hỏi: *Vì sao trong 4 Thiền thường chỉ đề cập đến Sơ Thiền*

và *Đệ Tứ Thiên*; còn 2 *Thiên* kia ít khi nói đến?

Đáp: Vì lúc ban đầu, vào Sơ Thiên, thì ly dục rất khó; sau cùng, vào Đệ Tứ Thiên, được tánh vi diệu cũng rất khó.

Chặng giữa dễ hơn, nên ít được nói đến.

Phạm thiên, ở gần cõi Tịnh Cư thiên, thương xót chúng sanh, thường thỉnh Phật thuyết pháp. Cõi Trời Phạm thiên ở gần cõi Dục, và Phạm thiên lại là cõi chủ Sắc. Do Tịnh Cư thiên ở gần cõi Phạm thiên, nên chư Thiên ở cõi Trời này thường được nghe pháp, được thấy Phật, được tâm thanh tịnh, thường cúng dường Phật.

Hỏi: *Chư Thiên cúng dường Phật, sao người cũng được nghe các nhạc trời?*

Đáp: Phật dùng Thần Túc thông phóng Đại Quang Minh, nên các loài chúng sanh đều có thể thấy các hoa trời, có thể nghe nhạc trời vậy.

Hỏi: *Hàng Trời mới dâng hoa trời cúng dường Phật. Sao lại nói: “Các hàng Trời người đều đem hoa trời cúng dường Phật”?*

Đáp: Hàng Trời và hàng người đều đem hoa trời cúng dường Phật cả. Vì loài người cũng chọn các hoa đẹp để cúng dường Phật, nên ví các hoa ấy như các hoa trời, cũng chẳng có lỗi gì cả.

-o0o-

KINH:

Chư Thiên lại dùng thiên hoa, thiên hương tán lên thân Phật.

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao lại đem hoa tán lên thân Phật?*

Đáp: Vì do cúng Phật, nên mới làm như vậy. Lại nữa, vì thấy Phật sanh tâm hoan hỷ, nên mới tán hoa để cúng dường Phật.

-o0o-

KINH:

Những hoa quý này trụ giữa hư không, kết thành các đài hoa lớn.

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao các hoa lại kết thành đài hoa lớn giữa hư không?*

Đáp: Chỉ tán có một số ít hoa, mà kết thành một đài hoa lớn, nhằm khai thị cho chúng sanh thấy rõ “giao nhân ít có thể được quả nhiều” vậy.

Hỏi: *Vì sao đài hoa lại trụ giữa hư không, mà chẳng rơi xuống đất?*

Đáp: Để làm dụ cho chúng sanh biết rõ “thần lực của Phật khiến quả báo chẳng bao giờ mất”.

-o0o-

KINH:

Nơi các đài hoa, cả bốn bên đều có treo chuỗi anh lạc đủ màu sắc, xen với các bảo cái rực rỡ, trùm khắp cả 3.000 Đại Thiên thế giới.

LUẬN:

Hỏi: *Do nhân duyên gì mà tán hoa lại biến thành đài hoa lớn, có chuỗi anh lạc, có bảo cái trang nghiêm?*

Đáp: Vì muốn cho chúng sanh có được tâm trí thanh tịnh, và muốn khai thị cho chúng sanh biết rõ rằng: “Sự cúng dường thanh tịnh sẽ biến thành đài tâm quý báu, khiến họ rất vui mừng, như mừng được phước báo lớn” vậy.

-o0o-

KINH:

Các chuỗi và bảo cái anh lạc dùng để trang nghiêm đài. Các thế giới của chư Phật trong khắp 10 phương cũng đều như vậy.

LUẬN:

Chuyên Luân Thánh Vương làm chủ 4 thế giới, Phạm thiên làm chủ 1.000 thế giới, Phật làm chủ 3.000 Đại Thiên thế giới.

Vì nhiều chúng sanh chẳng có tin như vậy, nên Phật dùng thần lực biến hóa đến hết thấy các thế giới của chư Phật khắp 10 phương, để cho chúng sanh thấy rõ.

Hỏi: *Phật chỉ dùng có một thân để thuyết pháp. Vì sao mỗi chúng sanh ở đâu xa cũng đều tự cảm thấy như “Phật đang ở ngay trước mắt mình, và nói pháp cho riêng mình nghe”?*

Đáp: Phật có hai thứ thần lực:

1/- Phật ngồi tại một nơi nói pháp, mà chúng sanh ở đâu xa cũng đều thấy, đều nghe được cả.

2/- Phật ngồi tại một nơi nói pháp, mà mỗi chúng sanh, ở khắp nơi, đều tự cảm thấy như “Phật đang ở ngay trước mắt mình, và đang nói pháp cho riêng mình nghe”. Ví như mặt trời, mặt trăng ở tại chỗ, mà chúng sanh ở bất cứ đâu, cũng đều cảm thấy như mặt trời, mặt trăng hiện ra trước mắt mình vậy.

Do căn trí chúng sanh không đồng đều nhau, có chúng sanh thấy Phật biến khắp 3.000 Đại Thiên thế giới mới có được tín tâm thanh tịnh, lại có chúng sanh muốn được thấy Phật ở ngay trước mắt và chỉ nói pháp cho riêng mình mới khởi tín tâm thanh tịnh, mới được hoan hỷ. Đối với hạng chúng sanh như vậy, Phật phải thị hiện ở ngay trước mắt họ, nói pháp cho họ nghe vậy.

-o0o-

KINH:

Tại tòa sư tử, đức Thế Tôn vui vẻ, mỉm cười, phóng vô lượng quang minh chiếu suốt 10 phương thế giới. Nương theo ánh quang minh ấy, mà chúng sanh đều thấy được chư Phật và Tăng Chúng ở hàng sa thế giới khắp 10 phương; chúng sanh ở hàng sa thế giới khắp 10 phương cũng đều thấy được đức Phật Thích Ca Mưu Ni và Tăng Chúng ở cõi Ta Bà này.

LUẬN:

Hỏi: Trước đây, Phật đã phóng quang nhiều rồi. Nay vì sao còn phóng quang nữa?

Đáp: Vì chúng sanh ở các thế giới chẳng có thể thấy nhau, nên Phật dùng quang minh chiếu sáng, khiến hết thấy chúng sanh ở các thế giới đều thấy được nhau. Có như vậy, Phật ở trong Chúng hội ở cõi Ta Bà, mới có thể, vì hết thấy

chúng sanh, thuyết kinh *Bát Nhã Ba-la-mật* được.

Hỏi: Trong kinh nói: “Các đại A-la-hán, như ngài trưởng lão A Nậu Lâu Đậu, thấy được 1.000 thế giới; các Bích Chi Phật thấy được 2.000 thế giới”. Nay vì sao lại nói hết thấy chúng sanh đều thấy được chư Phật và Tăng chúng ở khắp 10 phương thế giới?

Đáp: Đây là nương theo thần lực của Phật mà thấy được, chẳng phải tự chúng sanh có thể thấy được như vậy. Nhờ ánh quang minh của Phật chiếu rọi, mà các chúng sanh ở khắp các thế giới có thể thấy nhau. Ví như người được ban Châu Tam Muội, dù chưa có được Thiên Nhãn, cũng có thể thấy được các cõi Phật trong 10 phương. Bởi nhân duyên vậy, nên đức Thế Tôn, ngồi trên tòa sư tử, vui vẻ mỉm cười.

Hỏi: Chúng sanh ở cõi Ta Bà, nhờ thần lực của Phật, mà thấy được như vậy, còn chúng sanh ở các thế giới khác thì sao?

Đáp: Nhờ thần lực của đức Phật Thích Ca Mưu Ni mà hết thấy chúng sanh ở các thế giới khắp 10 phương thấy được nhau.

-o0o-

KINH:

Lúc bấy giờ, vượt hăng sa thế giới về phương Đông, có thế giới gọi là Đa Bảo, đức Phật ở đây hiệu là Bảo Tích hiện đang vì các Bồ tát thuyết giảng kinh *Bát Nhã Ba-la-mật*.

LUẬN:

Hỏi: Phật dạy: “Thế giới vô lượng, vô biên”. Nay vì sao lại nói: “Có thế giới bên này, có thế giới bên kia”. Như vậy là có tướng Hữu Lượng, Hữu Biên rồi vậy. Nếu thế giới là Hữu Lượng, Hữu Biên, thì chúng sanh cũng như vậy, vì sao

nói: “Có vô lượng chúng sanh, và mỗi đức Phật độ vô lượng chúng sanh vào Vô Dư Niết bàn”?

Đáp: Nói vô lượng, vô biên thế giới cũng chỉ là phương tiện chẳng phải là Thật Pháp. Ví như thật chẳng có thân, mà phương tiện nói có thân.

Trong 14 điều vấn nạn, có một điều hỏi về hữu biên, vô biên; nói như vậy là tà kiến. Nếu nói hữu biên, thì Phật không phải là bậc Nhất Thiết Trí. Vì sao vậy? Vì trí huệ của Phật rõ biết cùng khắp, nên chẳng có sự việc gì mà chẳng biết.

Nói thế giới là “vô biên” thì chẳng có chỗ cùng tận; còn nói thế giới là “hữu biên” thì cũng là tà kiến. Vì sao vậy? Vì dùng “vô biên” là nhằm phá “hữu biên” vậy.

Khi nói thế giới Đa Bảo, chẳng phải là nói hết thảy thế giới là hữu biên. Đây chỉ nói đến thế giới có nhân duyên với đức Phật Thích Ca Mưu Ni. Đức Phật Thích Ca Mưu Ni có thế độ được chúng sanh ở thế giới này, nên lấy làm dụ cho “Hữu biên” vậy. Ví như khi nói về 1 nước, thì phải phân định có ở giữa, có bên này, có bên kia, chẳng phải nói cõi Diêm Phù Đề là hữu biên hay vô biên được.

Trí huệ Phật vô lượng, nên lấy đài hoa trụ giữa hư không, chẳng phải có cũng chẳng phải không, để làm dụ.

Hỏi: *Thế giới Đa Bảo là Pháp Bảo hay là Thế Bảo?*

Đáp: Cả hai đều đúng. Ở thế giới này có đức Phật hiệu là Bảo Tích, tượng trưng cho sự chứa nhóm các vật báu, nên Pháp bảo; lại có các Bồ Tát chứng được Pháp Tánh, nên là Thế Bảo.

Hỏi: *Nếu như vậy thì đức Phật nào cũng có hiệu là Bảo Tích hay sao?*

Đáp: Đức Phật nào cũng như vậy cả, nhưng chỉ có một đức Phật lấy hiệu là Bảo Tích. Ví như đức Phật Di Lặc, ở đời vị lai, còn có hiệu là Từ Thị, tượng trưng cho lòng Đại Từ của ngài. Các đức Phật khác cũng đều có lòng Đại Từ, mà chẳng lấy hiệu là Từ Thị. Lại như, đức Phật Bảo Hoa, khi sanh, bên hông có hoa quý; đức Phật Nhiên Đăng, khi sanh, bên thân có đèn sáng. Phật Bảo Tích cũng như vậy, khi sanh có các báu vật, hoặc trên trời, hoặc dưới đất hiện ra, nên được gọi là Bảo Tích.

Hỏi: *Một đức Phật Thích Ca Mưu Ni có thể độ hết thảy chúng sanh rồi. Như vậy cần gì đến các đức Phật khác.*

Đáp: Như có một thời ngài A Nan suy nghĩ: “Các đức Phật quá khứ ra đời nhằm thời thọ mạng lâu dài mới có thể độ được vô số chúng sanh; còn đức Phật Thích Ca ra đời vào thời thọ mạng ngắn ngủi làm sao có thể độ được hết thảy chúng sanh”?

Phật quán biết tâm niệm của ngài A Nan có chỗ nghi, nên liền vào Tam muội. Lúc bấy giờ ở thân Phật, hết thảy các lỗ chân lông đều phóng quang minh. Quang minh chiếu khắp cả cõi Diêm Phù Đề, rồi chiếu khắp cả 4 Châu thiên hạ, lại chiếu suốt cả 3000 Đại thiên thế giới, chiếu đến tận hàng sa thế giới khắp 10 phương.

Từ nơi rốn của Phật hiện ra các hoa sen báu, rồi Phật thuyết kệ:

*Gương sen xanh lưu ly,
 Hoa sen vàng ngàn cánh
 Đài sen như kim cương,
 Cánh sen như hổ phách
 Cọng sen mềm vươn thẳng
 Cao đến mười trượng dư.*

Gương sen xanh lưu ly
Hiện trên rốn của Phật,
Lá sen rộng và dài,
Hoa sen đủ ngàn cánh
Óng ánh bao màu sắc,
Trang nghiêm và rực rỡ.
Bốn hoa đẹp như vậy
Từ rốn Phật hiện ra,
Trở thành bốn “bảo tòa”
Sáng rực tựa mặt trời.
Trên bốn bảo tòa ấy,
Có bốn đức Phật ngồi,
Như bốn núi “Kim Sơn”
Chiếu hào quang rực rỡ.
Từ rốn bốn Phật ấy,
Hiện bốn hoa sen quý,
Trên hoa có “bảo tòa”,
Mỗi tòa có một Phật.
Từ rốn các Phật ấy,
Lần lượt hiện hoa quý,
Mỗi hoa đều có tòa,
Các tòa đều có Phật.
Như vậy lần lượt hóa
Dẫn đến Tịnh cư thiên.
Muốn biết rõ bao nhiêu.
Nên dùng thí dụ nói:
Hãy lấy một tảng đá,

To lớn tợ núi cao,
 Tán nát thành vi trần,
 Dem dùng để tính tuổi,
 Từ thời tám vạn tuổi,
 Xuống đến thời ba tuổi,
 Tổng cộng số tuổi đó,
 Từ trên xuống tận dưới,
 Gồm luôn khoảng chặng giữa,
 Chưa bằng số hóa Phật.
 Có Phật đang phóng quang,
 Sáng chói tợ mặt trời.
 Có Phật hiện phun nước,
 Có Phật hiện phun lửa.
 Có Phật đi kinh hành,
 Có Phật ngồi yên tịnh.
 Có Phật đi khát thực.
 Làm các việc lợi sanh,
 Hoặc thuyết giảng kinh pháp,
 Hoặc phóng đại quang minh,
 Hoặc vào ba đường ác,
 Đến tận chốn địa ngục,
 Hóa hiện đủ phương tiện,
 Tùy sự cứu các khổ,
 Chỗ tối chiếu quang minh,
 Chỗ nóng hiện gió mát,
 An ủi các người bệnh,
 Dùng pháp lạc độ sanh.

Như vậy trong một thời, Phật dùng đủ các phương tiện độ được vô lượng chúng sanh trong hằng sa thế giới khắp mười phương.

Lúc bấy giờ, Phật từ Tam muội ra, hỏi ngài A Nan rằng: A Nan đã thấy thần lực của Tam muội chưa?

Ngài A Nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con có thấy.

Do thần thông lực, mà chỉ trong một ngày Phật đã cứu độ được vô số chúng sanh đầy khắp cả hư không, huống nữa là suốt thời gian 80 năm, cho nên nói: “Thần lực công đức của Phật thật là vô lượng hóa hiện khắp 10 thế giới, chẳng có gì ngăn ngại cả”.

Như lời Phật dạy: “Một thời không có hai đức Phật xuất thế”. Trong Trang Nghiêm kiếp có 3 đức Phật xuất thế, đó là Phật Tỳ Bà Thi, Phật Thi Khí và Phật Tỳ Sá Phù. Qua Hiền kiếp có 4 đức Phật xuất thế; đó là Phật Câu Lưu Tôn, Phật Câu Na Hàm, Phật Ca Diếp và Phật Thích Ca. Ngoài Trang Nghiêm kiếp và Hiền kiếp, các kiếp khác không có Phật xuất thế. Chúng sanh thật đáng thương xót, vì rất khó được sanh vào thời có Phật xuất thế. Cũng như lời Phật dạy: “Người nữ có 5 việc không làm được”, và bao nhiêu lời Phật dạy khác đều không sai.

Hỏi: Nếu nói đến “chư Phật khắp 10 phương”, thì vì sao lại nói “một thời không có hai đức Phật xuất thế”?

Đáp: Hỏi như vậy là chẳng có hiểu rõ nghĩa kinh vậy.

Nên biết, kinh có hai loại, đó là:

- Kinh liễu nghĩa.
- Kinh bất liễu nghĩa.

Kinh liễu nghĩa là loại kinh giải được nghĩa thậm thâm,

rất khó giải, rất khó hiểu.

Bởi nhân duyên vậy, nên trước khi nhập Niết bàn, Phật dạy các đệ tử rằng: “Từ nay về sau phải y Pháp, không y người, phải y nghĩa, không y ngữ, phải y trí không y thức, phải y kinh liễu nghĩa, không y kinh bất liễu nghĩa”.

* Y Pháp không y người: Đó là y theo các pháp đã được dạy trong 12 bộ kinh, đó cũng là y theo như Pháp tánh, mà không theo người thuyết giảng.

* Y nghĩa, không y ngữ: Đó là y theo nghĩa của lời kinh, chớ nên y theo lời nói hay văn tự.

Hãy lấy thí dụ “người dùng ngón tay để chỉ mặt trăng”. Nếu chỉ nhìn ngón tay của người ấy, thì chẳng sao thấy được mặt trăng. Lời nói và văn tự cũng chỉ là “ngón tay chỉ mặt trăng”, nếu y theo lời nói, y theo văn tự, mà chẳng tìm hiểu nghĩa của lời kinh, thì chẳng sao vào được biển Phật pháp vậy.

* Y trí, không y thức: Thức thường hay câu vui, không theo chánh lý. Trí mới phân biệt được thiện ác. Vậy nên người hành Đạo chỉ theo trí mà không để cho thức chi phối vậy.

* Y theo kinh liễu nghĩa, không y theo kinh bất liễu nghĩa. Người học Phật phải y theo “Đệ nhất Nghĩa”. Ví như Phật dạy “bồ thí được đại phước, trì giới được sanh cõi trời”, như vậy là liễu nghĩa.

Ví như nói “thuyết pháp có 5 điều lợi là được giàu sang, được người ái kính, được đoan chánh, được thanh tịnh, được Niết Bàn”. Như vậy là chưa được liễu nghĩa vậy.

Hỏi: Thế nào là liễu nghĩa, và thế nào là chưa liễu nghĩa?

Đáp: “Bồ thí không trụ tướng” mới được đại phước đức,

đời đời được giàu sang. Như vậy là “liễu nghĩa”.

Còn nói “thuyết pháp được giàu sang” là chưa liễu nghĩa. Vì sao? Phải hiểu rằng người thuyết pháp, do tán thán Bồ thí mà phá được xan tham nơi người khác, và cũng tự trừ được xan tham nơi chính mình. Bởi vậy nên cũng được hưởng phước báo giàu sang. Lời nói “thuyết pháp được giàu sang” chưa được đầy đủ nghĩa, nên gọi là chưa liễu nghĩa. Đây chỉ là phương tiện mà nói, chưa phải là thật nghĩa trong kinh vậy.

Sau đây nêu vài thí dụ về những lời kinh “chưa liễu nghĩa”. Ví như nói “một thời không có hai đức Phật xuất thế”, chẳng phải nói “một thời ở trong 10 phương thế giới không có các đức Phật xuất thế”.

Lại như nói “trong 91 kiếp chỉ có 3 kiếp có Phật xuất thế, các kiếp khác không có Phật, chúng sanh thật đáng thương xót” là nói “những người phạm trọng tội, những người không trồng thiện căn, thì chẳng có thể thấy được Phật”. Vì hạng người này nên kinh nói “Phật rất khó gặp”. Vì sao? Vì dù Phật có ra đời đi nữa, thì những người phạm trọng tội, bị luân chuyển trong 3 đường ác, vẫn chẳng sao thấy được Phật.

Vì không trồng thiện căn, nên dù được sanh làm người, làm trời vào thời có Phật, cũng chẳng có thể thấy được Phật.

Trong kinh có chép các mẫu chuyện sau đây :

- Ở thành Xá Vệ có 9 ức người, mà trong đó chỉ có 3 ức người được thấy Phật, có 3 ức người tai nghe nói có Phật mà mắt lại chẳng trông thấy Phật, lại có 3 ức người tai chẳng nghe, mắt chẳng thấy có Phật, dù Phật đã sống trong thành Xá Vệ suốt 25 năm dài.

- Khi Phật và ngài A Nan vào thành Xá Vệ khất thực, có

một bà lão đứng ở đầu đường. Ngài A Nan xin Phật độ cho bà ấy.

Phật dạy: Này A Nan! Người này không có nhân duyên với Ta.

Ngài A Nan liền đứng lại để tạo duyên cho bà lão ấy. Vừa lúc đó Phật đi đến, bà liền quay lưng về phía Phật. Phật đi cả 4 bên, đi qua bên nào bà ấy cũng xây lưng về phía Phật. Phật bay lên đầu bà thì bà liền cúi mặt xuống đất, Phật hiện ra dưới đất, bà liền lấy tay che mắt, không chịu nhìn Phật.

Phật dạy: Này A Nan! Người chẳng có nhân duyên với Phật thì chẳng sao thấy được Phật. Phật rất khó gặp, như hoa Ưu Đàm rất khó thấy vậy. Lại nữa, ví như nước rất nhiều mà loài ngạ quỷ chẳng có nhân duyên được uống nước, nên đành phải chịu khát, chẳng sao uống được nước.

Phật dạy “Suốt 91 kiếp chỉ có 3 kiếp có Phật xuất thế” là nói ở một Phật thế giới mà thôi, chẳng phải nói chung ở hết thảy các thế giới trong khắp 10 phương vậy.

Hỏi: *Do nhân duyên gì mà Phật xuất thế?*

Đáp: Do chúng sanh bị các khổ “Sanh, già, bệnh, chết” mà Phật ra đời để cứu độ họ.

Phật dạy: “Vi chúng sanh bị các khổ Sanh, già, bệnh, chết mà Ta phát đại nguyện làm Phật cứu độ hết thảy chúng sanh thoát ra khỏi các khổ ở đời nay và ở đời sau.”

Hỏi: *Khắp 10 phương thế giới đều có Phật. Như vậy sao lại nói nơi này có Phật, nơi kia không có Phật?*

Đáp: Nơi đâu có khổ thì nơi đó có Phật xuất thế. Trong hết thảy các thế giới đều có khổ nên đều có Phật cả.

Trong kinh *A Hàm* nêu bài kệ của các quý thần tán thán Phật, khi họ đến đánh lễ Phật như sau:

Xin quy mạng Phật, đáng tối thượng.

Bậc đại tinh tấn, lưỡng túc tôn.

Dùng huệ nhãn, Phật khắp thấy biết,

Phật huệ, chư Thiên còn chẳng rõ.

Chúng con cúi đầu xin đánh lễ,

Quá khứ, hiện tại, vị lai Phật.

Chúng con xin nhất tâm quy mạng,

Cung kính chư Phật khắp mười phương.

Như vậy, kinh *Thanh Văn* cũng nói đến chư Phật ba đời khắp 10 phương, cho thấy rõ có vô lượng chư Phật vậy.

Kinh nói “Phật rất khó gặp” nhằm răn dạy chúng sanh. Chúng sanh bị các khổ “Sanh, già, bệnh, chết” đe dọa, khi nghe nói như vậy liền sanh sợ hãi. Nhờ vậy mà trở nên siêng năng, tinh tấn lo tu hành, mong cầu được thoát khổ.

Hỏi: *Nếu thật có chư Phật khắp 10 phương, thì vì sao vẫn có vô lượng chúng sanh đọa vào ba đường ác mà chư Phật chẳng cứu họ?*

Đáp: Như trên đây đã nói “Đối với chúng sanh phạm trọng tội, hoặc không có nhân duyên thấy Phật, thì dù có Phật ra đời, họ vẫn không thể thấy được Phật. Ví như người mù chẳng thấy được ánh sáng mặt trời; người điếc chẳng nghe được các tiếng động”.

Chư Phật vẫn thường phóng quang minh, vẫn thường thuyết pháp. Thế nhưng, chúng sanh do bị tội cấu che tâm, nên chẳng có thể thấy, chẳng có thể nghe được.

Tội cấu ví như bụi bám vào gương. Bụi bám vào gương

ngăn che không cho bóng hiện trong gương. Cũng như vậy, tâm cấu ngăn che không cho thấy được Phật. Phải giữ tâm thanh tịnh, mới có thể thấy được Phật.

Ví như đức Phật Thích Ca Mưu Ni đản sanh ở thành Ca Tỳ La Vệ, đi thuyết pháp khắp nước Thiên Trúc, khi đi về phương Bắc, khi đi về phương Nam, khi đi về phương Đông, khi đi về phương Tây... Có khi lại ứng hiện trên núi, có khi ứng hiện đứng giữa hư không, mà có nhiều chúng sanh ở những nơi ấy vẫn chẳng thấy được Phật. Trong kinh có chép trường hợp Phật chỉ ở lại trong hang có một đêm, mà hình ảnh của Phật vẫn còn in mãi trên vách đá. Có người nghe nói, vào hang tìm xem mà chẳng thấy gì, trong lúc đó thì có người chỉ nhìn qua khe đá đã có thể thấy hào quang của Phật.

Cũng như Phật Di Lặc ở cung trời Đâu Suất, chưa giáng trần nên chúng sanh ở cõi trần không thấy được, chẳng phải không có Phật Di Lặc vậy.

Nên biết, chúng sanh nào có thiện căn đầy đủ, mới được Phật độ.

Như bài kệ thuyết:

Chư Phật quán biết trong chúng sanh:

Có kẻ chẳng thể nào độ được,

Có kẻ dễ độ, kẻ khó độ,

Có kẻ lợi căn, kẻ độn căn.

Phật phóng quang hoặc hiện thân tức,

Dùng mọi nhân duyên độ chúng sanh:

Dù đối nghịch, Phật vẫn thương xót,

Làm trái ý, Phật vẫn chẳng chấp,

Khó hóa độ, Phật dùng lời thô,

*Nhu duyên dễ độ, dùng lời dịu.
Tâm Phật, tuy từ bi bình đẳng,
Đúng thời, mới phương tiện độ sanh.*

Lực phương tiện của Phật chẳng có thể nghĩ bàn được. Đến các bậc đại A-la-hán như ngài Xá Lợi Phất, các bậc đại Bồ tát như ngài Di Lặc cũng chưa thể biết được, huống nữa là người phàm.

Trong kinh có chép những mẫu chuyện về chúng sanh được độ, trong nhiều trường hợp khác nhau:

- Ở nước Đại Nguyệt Thị, có một người bị bệnh phong cùi, đã đến trước tượng của ngài Phổ Hiền, nhất tâm quy mạng, niệm danh hiệu của ngài xin cho được lành bệnh.

Ngài Phổ Hiền liền phóng quang, dùng tay xoa lên đầu và thân người bệnh, tức thì người ấy được lành bệnh.

- Ở một nước nọ, có một vị Tỷ-kheo tinh tấn trì tụng kinh *Pháp Hoa*. Vị này được nhà vua cung kính thỉnh vào cung thuyết giảng. Thấy nhà vua trải tóc để vị Tỷ-kheo đi qua, tất cả triều đình đều lấy làm lạ. Một người tâu vua cho biết lý do.

Nhà vua đáp: Có một đêm, ta tìm đến vị Tỷ-kheo, nghe vị ấy đang trì tụng kinh *Pháp Hoa*. Ngay lúc bấy giờ ta thấy có một đấng hào quang sắc vàng cỡi voi trắng đang chấp tay cung kính. Ta đến gần, thì đấng ấy biến mất. Ta hỏi vị Tỷ-kheo “Vi sao thấy tôi đến gần mà đấng ấy lại biến mất?”.

Vị Tỷ-kheo đáp: Bồ tát Phổ Hiền có phát nguyện: “Người nào nhất tâm trì tụng kinh *Pháp Hoa*, thì sẽ đến hộ trì”.

- Ở một nước nọ, có một vị Tỷ-kheo trì tụng kinh *A Di Đà*, khi sắp chết, vị ấy dặn các đệ tử rằng: “Đức Phật A Di Đà cùng đại chúng đã đến”. Nói xong liền viên tịch. Sau lễ

trà tỳ, các đệ tử thấy trong đồng tro còn nguyên vẹn cái lưới của vị Tỷ-kheo.

Như vậy, có vô số trường hợp chư Phật và chư Bồ tát thị hiện độ chúng sanh.

Những người tội cấu nhẹ nhàng, lại nhất tâm niệm Phật, có tín tâm thanh tịnh, chẳng có nghi hối, ắt sẽ được thành đạo.

Bởi nhân duyên vậy, nên phải tin có chư Phật ba đời trong khắp 10 phương thế giới.

KINH:

Ở thế giới đó, có một vị đại Bồ tát hiệu là Phổ Minh.

LUẬN:

Hỏi: *Hiệu “Phổ Minh” mang ý nghĩa gì?*

Đáp: Có nghĩa là ánh sáng thường chiếu.

-oOo-

KINH:

Thấy Đại quang minh và đại địa chấn động, lại thấy thân đức Phật Thích Ca Mưu Ni, ngài liền đến bạch với Phật Bảo Tích rằng: Nay vì nhân duyên gì mà có quang minh chiếu sáng, có đại địa chấn động lại có Phật thân hiển bày như vậy?

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao Bồ tát Phổ Minh” hỏi Phật Bảo Tích về nhân duyên các điềm lành ấy?*

Đáp: Vì Bồ tát Phổ Minh chưa có thể biết được trí huệ và thần lực của chư Phật nên mới thưa hỏi Phật Bảo Tích, để được thông rõ.

Ví như mặt trăng đang sáng, mà có mặt trời hiện ra, thì ánh sáng của mặt trăng liền bị lu mờ. Cũng như vậy, khi có một đấng Phật phóng quang minh, thì quang minh của chư vị Bồ tát, quang minh của chư Thiên... đều bị lu mờ cả.

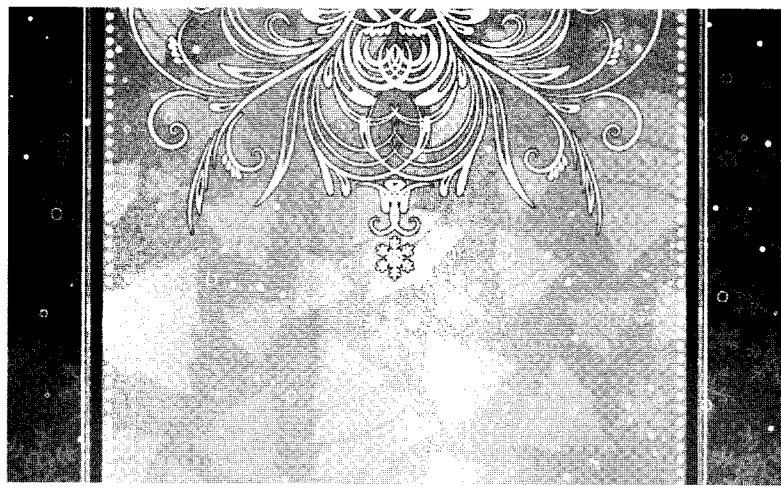
Giữa ánh quang minh rực rỡ ấy hiển bày thân Phật sắc vàng, uy nghi đẹp đẽ của đấng Phật Thích Ca Muru Ni khiến Bồ tát Phổ Minh nhìn mãi mà chẳng nhàm chán.

Chỉ nhìn Phật thân cũng đã được lợi ích rồi. Nay Bồ tát Phổ Minh lại được thấy vô số thế giới khắp mười phương. Được thấy các chúng sanh trong các thế giới đều được trông thấy nhau nên sanh tâm đại hoan hỷ. Bồ tát biết rằng có “Đại sự nhân duyên” nên phải hỏi vậy.

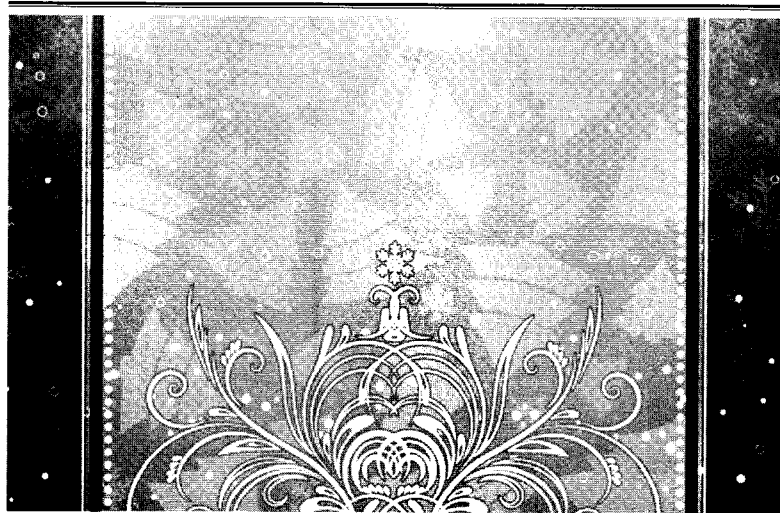
Các đại Bồ tát mới hay thưa hỏi các đấng Phật, còn các tiểu Bồ tát chẳng dám thưa hỏi như vậy.

Bồ tát Phổ Minh là một vị đại Bồ tát. Ngài thưa hỏi Phật Bảo Tích về các nhân duyên có quang minh, có đại địa chấn động, có hiển bày Phật thân của đấng Phật Thích Ca Muru Ni, để Phật Bảo Tích giải đáp, khiến cho tất cả đều được rõ. Ví như voi chúa thường tìm đến các gốc cây lớn nghỉ ngơi, để cho các voi con có dịp tốt ăn các cành lá vậy.

(Hết quyển 9)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 10



Phẩm Thứ Nhất (TIẾP THEO)



THẬP PHƯƠNG BỒ TÁT LAI (Bồ tát Từ Mười Phương Đến)

KINH:

Đức Phật Bảo Tích bảo ngài Bồ tát Phổ Minh rằng: Nay thiện nam tử! Cách đây hằng hà sa thế giới, về phương Tây, ở thế giới Ta Bà có đức Phật Thích Ca Mưu Ni, vì các Bồ tát đang thuyết kinh *Bát Nhã Ba-la-mật*, nên hiện thân lực như vậy.

LUẬN:

Hỏi: *Phật ví như núi Tu Di chẳng bị sóng to gió lớn làm lay động, nay vì sao lại hiện tướng động như vậy?*

Đáp: Xét về mặt “nhiếp tâm”, thì không có tướng động. Nhưng xét về mặt “tín tâm”, thì hiện tướng động có tác động mạnh mẽ khiến chúng sanh khởi được lòng tin vững chắc.

Thuyết pháp khởi từ “giác quan” mà giác quan nhiếp về tướng thô vậy. Phật thường hằng ở trong thiền định, không bị các thô sự làm động tâm. Nay vì lòng đại từ đại bi, thương xót chúng sanh, mà Phật hiện tướng động thuyết pháp, nhằm đoạn nghi cho họ. Lại nữa, cũng vì lòng đại từ đại bi mà Phật hiện tâm động phân thân vô số, vào trong 5 đạo chúng sanh để giáo hóa họ.

Lại nữa, do phước đức nhân duyên của chúng sanh, mà Phật hiện thân ở khắp nơi, hiện ra tiếng nói, tùy tâm chúng

sinh mà ứng hiện ra các sự vật, như tiếng vang, nhạc trời, hoa trời, chuỗi anh lạc v.v... Chúng sanh tùy sở thích, tự nhiên đều được đầy đủ theo chỗ nguyện cầu, Phật tùy tâm chúng sanh mà thuyết pháp, chẳng có ức tướng, cũng chẳng có phân biệt.

Trong kinh *Kim Cang Mật Tích* có nói: “Phật có ba điều mật” là:

- Thân mật.
- Ngữ mật.
- Ý mật.

Các hàng trời, người chẳng có thể nào biết rõ được ba điều mật của Phật.

* *Thân mật*: Tùy theo tâm của chúng sanh mà Phật hiện ra các thân tướng. Như vậy gọi là “thân mật”. Ví như có người thấy thân Phật màu vàng ròng, có người thấy thân Phật màu trắng sáng như bạc, có người thấy thân Phật đủ màu v.v... Ví như có người thấy thân Phật cao 1 trượng 6 thước; có người thấy thân Phật cao đến 1 dặm, lại có người thấy thân Phật trùm khắp cả hư không v.v...

* *Ngữ mật*: Tùy theo tâm của chúng sanh mà Phật hiện ra các tướng âm thanh khác nhau. Như vậy gọi là “ngữ mật”. Ví như có người nghe tiếng nói của Phật vang xa 10 dặm; có người nghe xa đến cả trăm dặm, cả ngàn dặm; lại có người nghe xa đến trùm khắp hết cả hư không v.v...

* *Ý mật*: Trong cùng một Pháp hội, mỗi chúng sanh nghe Phật thuyết pháp theo đúng với tâm niệm của mình. Như vậy gọi là “ý mật”. Ví như cùng một thời pháp của Phật, có người nghe thuyết về bố thí, có người nghe thuyết về trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định dẫn đến nghe thuyết về 12 bộ kinh, về 5 vạn Pháp môn v.v...

Như trong kinh có chép mẫu truyện về ngài Mục Kiền Liên như sau:

Ngài Mục Kiền Liên tâm niệm muốn biết âm thanh của Phật truyền xa đến đâu, đã dùng thần thông đi khắp mười phương thế giới. Đi đến đâu, ngài cũng vẫn nghe Phật thuyết pháp. Ngài dừng chân ở một thế giới Phật xa xôi. Lúc bấy giờ, đức Phật ở đó cùng đại Chúng đang dùng bữa, ngài bèn cầm bình bát đứng bên cạnh vị Phật ấy.

Các đệ tử của vị Phật ấy hỏi: Bạch Thế Tôn! Người từ đâu đến mà thân hình nhỏ như con sâu, lại còn đắp cà sa của Sa môn vậy?

Vị Phật ấy đáp: Chớ nên xem thường vị khách lạ này. Ở hằng hà sa thế giới về phương Đông có một vị Phật hiệu là Thích Ca Mưu Ni. Người này là đệ tử “Đệ nhất thần thông” của Phật Thích Ca Mưu Ni vậy.

Rồi vị Phật ấy quay về phía ngài Mục Kiền Liên bảo rằng: Nay ông Mục Kiền Liên! Do nhân duyên gì mà ông đến nơi đây?

Ngài Mục Kiền Liên đáp: Con muốn tìm hiểu âm thanh của Phật có thể truyền xa đến mức nào, nên con mới đến đây.

Vị Phật ấy lại bảo: Nay ông Mục Kiền Liên! Ông muốn biết âm thanh của Phật truyền xa đến đâu thì dù ông trải qua vô lượng kiếp, dù đi khắp vô lượng thế giới ông cũng vẫn còn nghe vậy.

Tóm lại, Phật thị hiện sanh thân, hiện các tướng động nói pháp v.v... nhằm đoạn nghi cho chúng sanh, đem ánh sáng trí huệ phá tan màn vô minh hắc ám; cũng như mặt trời tỏa ánh sáng phá trừ tối tăm vậy.

Hỏi: Các đức Phật đều là những bậc Chánh Đẳng Chánh Giác cả. Vì sao đức Phật này lại còn tán thán Thần lực của đức Phật kia?

Đáp: Các đức Phật chẳng còn có phân biệt Ta với Người. Vì chẳng còn có tật đố, kiêu mạn nên thường tán thán các đức Phật khác vậy. Còn các hàng trời, do còn mong cầu sự tôn kính, do còn kiêu mạn nên thường tự cho mình sanh ra muôn vật, chẳng muốn tán thán những vị trời khác.

Lời nói của Phật là chân ngữ, không loại trừ các pháp tướng nhân duyên, nên vị Phật này thường tán thán thần lực của vị Phật khác.

-o0o-

KINH:

Lúc bấy giờ, Bồ tát Phổ Minh bạch Phật Bảo Tích rằng: Bạch Thế Tôn! Nay con xin đến diện kiến đức Phật Thích Ca Mưu Ni để được cúng dường Ngài, và nhân thể để thăm hỏi các vị đại Bồ tát đã được các Đà la ni, đã được các Tam Muội, đều đã được tự tại ở thế giới Ta Bà.

LUẬN:

Hỏi: Chư Phật đều đầy đủ trí giới, thiên định, trí huệ như nhau, đều cứu độ chúng sanh như nhau cả. Vì sao Bồ tát Phổ Minh còn xin được diện kiến đức Phật Thích Ca Mưu Ni làm gì?

Đáp: Các Bồ tát thường muốn được thấy Phật, được nghe pháp, chẳng bao giờ nhàm chán.

Trong kinh có ghi mẫu chuyện sau đây:

Thủ cư sĩ ở Tịnh Cư thiên rất mong muốn được đến trước mặt Phật Thích Ca Muru Ni đánh lễ Phật. Nhưng vì thân ông quá vi diệu chẳng sao xuống cõi mà chúng sanh đều có thân thô xấu.

Phật dạy Thủ cư sĩ rằng: “Ông hãy tự hóa thành thân thô, mới có thể xuống được cõi này”.

Tức thì, Thủ cư sĩ làm theo lời Phật dạy, quán sắc tướng của quả đất, tự hóa thành thân thô đến trước mặt Phật đánh lễ, rồi đứng sang một bên.

Phật hỏi: “Ông có bao nhiêu việc không nhàm chán, mà sanh lên cõi Trời Tịnh Cư thiên?”

Thủ cư sĩ đáp: “Con có 3 việc không nhàm chán: Đó là muốn thấy Phật không nhàm chán, muốn nghe pháp không nhàm chán, muốn cúng dường chư Phật và chư Tăng không nhàm chán”.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát Phổ Minh muốn đến cõi Ta Bà diện kiến đức Phật Thích Ca Muru Ni, được cúng dường Phật và các vị Bồ tát ở cõi này vậy.

Hỏi: *Phật mới đầy đủ Tam Muội, mới được vô ngại tự tại. Vì sao nói các vị Bồ tát cũng được Tam Muội tự tại?*

Đáp: Nên phân biệt có hai thứ Tam Muội: Tam Muội của Bồ tát và Tam Muội của Phật. Hai Tam Muội này khác nhau. Bồ tát cũng được Tam Muội tự tại nhưng chẳng phải là Tam Muội của Phật.

Trong kinh có chép mẫu chuyện về Bồ tát Văn Thù như sau:

Ngài Văn Thù Sư Lợi đến gần nơi Phật tập hội, thấy có một người nữ đang ngồi nhập định vào Tam Muội.

Ngài đến đánh lễ Phật xong, bèn hỏi Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Vì sao người nữ ấy lại được ngồi gần Phật mà con chẳng được như vậy? Phật dạy: Ông cứ đến đánh thức người nữ ấy dậy mà hỏi.

Ngài Văn Thù đến bên tai người ấy la lớn mà người ấy vẫn trơ trơ, lay mạnh tay chân mà người ấy vẫn ngồi yên. Dùng thần chú làm cho Đại địa chấn động mà người ấy vẫn không ra khỏi Tam Muội.

Ngài Văn Thù lại bạch Phật: Con chẳng có cách nào làm cho người nữ ấy ra khỏi Tam Muội được.

Phật bèn phóng quang minh chiếu đến thế giới bên dưới. Tức thì có một Bồ tát hiệu là Khí Chư Cái, từ phương dưới hiện lên đến đánh lễ Phật.

Phật bảo: Ông hãy đánh thức người nữ này ra khỏi thiên định. Bồ tát Khí Chư Cái khảy móng tay khiến người nữ ra khỏi Tam Muội. Ngài Văn Thù hỏi Phật: Như vậy là thế nào?

Phật dạy: Người nữ này khi sơ phát tâm đã do Bồ tát này khai đạo. Ở nơi Phật Tam Muội, ông chưa thành tựu các công đức nên chưa có thể được như vậy. Bồ tát Khí Chư Cái ở nơi Tam Muội của Bồ tát đã được đầy đủ và ở nơi Tam Muội của Phật cũng có được một phần nên mới có thể làm được như vậy.

-o0o-

KINH:

Phật Bảo Tích bảo Bồ tát Phổ Minh rằng: Ông muốn đi đâu thì tùy ý, nhưng phải biết đúng thời mà đi.

Lúc bấy giờ, Phật Bảo Tích cầm một hoa sen màu vàng ròng, có ngàn cánh trao cho Bồ tát Phổ Minh và bảo

rằng: Này thiện nam tử! Ông hãy đem hoa sen này cúng dường đức Phật Thích Ca Muru Ni. Ông hãy nhất tâm và thận trọng khi đến cõi Ta Bà. Ở cõi ấy, chư vị Bồ tát là những bậc khó có thể thắng, khó có thể bì được.

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao Phật Bảo Tích lại bảo: “Ông muốn đi đâu thì tùy ý nhưng phải nên biết đúng thời mà đi?”*

Đáp: Vì Phật Bảo Tích muốn đoạn ái nơi hàng đệ tử. Do vì Bồ tát Phổ Minh chưa được Nhất Thiết Trí nên trong tâm vẫn còn nhiều nghi vấn, muốn được gặp đức Phật Thích Ca Muru Ni xem ngài có nhiều công đức thù thắng hơn không. Bởi vậy, nên Phật Bảo Tích mới dặn “Ông muốn đi đâu, thì tùy ý”.

Lại nữa, vì sợ Bồ tát Phổ Minh thấy đức Phật Thích Ca Muru Ni có thân hình nhỏ bé mà dấy tâm khinh mạn nên dặn “Khi đến nơi, chớ nên quán thân Phật, chớ nên quán thế giới, mà chỉ nên nghe Phật thuyết pháp”.

Lại nữa, dù thế giới Ta Bà cách thế giới của Phật Bảo Tích rất xa, nhưng ở nơi đây đức Phật Thích Ca Muru Ni cũng thuyết về các pháp tướng như đức Phật Bảo Tích thuyết. Bồ tát Phổ Minh muốn cho tín tâm càng thêm kiên cố, nên muốn đến nghe thêm.

Lại nữa, do nhân duyên Bồ tát Phổ Minh đã có ở cõi Ta Bà rồi nên nay muốn trở về đó nghe pháp.

Lại nữa, vì muốn làm tăng thêm tín tâm nơi các vị Bồ tát ở cõi Ta Bà nên Phật Bảo Tích để cho Bồ tát Phổ Minh tùy ý đi đến cõi này. Các Bồ tát cõi Ta Bà, khi thấy có các Bồ tát ở phương xa đến nghe pháp sẽ hoan hỷ nhiều hơn, sẽ tin tưởng nhiều hơn.

Lại nữa, chư Phật cung kính pháp nên thường cúng dường pháp. Chư Phật 3 đời đều lấy Pháp làm thầy.

Hỏi: *Vì sao Phật Bảo Tích chẳng cúng dường pháp ở nơi chính mình mà lại cúng dường pháp của vị Phật khác?*

Đáp: Vì chư Phật chẳng có chấp ngã nên không tự cúng dường pháp của mình mà cúng dường pháp ở nơi Phật khác.

Hỏi: *Phật chẳng cầu phước. Vì sao cũng cúng dường pháp?*

Đáp: Phật đã tu công đức từ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp thường làm các việc lành. Đây chẳng phải vì cầu báo mà chỉ vì cung kính công đức mà cúng dường vậy.

Trong kinh có chép mẫu chuyện như sau:

Khi Phật còn tại thế, có một vị Tỷ-kheo, mờ mắt, đang khâu áo thì kim bị tuột chỉ.

Vị Tỷ-kheo nói lớn: Ai làm phước đức, xin vì tôi, xâu lại kim hộ.

Phật đi ngang qua nói: Ta muốn làm phước đức.

Vị Tỷ-kheo đánh lễ Phật và bạch rằng: Bạch Thế Tôn! Phật đã viên mãn công đức rồi, nay vì sao còn muốn làm phước đức?

Phật dạy: Ta biết rõ lực công đức của quả báo, nên ở nơi hết thầy chúng sanh Ta đều làm các công đức.

Vị Tỷ-kheo nghe xong thời pháp, tội lỗi đời trước đều tiêu sạch và đôi mắt trở lại sáng như xưa.

Phải nên biết rằng “Vì muốn giáo hóa hàng đệ tử mà Phật thị hiện làm tất cả các công đức”, ví như có ông vũ sư đã gần 100 tuổi mà vẫn còn múa, vì muốn dạy cho con cháu vậy.

Hỏi: *Vì sao chẳng đem tặng các vật bảo, các pháp bảo mà lại đem tặng hoa sen?*

Đáp: Phật không cần dùng đến các vật quý, các pháp quý của hàng trời người.

Lại nữa, chư Phật có vô lượng thần thông, thấu triệt tất cả các kinh pháp quý nên Phật Bảo Tích không đem vật bảo hay pháp bảo tặng đức Phật Thích Ca Muru Ni.

Phật Bảo Tích đem tặng hoa sen, vì hoa sen là món quà thanh dịu, nhẹ nhàng, dễ chịu, vừa có cả sắc lẫn hương.

Hỏi: *Vì sao tặng hoa sen mà không tặng các thứ hoa khác?*

Đáp: Hoa sen có hương, có sắc hơn hết thảy các thứ hoa khác.

Lại nữa, có 3 loại hoa sen. Đó là hoa sen cõi người, hoa sen cõi Trời và hoa sen của Bồ tát.

Hoa sen cõi người có 10 cánh, hoa sen cõi Trời có 100 cánh, hoa sen của Bồ tát có 1.000 cánh. Bởi vậy, nên Phật Bảo Tích dặn đem hoa sen 1.000 cánh màu vàng cúng dường Phật Thích Ca Muru Ni.

Hỏi: *Vì sao Phật Bảo Tích dặn Bồ tát Phổ Minh tán hoa sen cúng dường Phật Thích Ca Muru Ni?*

Đáp: Theo pháp cúng dường thì cúng dường hoa sen phải nên tán. Tự tay cúng dường nhiếp về thân nghiệp, dùng lời thưa hỏi về khẩu nghiệp. Thân nghiệp và khẩu nghiệp đều do ý nghiệp chỉ đạo. Phải có đầy đủ 3 nghiệp kiên cố, mới có thể thành tựu đầy đủ được các công đức nhân duyên làm Phật Đạo.

Hỏi: *Vì sao Phật Bảo Tích dặn Bồ tát Phổ Minh “Phải nhất tâm, thận trọng khi đến cõi Ta Bà”?*

Đáp: Người nhất tâm thận trọng không bị các kiết sử chi phối cũng không sanh tâm kiêu mạn.

Lại nữa, tâm người phần nhiều tán loạn, cuồng say, nên người tu hành phải nhất tâm, thận trọng mới sanh được các công đức thiền định, trí tuệ, giải thoát.

Trong kinh có chép mẩu chuyện sau đây:

Sau khi Phật nhập diệt 100 năm, có Tỷ-kheo Ưu Bá Cúc đắc thân thông, chứng quả vị A-la-hán. Có một vị Tỷ-kheo ni, nhập Chúng vào thời Phật còn tại thế, lúc bấy giờ đã được 120 tuổi.

Ngài Ưu Bá Cúc muốn xin được gặp vị Tỷ-kheo ni, để thưa hỏi về các oai nghi của Phật. Ngài Ưu Bá Cúc phái người đệ tử đến báo trước với vị Tỷ-kheo ni.

Vị Tỷ-kheo ni lấy một bát đựng đầy dầu mè đặt ngay ở cửa ra vào, để thử nghiệm về oai nghi của vị A-la-hán.

Ngài Ưu Bá Cúc bước qua cửa, làm đổ một ít dầu mè ra nền mà vẫn không để ý.

Khi đã ngồi yên chỗ, ngài bèn hỏi về oai nghi của đức Phật.

Vị Tỷ-kheo ni đáp: Khi tôi còn nhỏ, thấy Phật vào tụ lạc và dân chúng ra đánh lễ, tôi bèn chạy ra theo. Thấy quang minh của Phật chiếu sáng rực rỡ, tôi vội cúi đầu đánh lễ. Ngay khi vừa cúi thì thấy chiếc xuyên vàng của tôi rơi xuống, lăn vào dưới sàn của Phật ngồi. Phật liền quay ánh quang minh về phía chỗ tôi, nhờ vậy tôi trông thấy chiếc xuyên vàng và lượm lên. Do vậy mà tôi xuất gia theo Phật, thọ giới Tỷ-kheo ni.

Ngài Ưu Bá Cúc lại hỏi: Khi Phật còn tại thế, oai nghi phép tắc của các Tỷ-kheo ra sao?

Vị Tỷ-kheo ni đáp: Lúc bấy giờ cũng có bọn Lục Quân Tỷ-kheo, vô liêm, vô sĩ, rất là tệ ác, nhưng oai nghi phép tắc của họ vẫn còn hơn ngài nhiều.

Ngài Ưu Bá Cúc lại hỏi: Bà y vào đâu để nói như vậy?

Vị Tỷ-kheo ni đáp: Tuy tệ ác như vậy nhưng trong các oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, Lục Quân Tỷ-kheo chẳng bao giờ mất phép tắc. Mỗi khi họ xin đến gặp tôi, tôi đều để bát dầu mè ở cửa mà dầu chẳng bao giờ rơi vãi ra mặt nền nhà. Ngài tuy được 6 thần thông nhưng chẳng bằng được họ vậy.

Ngài Ưu Bá Cúc nghe xong lời ấy rất xấu hổ. Từ đó về sau ngài luôn luôn nhất tâm thận trọng.

Bởi nhân duyên vậy, nên “Nhất tâm, thận trọng là tướng của bậc Thiên nhân” vậy.

Hỏi: *Vì sao lại nói “Các vị Bồ tát ở Ta Bà khó thắng, khó bì”?*

Đáp: Vì các vị Bồ tát này có đại phước đức trí huệ, nên có muốn thắng, có muốn phá cũng chẳng thể được.

Hỏi: *Hết thấy các Bồ tát đều có đại công đức trí huệ, đều lợi căn thượng trí cả. Vì sao chỉ riêng nói ở thế giới Ta Bà mới có những Bồ tát như vậy?*

Đáp: Các vị Bồ tát từ phương xa đến, thấy thế giới Ta Bà toàn là đất cát như uế, thấy các vị Bồ tát ở nơi đây thân hình nhỏ bé, thấy hết thấy mọi sự, mọi việc đều chẳng bằng được ở thế giới của mình, ắt sẽ sanh tâm khinh mạn. Bởi vậy nên Phật Bảo Tích phải căn dặn Bồ tát Phổ Minh như vậy.

Lại nữa, ở những thế giới quá sung sướng, người phần nhiều không đồng mãnh, ít thông minh, ít trí tuệ. Ví như chúng sanh ở Châu Uất Đan Việt, vì quá sung sướng quá đầy đủ nên chẳng muốn xuất gia thọ giới. Ở trên cõi Trời cũng như vậy. Còn ở cõi Ta Bà rất ít nhân duyên vui, lại có nhiều chuyện khổ, có 3 đường ác, có các khổ sanh, già, bệnh, chết, phải tự đào đất kiếm miếng ăn, lại có rất nhiều pháp nạn v.v... Do vậy mà chúng sanh ở cõi Ta Bà có nhiều duyên nhàm chán thế gian, và cũng nhờ vậy có nhiều duyên tu học, được trí huệ lạnh lợi.

Ở nơi quá sung sướng, chúng sanh chẳng có được trí huệ bén nhạy. Ví như dao phải được mài dũa mới được sắc bén, ví như ngựa phải được tập dợt mới có thể chạy xa ngàn dặm. Bồ tát cũng như vậy. Ở thế giới uế tạp này, Bồ tát phải vận dụng nhiều phương tiện thiện xảo để lợi sanh, có hết thấy các công đức, có đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, làm đầy đủ các Phật sự.

Bồ tát ở cõi Ta Bà chưa làm Phật, mà đã dùng đủ phương tiện độ thoát chúng sanh khỏi các khổ, nên nói “Khó thắng, khó bì” vậy.

-o0o-

KINH:

Bồ tát Phổ Minh sau khi nhận hoa sen sắc vàng ngàn cánh, tạ từ Phật Bảo Tích rồi ra đi. Tháp tùng theo Bồ tát có vô số Bồ tát xuất gia và tại gia, cùng vô số đồng nam, đồng nữ.

LUẬN:

Hỏi: Bồ tát Phổ Minh dẫn đoàn tháp tùng theo mình, là do sức thần thông của ngài hay là do sức thần thông của Phật Bảo Tích?

Đáp: Đây là sức thần thông của cả 4 hạng Bồ tát nói trên. Đồi trước, các vị này đã từng theo đức Phật Thích Ca Mưu Ni nên nay họ dùng tự lực của mình xin tháp tùng Bồ tát Phổ Minh. Vì sao vậy? Vì lực của họ còn yếu, nên họ nương theo Bồ tát Phổ Minh mới có thể đi đến nơi chốn được... Ngoài ra, họ cũng còn nương nơi thần lực của Phật Bảo Tích, và cũng nương theo ánh quang minh của Phật Thích Ca Mưu Ni trợ giúp thêm.

Hỏi: *Vì sao Bồ tát Phổ Minh cùng đi với các Bồ tát xuất gia và tại gia?*

Đáp: Phật có 7 chúng, gồm 5 chúng xuất gia và 2 chúng tại gia, nên Bồ tát Phổ Minh phải đem cả 7 chúng đi theo.

Hỏi: *Người lớn nên dẫn đi theo. Sao còn dẫn theo người nhỏ làm gì nữa?*

Đáp: Công đức tu hành chẳng tùy thuộc vào tuổi tác. Nếu hành các pháp bất thiện thì dù lớn tuổi cũng chẳng được công đức. Trái lại, người nhỏ mà có tâm từ, hành các pháp thiện, thì dù còn ít tuổi vẫn có được công đức lớn vậy.

Lại nữa, nếu thấy người nhỏ tuổi mà tinh tấn tu hành, chẳng ngại đường xá xa xôi đến tận cõi Ta Bà nghe pháp thì ai cũng phải khen ngợi kính phục cả.

Trong Phật pháp chẳng phân biệt lớn nhỏ, sang hèn, trong ngoài... Hết thấy mọi người đều tinh tấn tu hành thì dù lớn hay nhỏ đều được đạo. Cũng như thuốc dùng để trị bệnh chẳng có phân biệt lớn nhỏ, sang hèn.

KINH:

Tất cả đều nhất tâm cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán các đức Phật ở phương Đông.

LUẬN:

Hỏi: Ở phương Đông đã có rất nhiều Phật, vậy còn đến cõi Ta Bà làm gì nữa?

Đáp: Cách cúng dường của Bồ tát khác với cách cúng dường của hàng Trời, người. Khi cúng dường, pháp thân của Bồ tát vẫn thường ở trong Thiên định, bên thân xuất ra vô số hóa vật để cúng dường. Cũng như Long vương, khi đi có phun nước ở hai bên vậy.

-o0o-

KINH:

Bồ tát Phổ Minh cùng đại chúng tùy tùng, đem hương hoa, tràng phan, bảo cái, chuỗi anh lạc đến cõi Ta Bà cúng dường đức Phật Thích Ca Mưu Ni. Sau khi đánh lễ dưới chân đức Phật rồi, bèn đứng sang một bên.

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao lại cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật?*

Đáp: Trong thân người thì đầu là quý nhất, và chân là thấp hèn nhất. Vì quý trọng Phật nên cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật. Đây là pháp cúng dường tôn kính nhất.

Trong luật của Phật, vị Hạ tọa phải nâng hai chân vị Thượng tọa để lên đầu mình, gọi là “đầu diện tiếp túc lễ”, tức là đem đầu mặt để dưới chân thầy để làm lễ.

Hỏi: *Thân có 4 oai nghi là đi, đứng, nằm, ngồi. Vì sao*

các Bồ tát này dành lễ xong lại đứng sang một bên?

Đáp: Đứng sang một bên biểu hiện cho sự cung kính cúng dường pháp.

Đến nơi chỗ Phật thuyết pháp, hàng bạch y Ngoại đạo đều ngồi. Thế nhưng hàng xuất gia theo Phật phải đứng hầu bên Phật. Chỉ có các bậc thượng túc, như ngài Xá Lợi Phất, ngài Mục Kiền Liên, ngài Tu Bồ Đề v.v... mới ngồi hầu Phật. Các vị khác nếu chưa được phép đều chẳng dám ngồi.

Các vị Bồ tát tháp tùng Bồ tát Phổ Minh, vì có đem theo các bạch y cư sĩ, lại vừa ở phương xa mới đến, nên đều đứng hầu bên Phật.

KINH:

Bồ tát Phổ Minh bạch với Đức Phật Thích Ca rằng:
Bạch Thế Tôn! Bảo Tích Như Lai kính gửi lời thăm hỏi đến Thế Tôn có được ít bệnh, ít hoạn và khí lực có được an lạc chăng? Lại xin kính gửi hoa sen sắc vàng ngàn cánh này cúng dường Thế Tôn.

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao Phật Bảo Tích lại hỏi Phật Thích Ca như vậy?*

Đáp: Phật pháp là như vậy, biết mà vẫn hỏi. Phật tuy là bậc Nhất Thiết Trí nhưng tùy thuận pháp thế gian mà thăm hỏi như vậy. Lại nữa, vì ở thế giới Bảo Tích thì Phật cùng chúng sanh đều có thân to lớn, cảnh vật trang nghiêm thanh tịnh. Nếu không thăm hỏi Phật Thích Ca thì chúng sanh ở cõi Ta Bà sẽ cho là khinh miệt.

Hỏi: *Vì sao lại hỏi “có ít bệnh, ít hoạn chăng”?*

Đáp: Bệnh do 2 nguyên nhân, nội nhân duyên và ngoại

nhân duyên.

Nội nhân duyên là bệnh do 4 đại của thân không được điều hòa gây ra. Ngoại nhân duyên là các hoạn nạn, khổ đau từ ngoài gây ra như giặc giã, cướp bóc, mưa gió, nóng lạnh v.v...

Hỏi: *Vì sao chẳng hỏi “Không bệnh hoạn”, mà lại hỏi “ít bệnh hoạn”?*

Đáp: Vì các bậc thánh nhân đều rõ biết thân là nguồn gốc của khổ đau, do 4 đại nhóm họp tạo thành. Cho nên người mạnh giỏi chỉ là người ít bệnh, ít hoạn, chẳng phải là không có bệnh hoạn.

Hỏi: *Vì sao lại hỏi: “Khí lực có được an lạc” chẳng?*

Đáp: Vì có người lành bệnh mà vẫn chẳng được an lạc. Ví như người ưu sầu chẳng thể an lạc được.

Hỏi một bên về thân, một bên về tâm là hỏi bao gồm cả hai thứ bệnh.

Hỏi: *Đã là Phật rồi sao còn hỏi “thân tâm có an lạc chẳng”?*

Đáp: Phật có 3 thân. Đó là:

- Pháp thân.
- Hóa thân.
- Báo thân.

Báo thân là cái thân thị hiện ở thế gian, do cha mẹ sanh ra. Thân này chịu đủ các nỗi khổ sanh, già, bệnh, chết. Thân này còn được gọi là hiện thân, hay phụ mẫu sanh thân.

Hỏi: *Hết thấy các bậc hiền thánh đều chẳng còn chấp tâm, đều chẳng tiếc thọ mạng. Như vậy cần gì phải hỏi thăm?*

Đáp: Đây là tùy pháp thế gian. Đã sanh về thế giới loài người thì phải thăm hỏi như mọi người vậy.

-o0o-

KINH:

Lúc bảy giờ đức Phật Thích Ca Muru Ni cầm hoa sen sắc vàng ngàn cánh tán về phía các thế giới Phật phương Đông.

LUẬN:

Hỏi: *Chẳng ai hơn Phật, như vậy vì sao Phật Thích Ca Muru Ni lại tán hoa sen cúng dường hướng về các cõi Phật phương Đông?*

Đáp: Phật ngồi tòa Kim Cang, dưới gốc Bồ đề được thành Đạo rồi, thì chư Thiên liền đến cúng dường và tán thán là “Đấng Vô Thượng”.

Phật tự dùng Thiên Nhân quán khắp 10 phương thế giới và tự nghĩ rằng: “Ta nhờ tu Bát nhã Ba-la-mật mà nay mới được thành Phật, Ta phải cúng dường, tôn kính Bát nhã Ba-la-mật. Các đức Phật trong cả 3 đời và khắp 10 phương cũng nhờ tu Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Cúng dường chư Phật 3 đời 10 phương là cúng dường Bát nhã Ba-la-mật vậy”.

Lại nữa, sự cúng dường là do lòng ái mộ Đạo, như trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

Tỳ-kheo ni Đại Ái Đạo và 500 vị Tỳ-kheo ni A-la-hán một thời đều vào Niết bàn. Các Ưu-bà-tắc khiêng 500 cái giường cho 500 vị Tỳ-kheo ni A-la-hán, còn tứ Thiên vương thì khiêng cái giường của Tỳ-kheo ni Đại Ái Đạo.

Đức Phật đi trước bung lư đốt hương cúng dường, dạy

các Tỷ-kheo rằng: “Các người hãy giúp ta cúng dường mẹ nuôi của Ta”.

Tức thì các Tỷ-kheo A-la-hán dùng sức thần túc bay lên núi Ma Lê lấy hương Ngưu Chiên Đàn cùng các thứ trầm hương khác đem về đốt lên, giúp Phật cúng dường mẹ nuôi.

Như vậy là đức Phật Thích Ca Muru Ni đem tâm bình đẳng cúng dường, chẳng phải vì mong cầu quả báo. Như bài kệ thuyết:

Người trí thường kính trí,

Luận trí vui với trí.

Người trí rõ biết trí,

Như rắn biết chân rắn.

Chư Phật là những bậc Nhất Thiết Trí mới cúng dường Nhất Thiết Trí.

Lại nữa, chư Phật hằng khuyến trợ các vị Bồ tát trú ở Thất Địa phải quán: “Các pháp đều là tự tướng Không, chẳng sanh, chẳng diệt”. Bồ tát quán như vậy rồi chẳng còn sanh tâm chấp đắm, xem thế giới như cảnh trong mộng, xem 6 pháp Ba-la-mật như đồ đưa qua sông, xả hết 6 pháp Ba-la-mật vào Vô Dư Niết bàn. Các vị Bồ tát đã được Vô Sanh Pháp Nhãn, khi muốn vào Niết bàn, được chư Phật phóng quang minh, xoa đầu cùng dạy rằng: “Các người chớ vội vào Niết bàn, phải niệm bốn nguyện độ chúng sanh. Các người chỉ mới được Vô Sanh Pháp Nhãn mà chưa được thân sắc vàng, chưa được 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, chưa tròn đầy hạnh nguyện, cho nên phải hành thâm 6 pháp Ba-la-mật để cứu độ chúng sanh”.

Cũng như vậy, đức Phật Thích Ca Muru Ni khi vừa đắc Đạo, muốn nhập Niết bàn đã được chư Phật hiện quang minh

khuyến trợ. Đức Thích Ca quán xét: “Pháp Phật quá thậm thâm, chúng sanh lại quá mê ám, phước mỏng căn độn, vậy ta phải phương tiện chia chẻ thành 3 pháp”. Quán như vậy rồi, Phật dùng 3 Thừa Giáo để cứu vớt chúng sanh và được chư Phật khắp 10 phương tán thán “Lành thay! Lành thay!”.

Như vậy là chư Phật thường hằng khuyến trợ các Bồ tát làm các việc lợi ích cho chúng sanh.

Bởi nhân duyên vậy, nên đức Phật Thích Ca Muru Ni đem hoa sen tán về thế giới chư Phật ở phương Đông để cúng dường. Sự cúng dường này được vô lượng phước đức. Vì sao? Vì hoa sen ấy do sức công đức của Phật Bảo Tích hóa ra, chẳng phải là loại hoa sen ở các hồ vậy.

Lại nữa, Bồ tát Phổ Minh là một vị Pháp Thân Bồ tát hàng Thập Địa, từ phương xa mang hoa sen đến cúng dường Phật Thích Ca Muru Ni.

Phật Thích Ca rõ biết 10 phương chư Phật là ruộng phước vào bậc nhất nên đã tán hoa về các thế giới Phật, khiến chúng sanh được nhiều lợi ích.

Phải nên biết, có 4 trường hợp bổ thí, đó là:

- Người thí thanh tịnh mà người thọ không thanh tịnh.
- Người thí không thanh tịnh mà người thọ thanh tịnh.
- Người thí và người thọ đều thanh tịnh.
- Người thí và người thọ đều không thanh tịnh.

Nay đức Phật Thích Ca Muru Ni cúng dường chư Phật ở phương Đông thuộc về trường hợp “người thí và người thọ đều thanh tịnh cả”.

Lại cũng nên biết: “Các pháp hữu vi đều là vô thường”

nên khi chư Phật xả báo thân vào Niết bàn, thì phước cũng xả luôn, “thân là bệnh” nên khi xả thân là xả bệnh, chẳng còn thọ báo. Bởi vậy nên dù có đại phước đức, mà chẳng có thọ quả của phước đức.

-o0o-

KINH:

Khi đức Phật Thích Ca tán đóa hoa sen về phương Đông thì đóa hoa này hóa thành hằng sa đóa hoa sen khác, đến khắp cả các thế giới Phật ở phương Đông.

LUẬN:

Hỏi: Hoa ít mà các thế giới Phật nhiều. Như vậy làm sao các thế giới Phật đều nhận đầy đủ cả?

Đáp: Vì Phật có đại thần lực, biến hóa các pháp, khiến ít thành nhiều, vô ngại tự tại.

Lại nữa, Phật muốn chúng sanh thấy rõ: “Do bố thí thanh tịnh, nên hoa sen ít mà cúng dường được khắp các thế giới Phật, gieo nhân nhỏ mà được quả báo nhiều vậy”

Các vị Bồ tát từ phương xa đến, thấy như vậy, đều sanh tâm hoan hỷ, được cúng dường phước điền vô thượng, được quả báo vô lượng.

-o0o-

KINH:

Trên mỗi đóa hoa sen đều có một vị hóa Bồ tát ngồi kiết già, thuyết 6 pháp Ba-la-mật. Chúng sanh nào nghe được pháp này thì quyết định sẽ được Đạo Vô Thượng Bồ đề.

LUẬN:

Hỏi: *Trên đây đã nói về “Đức Phật Thích Ca Muru Ni dùng tướng lưỡi rộng, dài phóng quang minh, hóa tác vô lượng hoa sen và trên mỗi đóa hoa sen đều có một vị hóa Phật ngồi”. Nay vì sao lại nói: “Trên mỗi đóa hoa sen đều có một vị hóa Bồ tát ngồi”?*

Đáp: Trước đây hoa sen là do Phật hóa hiện ra nên có Hóa Phật ngồi. Nay hoa sen do Bồ tát Phổ Minh cúng dường nên trên mỗi hoa sen có hóa Bồ tát ngồi.

Lại nữa, trước đây nói chúng sanh có duyên với Phật thấy Phật ngồi trên hoa sen mà được độ. Nay nói chúng sanh có duyên với Bồ tát thấy Bồ tát ngồi trên hoa sen mà được độ.

-o0o-

KINH:

Các Bồ tát xuất gia và tại gia, các đồng nam và đồng nữ trong Chúng của Bồ tát Phổ Minh đều cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật Thích Ca Muru Ni, cung kính tán thán Phật.

LUẬN:

Các vị Bồ tát xuất gia và tại gia, các đồng nam và đồng nữ trong chúng của Bồ tát Phổ Minh tán thán đức Phật Thích Ca Muru Ni, như bài kệ sau đây:

*Chính Phật đã mở đường,
Dẫn đến Thật Tướng pháp,
Các Thánh đều noi theo,
Đường đi của đức Phật,
Phật theo như Tánh đến,
Nhu pháp tướng diễn nói.*

Bởi vậy nên gọi Phật,
Là đáng hiệu “Nhu Lai”.
Giáp nhẫn nhục kiên cố,
Tinh tấn cũng dững mãi,
Trí huệ như tên bén,
Phá sạch giặc kiêu mạn,
Đáng được sự cúng dường,
Của hết thầy trời người
Bởi vậy nên gọi Phật,
Là đáng hiệu “Ứng Cúng”.
Biết rõ Thật Tướng khổ,
Biết rõ tập của khổ,
Cũng biết tướng khổ diệt,
Lẫn cả đạo diệt khổ.
Giải rõ bốn Thánh Đế
Chắc thật chẳng thay đổi
Bởi vậy nên gọi Phật,
Là đáng “Chánh Biến Tri”
Đủ Tam minh vi diệu,
Viên thành Thanh tịnh hạnh
Bởi vậy nên gọi Phật,
Là đáng “Minh hạnh túc”
Giải biết hết thầy Pháp,
Tự chứng Chân Diệu Đạo.
Vi thương xót chúng sanh,
Dùng phương tiện diễn nói,
Diệt trừ Sanh, Già, Chết.

Dẫn đến nơi an ổn.
 Bởi vậy nên gọi Phật,
 Là đáng hiệu “Thiện Thệ”
 Biết đời từ đâu đến,
 Cũng biết cả Diệt Đạo.
 Bởi vậy nên gọi Phật,
 Là đáng “Thế Gian Giải”
 Thiên, Giới, Trí, Đẳng Nhẫn,
 Chẳng một ai sánh được.
 Bởi vậy nên gọi Phật,
 Là đáng “Vô Thượng Sĩ”.
 Đại Bi độ chúng sanh,
 Khéo dạy và điều phục.
 Bởi vậy nên gọi Phật,
 Là đáng “Điều Ngự Sư”
 Trí huệ, không phiền não,
 Lời giải thoát vô thượng
 Bởi vậy nên gọi Phật,
 Là đáng “Thiên Nhân Sư”.
 Dưới cội Bồ đề biết,
 Ba đời động, bất động,
 Pháp tận cùng bất tận,
 Nên gọi “Phật, Thế Tôn”.

KINH:

Phương Nam, cách vô số cõi Phật, có thể giới gọi là Ly Nhất Thiết Ưu. Nơi đây có đức Phật hiệu là Vô Ưu Đức, có vị Bồ tát hiệu là Ly Ưu.

Phương Tây, cách vô số cõi Phật, có thể giới gọi là Diệt Ác. Nơi đây có đức Phật hiệu là Bảo Sơn, có vị Bồ tát hiệu là Nghĩa Ý.

Phương Bắc, cách vô số cõi Phật, có thể giới gọi là Thắng Quốc. Nơi đây có đức Phật hiệu là Thắng Vương, có vị Bồ tát hiệu là Đức Thắng.

Phương dưới, cách vô số cõi Phật, có thể giới gọi là Thiện Quốc. Nơi đây có đức Phật hiệu là Thiện Đức, có vị Bồ tát hiệu là Hoa Thượng.

Phương trên, cách vô số cõi Phật, có thể giới gọi là Hỷ Quốc. Nơi đây có đức Phật hiệu là Hỷ Đức, có vị Bồ tát hiệu là Đức Hỷ.

Như vậy ở hết thấy các phương đều như ở phương Đông.

LUẬN:

Hỏi: Trong Phật pháp không thấy nói đến tên của các phương, vì phương không được xếp vào 5 ám, 12 nhập, 18 giới. Trong Phật pháp cũng không nói các phương là pháp có thật, vì tìm khắp các nhân duyên cũng đều là bất khả đắc. Nay vì sao lại nói trong 10 phương có các đức Phật và các vị Bồ tát?

Đáp: Đây là tùy thuận pháp thế gian mà nói có phương, thật ra thì phương là bất khả đắc vậy.

Hỏi: (Nhóm Thắng Luận nghĩa hỏi)

Vì sao nói: “Không có phương”? Trong 4 Pháp Tạng của các ông đều không nói đến, nhưng trong 6 Cú Nghĩa của chúng tôi có nói đến. Phương cũng không được nên lên trong các uẩn, các xứ, các giới của các ông, nhưng ở Thật Cú Nghĩa của chúng tôi có nói đến.

Lại nữa, phương là pháp thường tướng. Ví như trong kinh có nói mặt trời mọc ở phương Đông, lặn ở phương Tây, lại cũng có nói đến Đông, Tây, Nam, Bắc... Như vậy là có phương tướng. Sao lại nói chẳng có phương tướng?

Đáp: Không thể nói như vậy được. Ví như núi Tu Di ở Tây Vực, đứng giữa 4 Châu thiên hạ. Khi mặt trời đứng giờ Ngọ ở cõi Uất Đan Việt thì ở cõi Phất Bà Đề mặt trời vừa mới mọc lên. Khi mặt trời đứng giờ Ngọ ở cõi Phất Bà Đề thì ở cõi Diêm Phù Đề, mặt trời vừa mới mọc lên. Nếu như người ở cõi nào cũng chọn phương của mặt trời mọc làm phương Đông, thì phương Đông ở 4 Châu thiên hạ khác nhau. Như vậy phương tướng chẳng thật có. Vì sao? Vì chẳng có phương nào thật sự được gọi là phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc... cả. Đây chỉ là một quy ước. Thế gian có thói quen gọi phương mặt trời mọc là phương Đông, phương mặt trời lặn là phương Tây vậy thôi.

Nếu ở mỗi cõi đều gọi phương mặt trời mọc là phương Đông thì rõ ràng là phương Đông của cõi này chẳng phải là phương Đông của cõi khác. Như vậy phương tướng có biến đổi mà đã có biến đổi thì là vô thường, đã là vô thường thì không phổ cập.

Bởi nhân duyên vậy nên nói “Phương chỉ có danh mà chẳng thật có”.

KINH:

Lúc bảy giờ 3.000 Đại Thiên thể giới đều biến thành trân bảo. Khắp nơi đều có che bảo cái, có treo tràng phan, có hương hoa... tất cả đều trang nghiêm vi diệu.

LUẬN:

Hỏi: *Do nhân duyên gì mà có được như vậy?*

Đáp: Đây là do Thần lực của Phật biến hóa ra. Cũng ví như người dùng chú thuật, có thể biến hóa ra các huyền sự, huyền vật. Phật vào trong Đệ Tứ Thiên có 14 pháp biến hóa Tâm, có thể biến 3.000 Đại Thiên thể giới thành trân bảo, làm cho hết thấy đất đai, cây cối, hoa hương đều trở thành trang nghiêm, làm cho hết thấy chúng sanh đều chuyển ác thành thiện.

Vì sao? Phật muốn trang nghiêm thể giới để nói pháp Bát nhã Ba-la-mật và cũng để đón tiếp các khách quý từ phương xa đến nghe pháp. Ví như chủ nhà trang nghiêm nhà mình để đón khách, Phật trang nghiêm 3.000 Đại Thiên thể giới để đón tiếp các Bồ tát từ các nước Phật khác, cũng các chư Thiên là những vị khách quý đến nghe Phật nói pháp. Khách đến thấy sự trang nghiêm như vậy sẽ hoan hỷ phấn khởi, sẽ phát đại tâm thanh tịnh, từ đại tâm sẽ phát đại nguyện, từ đại nguyện sẽ tạo đại thiện nghiệp, từ đại thiện nghiệp sẽ thành đại quả báo.

Hỏi: *Những gì được gọi là trân bảo?*

Đáp: Có 4 thứ trân bảo. Đó là: Vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Lại có thêm 3 thứ nữa là: Xà cừ, mã não, xích châu, cộng chung là 7, và được gọi chung là thất bảo, tức là 7 báu vậy.

Phải nên phân biệt có 3 loại báu. Đó là: Báu của loài người, báu của loài trời và báu của Bồ tát.

Báu của Bồ tát là thắng hơn hết, bao gồm luôn cả các loại báu của loài người và của loài trời, khiến cho chúng sanh biết được chỗ sanh, chỗ chết, biết các nhân duyên tương tận từ gốc đến ngọn, ví như tấm gương sáng thường hiện rõ các ảnh vậy.

Lại nữa, loại báu của Bồ tát có thể biến hóa ra đủ các thứ để cúng dường chư Phật, để bố thí cho chúng sanh, làm cho chúng sanh có duyên lành thoát khỏi cảnh bần cùng, đau khổ.

Hỏi: *Trên bảo từ đâu mà có?*

Đáp: Vàng có ở trong các núi đá, núi cát, đồng hoang. Bạc được lấy từ các quặng nấu ra. Trân châu lấy từ trong bụng cá, trong nảo rắn, nảo rồng. San hô lấy từ các loại cây hóa đá ở dưới biển sâu. Lưu ly, pha lê cũng lấy từ các hang núi v.v...

Chỉ có Như Ý Bảo Châu là từ Xá Lợi của Phật. Khi Chánh pháp Diệt thì các Xá Lợi biến thành Như Ý Bảo Châu.

Trên đây chỉ nói đến các loại báu của loài người mà thôi.

Phật trang nghiêm thế giới bằng các loại báu đẹp để thù thắng hơn nhiều; đến cả chư Thiên cũng chẳng sao có được. Vì sao? Vì báu này do vô lượng công đức mà được thành tựu.

KINH:

Có các thế giới trang nghiêm, như thế giới Hoa Tích, như thế giới Phổ Hoa. Lại cũng có các Bồ tát oai thần lớn như Bồ tát Diệu Đức, như Bồ tát Thiện Tác Ý.

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao gọi là thế giới Hoa Tích, là thế giới Phổ Hoa?*

Đáp: Ở các thế giới này thường có biến hóa các loại hoa thanh tịnh. Bởi vậy nên lấy các thế giới này làm dụ.

Hỏi: Trong 10 phương còn có nhiều thế giới thanh tịnh, an lạc như thế giới Phật A Di Đà. Vì sao chỉ lấy các thế giới Hoa Tích và Phổ Hoa để làm dụ?

Đáp: Dù các Tỷ-kheo Bồ tát nương theo thần lực của Phật Thích Ca Mưu Ni quán được 10 phương, nhưng vì lực công đức còn mỏng nên chưa thể thấy được thế giới thanh tịnh, vì điều của Phật A Di Đà.

Hỏi: Có rất nhiều vị đại Bồ tát nhưng vì sao trong kinh chỉ thường nói đến một số các vị đại Bồ tát, như các ngài Duy Ma Cật, Quán Thế Âm, Phổ Hiền, Văn Thù Sư Lợi, v.v...?

Đáp: Bồ tát Phổ Hiền từ mỗi chỗ chân lông thường biến hóa ra các thế giới Phật đầy khắp cả 10 phương để hóa độ chúng sanh. Ngài không có trú xứ nhất định; chẳng ai có thể lường được trú xứ của ngài, vì ngài trú trong hết thảy thế giới.

Ngài Văn Thù Sư Lợi phân thân vào trong 5 đạo chúng sanh, khi thì làm Thanh Văn, khi thì làm Duyên giác, khi thì làm Phật để hóa độ chúng sanh. Kinh *Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội* có nói “Bồ tát Văn Thù Sư Lợi đời trước là đức Phật Long Chương Thượng Tôn Vương; Ngài đã 52 đời làm Bích Chi Phật. Do vậy trú xứ của ngài cũng chẳng có thể lường được”.

Thật ra, nếu chỉ nói đến hai vị Bồ tát Phổ Hiền và Văn Thù Sư Lợi thì cũng đã tổng nhiếp được tất cả các đại Bồ tát rồi vậy.

-o0o-

KINH:

Đức Như Lai biết từ hết thảy các thế giới, chư Thiên Ma, Phạm thiên, Sa môn, Bà-la-môn, Càn thất bà, A tu la, cùng chư đại Bồ tát Bồ Xứ đều đã vân tập đầy đủ.

LUẬN:

Hỏi: Nếu nói “Thần Lực của Phật vô lượng, khiến chúng sanh ở khắp 10 phương đều đến tập hội”, thì hết thảy các thế giới đều trống rỗng hay sao?

Đáp: Khắp 10 phương có vô lượng vô số các đức Phật thuyết kinh *Bát Nhã Ba-la-mật* nên chúng sanh trong 10 phương thế giới không đến hết nơi Pháp hội của Phật Thích Ca Mưu Ni.

Hỏi: Nếu ở khắp 10 phương đều có thuyết kinh *Bát Nhã Ba-la-mật* thì chúng sanh ở các cõi khác còn đến cõi này làm gì nữa?

Đáp: Trước đây đã có nói “Bồ tát Phổ Minh cũng như một số các vị Bồ tát khác, vì đời trước đã có nhân duyên với Phật Thích Ca Mưu Ni nên từ phương xa đến nghe pháp. Lại nữa, chư vị Bồ tát ấy muốn hiện thần lực công đức như vậy để khuyến khích người tại chỗ; nếu họ thấy khách ở phương xa đến nghe pháp, đến cúng dường Phật thì họ sẽ phấn khởi, sẽ phát tín tâm thanh tịnh”.

Hỏi: Phật chẳng còn chấp pháp, như vậy vì sao còn hiện thần lực khiến chúng sanh ở khắp nơi đến tập hội?

Đáp: *Bát Nhã Ba-la-mật* là pháp thậm thâm, khó biết, khó giải, chẳng thể nghĩ bàn được, nên Phật rộng tập các Bồ tát, khiến những người sơ phát tâm được tín tâm thanh tịnh, được duyên nghe pháp.

Hỏi: Vì sao cũng nói đến thế giới Thiên ma, Phạm thiên?

Đáp: Vì chư Thiên có Thiên Nhân, Thiên nữ lại được lợi căn nên tự biết chỗ nói pháp mà đến nghe vậy.

Hỏi: *Nếu Thiên giới nhiếp cả thế giới Thiên ma và thế giới Phạm thiên thì cần gì phải phân biệt nói riêng nữa?*

Đáp: Thiên giới có 3 vị Thiên chủ. Đó là:

1. Thích Đề Hoàn Nhơn, tức là Đế Thích, làm chủ hai cõi Trời gồm: Tứ thiên vương và Tam thập tam thiên.
2. Ma vương làm chủ của cõi trời Lục Dục Thiên.
3. Phạm Thiên vương làm chủ của Phạm thế giới.

Hỏi: *Các cõi Trời Đâu Suất Đà Thiên, Hóa Lạc Thiên, Dạ Ma Thiên đều có chủ. Như vậy sao chỉ nói đến ba vị Thiên chủ nêu trên đây mà thôi?*

Đáp: Thích Đề Hoàn Nhơn ở trên cõi đất nên thường đến nghe pháp, hơn nữa, vị trời này được nhiều người biết đến.

Các Thiên ma ở cõi Lục Dục Thiên thường hay đến quấy nhiễu Phật. Đâu Suất Đà Thiên, Hóa Lạc Thiên, Dạ Ma Thiên cũng đều thuộc về cõi trời Lục Dục Thiên cả. Khi nói đến thế giới Chư Thiên là bao gồm cả ba cõi Trời này rồi vậy. Ma vương làm chủ cõi trời Lục Dục Thiên, thường hay đến quấy nhiễu Phật, nay đến nghe Phật thuyết Bát nhã Ba-la-mật khiến chúng sanh càng tăng thêm tín tâm.

Hỏi: *Ở Sắc giới cũng có hàng Chư Thiên. Vì sao chỉ nói đến Phạm thế giới mà thôi?*

Đáp: Chư Thiên ở các cõi Trời cao hơn không có giác quan, không có tín tâm, nên khó nghe pháp.

Chư Thiên ở Phạm thế giới có 4 thức, nghe được tiếng nói, lại ở gần, nên mới nghe pháp được.

Vào thời kiếp sơ, Phạm Thiên vương ở tại Phạm cung, vắng vẻ không người, buồn lòng dấy niệm rằng:

“Vì sao nơi đây chẳng có người sanh đến?”. Lúc bấy giờ, ở cõi trời Quang Âm Thiên, có người vừa mạng chung sanh về cõi Phạm thiên. Phạm Thiên vương lại dạy niệm nghĩ “Người ấy tùy niệm của ta mà sanh đến đây, nên cho ta là cha”. Rồi từ đó, Phạm Thiên vương làm chủ của cõi Trời Phạm thế giới vậy.

Các cõi Trời Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên cũng đều ở trong Phạm thế giới cả.

Hỏi: *Vì sao chỉ nói đến Sa môn, Bà-la-môn mà không nói đến các Quốc vương, các trưởng giả và nhân dân?*

Đáp: Người có trí huệ thuộc trong hai hạng là: Sa môn và Bà-la-môn. Xuất gia thì gọi là Sa môn, tại gia thì gọi là Bà-la-môn.

Các hạng người khác, vì còn chấp đắm dục lạc thế gian nên rất khó nghe được pháp thanh tịnh.

Hỏi: *Trước đây đã có nói về các thế giới của chư Thiên rồi, sao nay còn nói thêm nữa?*

Đáp: Trước đây đã có nói về các thế giới của chư Thiên rồi, nhưng chỉ mới nói đến các cõi Trời Tứ thiên vương, Đạo Lợi thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên, cùng cõi Trời Phạm thiên ở Sắc giới.

Nay nói thêm về các cõi Trời Dạ Ma Thiên, Đâu Suất Đà Thiên, Hóa Lạc Thiên, Ái Thiên Thiên ở Lục Dục Thiên. Cõi Trời nêu sau cùng có hình sắc tuyệt diệu nên được gọi là Ái Thiên Thiên.

Hỏi: *Vì sao chỉ nói đến Càn thát bà mà không nói đến các quỷ thần và Long vương?*

Đáp: Vì Càn thất bà là thần kỹ nhạc của chư Thiên, tâm rất nhu nhuyễn, lại có phước đức. Còn quý thần thì thuộc về đạo quý thân; Long vương thuộc về đạo súc sanh. Chúng sanh ở hai đạo này ít đến nghe pháp.

Còn A tu la, mặc dù các ác tâm, ưa đấu tranh nhưng lại không phá giới, thường tu phước. Sanh tại biển lớn, có thành quách, cung điện, các A tu la sống chung với nhau, có vua cai trị.

Trong kinh có nêu tên của một số vị vua A tu la như La Hầu, Tỳ Chát Đa, Bà Lê, v.v...

Một thời vua A tu la La Hầu muốn nuốt mặt trăng. Vị thiên tử ở mặt trăng quá sợ hãi, đến cầu cứu Phật, dùng kệ bạch Phật rằng:

*Bạch Phật, đáng đại bi đại trí!
Con nay cúi đầu xin quy mạng.
La Hầu vương đến nào hại con.
Cúi xin Phật, vì con, cứu độ.*

Phật dùng kệ bảo A-tu-la Vương La Hầu rằng:

*Trăng soi sáng trong thanh mát mát,
Làm đèn rọi chiếu giữa hư không
Tỏa quang minh sắc trắng dịu hiền,
Ngươi chớ nuốt hãy mau buông thả.*

Lúc bấy giờ, A-tu-la Vương La Hầu quá sợ hãi, mồ hôi ướt đầm, chẳng dám nuốt trăng nữa. A tu la Vương Bà Lê thấy vậy dùng kệ hỏi:

*La Hầu Vương, ông làm sao vậy?
Sợ hãi, run rẩy buông mặt trăng,*

*Mồ hôi ướt mình như người bệnh,
Tâm chẳng được an ấy vì sao?*

A-tu-la Vương La Hầu dùng kệ đáp lại rằng:

*Thế Tôn dùng kệ răn dạy tôi.
Nếu chẳng vâng theo, đâu chẻ bầy
Dù cho sống sót, chẳng an thân.
Tôi phải buông trắng ngay là vậy!*

A-tu-la Vương Bà Lê dùng kệ tán thán Phật rằng:

*Chư Phật rất khó gặp,
Lâu lắm mới ra đời.
Chỉ thuyết kệ thanh tịnh,
La Hầu liền buông trắng.*

Hỏi: *Vì sao chẳng nói đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh?*

Đáp: Vì địa ngục là chôn toàn khổ, tâm phát loạn, chẳng có thể nghe được pháp; súc sanh ngu si cũng chẳng có thể nghe được pháp; ngạ quỷ đói khát, lửa bốc cháy đây mình cũng chẳng có thể nghe được pháp.

Hỏi: *Nếu vậy thì cũng chẳng nên nói đến Càn thát bà, A tu la?*

Đáp: Trong kinh *A Hàm* có nói trường hợp sau đây:

Khi Phật đi du hành, thuyết diệu pháp Cam Lồ, có hai A tu la, một trai, một gái vùng lên khóc. Mẹ của hai A tu la này liền dùng kệ dỗ dành con rằng:

*Các Bột Đác La đừng khóc nữa
Phụ Na Bà Tầu cũng nín đi!*

Ta nay nghe pháp được chứng Đạo.

Mong hai con sẽ chứng như ta.

Bởi vậy, nên biết là trong đạo A tu la cũng có kẻ chứng được đạo. Lại nữa, Càn thất bà và Khẩn na la thường hay đến chỗ Phật thuyết pháp gây đàn tán thán Phật, khiến cả 3.000 Đại Thiên thế giới đều chấn động, đến ngài Ma Ha Ca Diếp cũng chẳng ngồi yên được. Như vậy sao nói là họ không được Đạo?

Lại nữa, khi các A-tu-la vương, các Long vương đến chỗ Phật thưa hỏi về Thâm thâm pháp, Phật cũng đã tùy nghi giải đáp. Như vậy sao nói là họ không được Đạo?

Hỏi: *Vì sao có năm đạo chúng sanh mà chỉ nói Phật là bậc thầy của loài trời và loài người? Nói như vậy là mặc nhiên xác nhận là chúng sanh trong ba ác đạo kia chẳng có thể được Đạo. Nay tại sao lại nói A-tu-la, Càn thất bà, Khẩn na la cũng có thể được Đạo?*

Đáp: Phật chẳng có phân chúng sanh ra làm năm đạo.

Nói “Năm đạo chúng sanh” là nói theo các Sa môn thuộc Nhất Thiết Hữu Bộ. Còn nói “Sáu đạo chúng sanh” là nói theo các Sa môn thuộc Độc Tử Bộ.

Giữa hai thuyết “Năm đạo chúng sanh” hay “Sáu đạo chúng sanh”, thuyết thứ hai có phần hợp lý hơn.

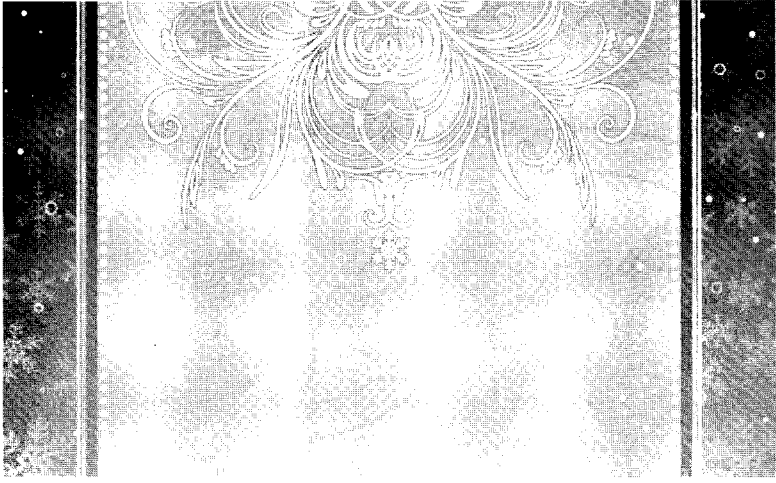
Vì sao? Ngoài hai đạo Trời và Người thì ba ác đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là những đạo thuần khổ, tội lỗi sâu dày. Các chúng sanh phước nhiều, tội ít nếu chẳng sanh vào hai đạo Trời và Người, sẽ được sanh vào đạo thứ sáu gồm A-tu-la, Càn thất bà...

Do chỗ thác sanh có nhiều sai khác, nên nói có “sáu đạo

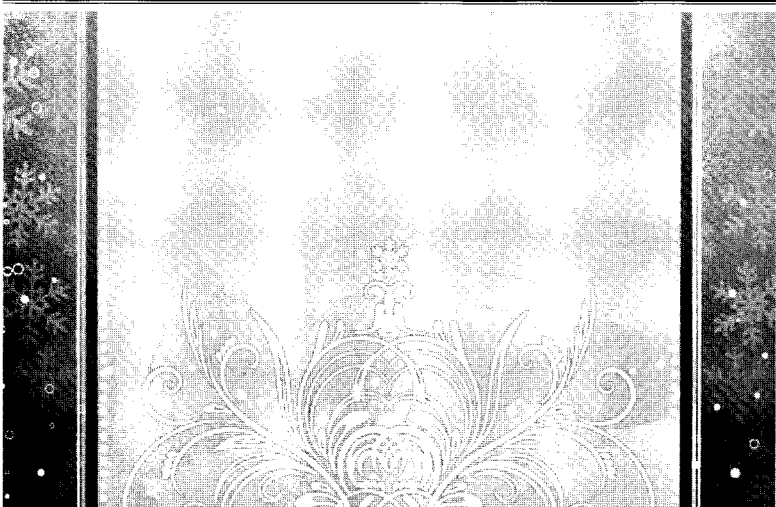
chúng sanh” mới có thể giải thích được các trường hợp nêu trên đây.

Trên đây không đề cập đến các chúng sanh ở ba ác đạo, vì dù họ có thọ được đạo pháp đi nữa thì do quá ít phước báo nên sự thọ pháp cũng không được bền chắc vậy.

(Hết quyển 10)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 11



**Phẩm Thứ Nhất
(TIẾP THEO)**



XÁ LỢI PHÁT

KINH:

Phật bảo ngài Xá Lợi Phát.

LUẬN:

Hỏi: *Bát nhã Ba-la-mật là pháp của Bồ tát, vì sao Phật lại nói với ngài Xá Lợi Phát mà không nói với các vị Bồ tát?*

Đáp: Ngài Xá Lợi Phát là bậc “Trí huệ đệ nhất” trong hàng đệ tử của Phật như bài kệ thuyết:

*Ngoài đấng Thế Tôn ra,
Hết thầy các người trí
Muốn sánh Xá Lợi Phát,
Bậc trí huệ, đa văn,
Ở trong mười sáu phần,
Chỉ bì kịp được một.*

Ngài Xá Lợi Phát là bậc trí huệ, đa văn lại có công đức rất lớn. Khi vừa lên tám, ngài đã đọc hết 18 bộ kinh, thông giải hết thầy nghĩa lý các kinh thơ.

Thời bấy giờ, ở nước Ma Già Đà, có hai anh em Long vương thường làm mưa làm gió theo thông lệ, mỗi năm vào tháng hai, dân chúng nhóm họp mở hội tế Long vương. Vào ngày hội ấy, người ta sắp xếp bốn tòa cao ở bốn bên bàn thờ:

- Bàn thứ nhất dành cho vua.
- Bàn thứ hai dành cho Thái tử.
- Bàn thứ ba dành cho các vị đại thần.
- Bàn thứ tư dành cho các vị luận sĩ.

Lúc bảy giờ ngài Xá Lợi Phất vừa mới lên tám, chỉ tòa thứ 4 và hỏi: “Tòa này dành cho ai?”

Có người đáp: “Tòa này dành riêng cho các vị luận sĩ”.

Vừa nghe xong, ngài Xá Lợi Phất liền bước lên tòa ấy ngồi để chờ luận nghị.

Dân chúng hết sức ngạc nhiên, hỏi nhau: “Người này tuổi còn nhỏ mà sao dám lên ngồi tòa cao?”

Ngài Xá Lợi Phất cho người rao lớn: “Ai thắc mắc điều gì xin cứ lên đây mà hỏi”.

Nhiều người nêu lên các điều nạn vấn. Ngài Xá Lợi Phất trả lời trôi chảy tất cả các lời nạn vấn của mọi người. Tất cả các vị luận sư hiện có mặt đều khen: “Thật là việc chưa từng thấy”. Người lớn kẻ nhỏ, người trí kẻ ngu hết thấy đều tán phục tài luận biện của ngài Xá Lợi Phất.

Vua nước Ma Già Đà hoan hỷ, liền cấp cho ngài Xá Lợi Phất một tỳ lục và cung cấp mọi vật dụng cần thiết, đồng thời truyền cho dân chúng khắp 16 nước đều biết.

Lúc bảy giờ, có một thanh niên hào hoa phong nhã tên là Mục Kiền Liên thấy ngài Xá Lợi Phất thông minh xuất chúng, tìm đến để kết bạn tâm giao.

Có nhà tướng số xem tướng hai ngài và quả quyết rằng “Cả hai về sau sẽ xuất gia, học đạo”.

Hai ngài bèn tìm đến một vị Phạm Chí cầu học đạo. Thế nhưng trải qua nhiều năm vẫn chẳng sao chứng được đạo quả. Hai ngài bèn cùng nhau phát lời thệ rằng: “Nếu người nào được đạo Cam Lộ trước thì phải cho người kia được biết”.

Lúc bấy giờ, anh em ngài Ca Diếp cùng 1.000 đệ tử theo tháp tùng đã đến thành Vương Xá và đang nghỉ ngơi ở khu vườn trúc. Lại cũng có 2 luận sư Phạm Chí cùng đi vào thành.

Ngài Xá Lợi Phất nghe nói Phật đang ở thành Vương Xá mong muốn được biết rõ tin tức, nên đã cùng theo họ vào thành.

Giữa đường, ngài gặp một vị Tỷ-kheo ôm bình bát đi khát thực. Thấy vị Tỷ-kheo oai nghi, tịch tịnh, ngài liền đến gần cất tiếng hỏi: “Chẳng hay ngài là đệ tử của ai?”

Vị Tỷ-kheo đáp: “Tôi là đệ tử của Thích Thái tử, ngài nhằm chán các khổ sanh, già, bệnh, chết nên đã xuất gia tìm đạo và đã chứng Vô Thượng Bồ đề. Thích Thái tử là bậc thầy của tôi”.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Thầy của ngài đã dạy những gì? Kính xin ngài cho tôi được rõ.”

Vị Tỷ-kheo dùng kệ đáp lại:

*Tuổi đời tôi còn thấp,
Lại vừa mới thọ giới,
Sao nói được Chân Pháp
Thâm nghĩa của Như Lai!*

Ngài Xá Lợi Phất nóng lòng được biết, khẩn khoản nói: “Kính xin ngài vì tôi lược nói cho tôi nghe!”

Vị Tỷ-kheo lại dùng kệ đáp:

*Các pháp theo duyên sanh,
Lại cũng theo duyên diệt.
Phật, vị đại Sa môn,
Bốn sự tôi thuyết vậy.*

Ngài Xá Lợi Phất nghe xong bài kệ, liền chứng sơ quả Tu-đà-hoàn, ngài trở về gặp ngài Mục Kiền Liên. Ngài Mục Kiền Liên thấy nhan sắc tốt tươi của ngài Xá Lợi Phất, biết bạn mình đã thấy Đạo, liền mời vào nhà và nói: “Bạn đã được đạo Cam Lồ rồi chăng? Xin bạn hãy vì tôi diễn bày!”

Ngài Xá Lợi Phất đọc lại bài kệ. Ngài Mục Kiền Liên vừa nghe xong cũng lại chứng được sơ quả Tu-đà-hoàn.

Ngay sau đó, hai ngài dẫn 250 đệ tử cùng đến chỗ Phật.

Thoáng thấy bóng hai ngài ở đằng xa, Phật liền bảo các Tỷ-kheo: “Các ông có thấy hai vị Phạm Chí đang đi đến đó chăng?”

Các vị Tỷ-kheo thưa: “Bạch Thế Tôn! Chúng con có thấy”.

Phật dạy: “Này các Tỷ-kheo! Trong Chúng đệ tử của Ta sau này, hai vị này sẽ là những đại đệ tử. Một vị sẽ là Trí huệ đệ nhất, một vị sẽ là Thân túc đệ nhất”.

Hai ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên đến đánh lễ Phật, đứng sang một bên rồi bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Chúng con xin được ở trong pháp Phật, xuất gia, thọ giới”.

Phật dạy: “Thiện lai Tỷ-kheo!”(*)

Tức thì, cả hai ngài tự rụng râu tóc, được ban cà sa bình bát đầy đủ, được truyền giới.

*. Thiện lai là lời chúc sự an lành đối với người mới đến.

Quá nửa tháng sau, nhân Phật thuyết pháp cho vị Phạm Chí Trường Trảo nghe, ngài Xá Lợi Phất liền đăc quả A-la-hán.

Như vậy, ngài Xá Lợi Phất có công đức rất lớn, cho nên dù ngài chỉ là A-la-hán mà Phật đă vì ngài nói thậm thâm pháp Bát nhĩ Ba-la-mật.

Hỏi: *Tại sao mở đầu kinh, Phật không nói với ngài Tu Bồ Đề và ngài Mục Kiền Liên mà lại nói với ngài Xá Lợi Phất?*

Đáp: Vì ngài Xá Lợi Phất là Trí huệ đệ nhất, ngài Tu Bồ Đề là Vô Tránh Tam Muội Đệ Nhất, ngài Mục Kiền Liên là Thần túc đệ nhất.

Ngài Tu Bồ Đề thường quán tâm chúng sanh mà chẳng sanh phiền não. Ngài cũng thường hành Không Tam Muội nên ở phần sau của bộ kinh *Bát Nhĩ Ba-la-mật* này (Quyển 41 - phẩm thứ 7) khi nói về thuyết Không, Phật đă bảo ngài Tu Bồ Đề rằng: “Ông nên dạy các Bồ tát về Bát nhĩ Ba-la-mật. Chư Bồ tát nên thành tựu Bát nhĩ Ba-la-mật”.

Trong kinh có chép mẫu chuyện về ngài Tu Bồ Đề như sau:

Khi Phật ở cung trời Đao Lợi, an cư kiết hạ 3 tháng và thọ tuế xong rồi trở về cõi Diêm Phù Đề. Ngài Tu Bồ Đề đang ở trong thạch thất, tự nghĩ rằng: “Ta nên đến hầu Phật chăng?” Rồi ngài lại nghĩ rằng: “Phật thường dạy dùng huệ nhãn quán pháp thân Phật mới thật là thấy Phật”.

Khi Phật về cõi Diêm Phù Đề thì đă có đủ 4 Bộ Chúng, lại có đủ các hàng Trời, người, A-tu-la cùng Chuyển Luân Thánh Vương đến tập hội.

Thấy Chúng hội trang nghiêm chưa từng có, ngài Tu Bồ Đề lại nghĩ rằng: “Đại chúng nhóm họp trang nghiêm như

thể này cũng chẳng lâu dài, vì hết thầy pháp đều vô thường. Lại nữa quán Không, quán vô thường, cũng đều được Đạo”.

Lúc bấy giờ mọi người đều muốn được thấy Phật, muốn được đánh lễ và cúng dường Phật. Có một vị Tỷ-kheo ni tự hóa làm Chuyển Luân Thánh Vương, mang theo 7 báu đến cúng dường Phật. Mọi người trong Chúng hội đều nhường chỗ cho vị hóa vương đó đến trước Phật. Khi đến chỗ Phật rồi, vị hóa vương tự hiện trở lại thân Tỷ-kheo ni và lễ Phật trước mọi người.

Phật dạy: “Người chẳng phải là người đến lễ Ta trước, vì Tu Bồ Đề đến lễ ta trước người rồi vậy. Vì sao? Vì Tu Bồ Đề đã quán pháp Không, đã thấy Pháp Thân Ta, như vậy mới là cúng dường chân chính, chẳng cần phải đến trước mặt Ta, cúng dường Ta như những người khác. Tu Bồ Đề thường hành Không Tam Muội nên tương ứng với Không tướng Bát nhã Ba-la-mật”.

Lại nữa, vì chúng sanh thường hay tín kính các vị A-la-hán đã được lậu tận hơn các vị Bồ tát chưa được lậu tận, nên tùy thuận chúng sanh. Phật nói Bát nhã Ba-la-mật với ngài Xá Lợi Phất và Tu Bồ Đề.

Hỏi: *Tên Xá Lợi Phất là tên do cha mẹ đặt ra hay y theo các công đức của ngài mà đặt ra?*

Đáp: Tên Xá Lợi Phất là tên do cha mẹ đặt ra.

Sử có ghi chép rằng:

Ngày xưa ở nước Ma Già Đà, có luận sư Bà-la-môn tên là Ma Đà La. Vợ chồng Bà-la-môn này sinh được một gái đầu lòng có đôi mắt đẹp như mắt chim Xá Lợi nên đặt tên con là Xá Lợi. Sau đó vợ chồng Bà-la-môn này lại sinh thêm một trai có đầu gối lớn nên đặt tên là Câu Hy La.

Bà-la-môn Ma Đà La dạy cho hai con đầy đủ các loại kinh thư. Đương thời có một vị đại luận sư là Đề Xá. Một hôm Đề Xá đến trước cung vua đánh trống xin được luận nghị.

Nhà vua hỏi: “Ai đánh trống vậy?”

Các vị đại thần đáp: “Tâu bệ hạ! Có một vị luận sư Bà-la-môn đến đánh trống xin cầu được luận nghị”.

Nhà vua hoan hỷ triệu tập các bậc đại trí thức đến luận nghị. Ma Đà La luận nghị không bằng Đề Xá. Thế rồi vua y theo lời tâu của quần thần, truyền lấy phân nửa đất của Ma Đà La cấp cho Đề Xá.

Bởi nhân duyên vậy, nên hai vị luận sư Ma Đà La và Đề Xá gặp nhau trong ấp. Ma Đà La nói với Đề Xá rằng: “Tôi muốn gả con gái tôi cho con trai của ngài”.

Đề Xá nhận lời. Lễ cưới của đôi trẻ được tổ chức ngay sau đó.

Suốt thời gian mang thai, bà Xá Lợi thường hay luận nghị với người em trai và lúc nào bà cũng giành phần thắng cả.

Về sau, bà sanh được một trai, đặt tên là Xá Lợi Phát (cũng còn gọi là Xá Lợi tử), theo tên của mẹ.

Hỏi: *Vì sao không đặt theo tên của cha là Ưu Bà Đề Xá, mà lại đặt theo theo tên của mẹ là Xá Lợi?*

Đáp: Bà Xá Lợi được mọi người quý trọng. Trong giới phụ nữ vào thời bấy giờ thì bà là người thông minh vào bậc nhất. Bởi vậy nên lấy tên bà đặt cho tên con vậy.

KINH:

Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma ha tát muốn dùng hết thầy chủng trí, muốn biết hết thầy pháp phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: *Thế nào là “Dùng hết thầy chủng trí”? Thế nào là “Biết hết thầy pháp”?*

Đáp: “Dùng hết thầy chủng trí” là dùng trí để biết về Thật Tướng của hết thầy các pháp. Còn “Biết hết thầy pháp” là biết hết thầy các pháp quán. Ví như phạm phu quán về sắc, về dục, về ly dục, đệ tử của Phật quán về Vô thường, Khô, Không, Vô ngã đều như mũi tên, như bệnh, như nhiễm độc. Chư Thánh quán về 4 Thánh Đế. Quán 4 Thánh Đế có 16 hạnh. Đó là:

- Quán Khổ có 4 hạnh: Là quán Khổ, quán Không, quán Vô Thường và quán Vô Ngã.

- Quán Tập có 4 hạnh quán về các duyên sanh ra Khổ.

- Quán Diệt có 4 hạnh quán về các pháp diệt Khổ.

- Quán Đạo có 4 hạnh quán về Chánh Hạnh, về Giải thoát, về hơi thở ra, về hơi thở vào.

Riêng quán hơi thở cũng có 16 hạnh, đó là:

- Quán hơi thở ra

- Quán hơi thở vào

- Quán hơi thở ngắn

- Quán hơi thở dài

- Quán hơi thở khắp thân

- Quán trừ các thân hành
- Quán thọ hỷ
- Quán thọ lạc
- Quán pháp tạo lạc
- Quán nhiếp tâm
- Quán tâm giải thoát
- Quán vô thường
- Quán tán hoại
- Quán ly dục
- Quán diệt
- Quán xả.

Lại có 6 niệm. Đó là: Niệm Phật - niệm pháp - niệm tăng
- niệm giới - niệm thiên - niệm xả.

Lại có 6 thức sở duyên pháp. Đó là:

Nhãn thức duyên sắc - Nhĩ thức duyên thanh - Tỷ thức
duyên hương - Thiệt thức duyên vị - Thân thức duyên xúc - Ý
thức duyên pháp.

Căn, trần, thức duyên nhau gọi là “Thức sở duyên pháp”.

Lại có Trí sở duyên pháp. Như: Trí biết khổ, trí biết khổ
Tập, trí tập Diệt, trí biết Đạo... trí biết các duyên tạo tác đều
như hư không nên cũng chẳng có các duyên. “Trí sở duyên
pháp” nhiếp hết thảy pháp như: Pháp sắc, pháp vô sắc, pháp
đối, pháp vô đối, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi,
pháp vô vi, tâm tương ưng, tâm bất tương ưng, pháp gần,
pháp xa v.v...

Lại có 3 pháp quán về 5 ấm, 12 nhập, 18 giới cũng nhiếp hết thầy pháp thiện, bất thiện, học, vô học, phi học, phi vô học, kiến đế đoạn, tư duy đoạn và bất đoạn.

Lại có 4 pháp quán về quá khứ, về hiện tại, về vị lai, và về “phi quá khứ, hiện tại, vị lai” cũng nhiếp hết thầy pháp.

Lại có 5 pháp quán về sắc, về tâm, về tâm tương ưng, về tâm bất tương ưng, về pháp vô vi cũng nhiếp hết thầy pháp.

Lại có 6 pháp quán về kiến khổ đoạn pháp, kiến tập đoạn pháp, kiến diệt đoạn pháp, kiến đạo đoạn pháp, tư duy đoạn pháp và tư duy bất đoạn pháp cũng nhiếp hết thầy các pháp. Dẫn đến có vô lượng pháp quán nhiếp hết thầy các pháp.

Hỏi: *Các pháp thâm thâm vi diệu, chẳng có thể nghĩ bàn được. Như vậy một người làm sao biết hết được?*

Đáp: Ngu si ám độn là đại khổ, trí huệ quang minh là đại lạc. Chúng sanh vì cầu vui mà bị khổ. Bồ tát vì cầu hết thầy trí huệ mà phát đại tâm. Vì muốn độ hết thầy chúng sanh nên Bồ tát học hết thầy các pháp. Do chúng sanh có nhiều bệnh nên Bồ tát phải dùng nhiều phương thuốc để chữa bệnh cho họ.

Lại nữa, vì các pháp thâm thâm vi diệu nên trí huệ của Bồ tát cũng thâm thâm vi diệu. Lực thần thông của Bồ tát cũng vô biên, chẳng thể nghĩ bàn được, giống như hư không vô biên, chẳng có thể đo lường được. Vì sao? Vì hư không là vô tướng, là vô pháp nên chẳng thể đo lường được vậy.

KINH:

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát Ma ha tát muốn dùng hết thầy chúng trí muốn biết hết thầy pháp phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật như thế nào?

LUẬN:

Hỏi: Phật muốn thuyết kinh Bát Nhã Ba-la-mật, sao lại để cho ngài Xá Lợi Phất đặt câu hỏi?

Đáp: Để cho người khác đặt câu hỏi, rồi dựa vào đó để giải thích là một trong những lối thuyết pháp của Phật.

Ngài Xá Lợi Phất biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là thậm thâm vi diệu, là pháp vô tướng, rất khó giải, khó biết. Ngài đã dùng tự lực tư duy rằng: “Nếu quán các pháp đều vô tướng thì có phải là Bát nhã Ba-la-mật chăng?”. Tư duy như vậy rồi, tự xét mình chưa thông suốt nên hỏi Phật để xin được giải đáp. Lại nữa, vì trí huệ của ngài Xá Lợi Phất so với trí huệ Phật còn kém xa nên ngài phải hỏi.

Trong kinh có chép mẫu chuyện về ngài Xá Lợi Phất như sau:

Một thời Phật đi kinh hành, có ngài Xá Lợi Phất đi theo. Lúc bấy giờ có một con chim ưng rượt bắt một con chim bồ câu. Chim bồ câu liền bay đến chỗ Phật ẩn núp, được an ổn, chẳng còn sợ hãi nữa. Nhưng ngay sau đó thấy bóng ngài Xá Lợi Phất đi lại nó liền kêu to, sợ hãi như trước.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: “Vì nhân duyên gì mà chim bồ câu núp dưới bóng Phật chẳng có chút sợ hãi, mà khi vừa thấy bóng con, nó lại hoảng hốt kêu to như vậy?”

Phật dạy: “Này Xá Lợi Phất! Tập khí ba độc của ông chưa dứt nên dù được bóng ông che chở, bồ câu vẫn còn sợ

hãi. Ông hãy quán về nhân duyên quá khứ xem bò câu này đã làm thân chim trong bao lâu?”

Ngài Xá Lợi Phát liền vào Túc Mạng Trí Tam Muội quán thấy chim bò câu đã từ một đời cho đến 8 vạn đời vẫn thường làm thân chim.

Phật dạy: “Ông hãy quán về vị lai xem chim bò câu này đến bao giờ mới thoát khỏi thân chim?”

Ngài Xá Lợi Phát lại vào Nguyên Trí Tam Muội quán thấy chim bò câu này từ 1 đời đến 8 vạn đời nữa cũng chưa thoát được thân chim.

Phật dạy: “Này Xá Lợi Phát! Chim bò câu này trong một đại kiếp thường làm thân chim, đền tội xong rồi sẽ ra khỏi đạo súc sanh, rồi sau đó được làm thân người, được lợi căn suốt 500 đời, được nghe pháp Phật. Ở đời sau chim ấy sẽ được làm Ưu-bà-tắc, thọ 5 giới, rồi theo các Tỷ-kheo nghe pháp, cúng dường Tam bảo. Người này khi sơ phát tâm có nguyện làm Phật, trải qua 3 A-tăng-kỳ kiếp tu hành 6 pháp Ba-la-mật, tự đầy đủ 10 địa, độ vô lượng chúng sanh rồi mới nhập Niết bàn.”

Lúc bấy giờ ngài Xá Lợi Phát hướng về Phật sám hối và bạch Phật rằng: “Ở nơi một con chim mà con còn chẳng biết rõ gốc ngọn, huống nữa là ở nơi hết thấy các pháp. Trí huệ của Phật thật là vô lượng vô biên. Con nghĩ rằng dù phải vào địa ngục A tỳ, thọ vô lượng kiếp khổ cũng chưa phải là việc khó làm, biết được trí huệ của Phật mới thật là khó vậy”.

Mẫu chuyện trên đây cho thấy rằng ngài Xá Lợi Phát cũng chưa thấu rõ gốc ngọn của các pháp nên ở trong hội Bát nhã Ba-la-mật, ngài phải nêu các câu hỏi để xin được Phật giải đáp.

KINH:

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma ha tát chẳng trú pháp, mà trú trong Bát nhã Ba-la-mật. Do xả hết thấy pháp mà Bồ tát được đầy đủ Đàn Ba-la-mật, vì rõ biết người thí, kẻ thọ cùng vật thí đều là bất khả đắc.

LUẬN:

Hỏi: *Bát nhã Ba-la-mật là pháp gì?*

Đáp: Có thuyết nói “Vô Lậu Huệ Căn” là tướng của Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì trong hết thấy huệ thì Bát nhã Ba-la-mật là đệ nhất huệ. Lại nữa, vì Vô Lậu Huệ Căn là đệ nhất huệ căn nên gọi Vô Lậu Huệ là Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Bồ tát chưa đoạn sạch kiết sử. Như vậy làm sao có được Vô Vô Lậu Huệ?*

Đáp: Bồ tát chưa đoạn sạch kiết sử, nhưng đã hành pháp Tương Tợ Vô Lậu Bát nhã Ba-la-mật nên được Vô Lậu Huệ. Cũng ví như hàng Thanh Văn, trước khi tu các pháp Noãn, Đánh, Nhẫn và Thế Đệ Nhất, phải hành Tương Tợ Vô Lậu Pháp mới dễ sanh được Khổ Pháp Trí Nhẫn.

Lại nữa, có 2 hạng Bồ tát. Đó là:

- Hạng Bồ tát đã đoạn kiết thanh tịnh
- Hạng Bồ tát chưa đoạn kiết, chưa thanh tịnh.

Hỏi: *Nếu nói “đã đoạn kiết thanh tịnh” thì còn hành Bát nhã Ba-la-mật làm gì nữa?*

Đáp: Đến hàng Bồ tát Thập địa, việc đoạn kiết cũng chưa đầy đủ, nên chưa đầy đủ trang nghiêm Phật độ, chưa đầy đủ giáo hóa chúng sanh. Bởi vậy nên vẫn phải hành Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, có 2 trường hợp đoạn kiết. Đó là:

- Đoạn 3 độc (tham, sân, si), tâm không đắm chấp 5 dục.
- Tuy chẳng còn đắm chấp 5 dục nhưng vẫn chưa xả ly hết các quả báo công đức, các quả báo của 5 dục, nên vẫn phải hành Bát nhã Ba-la-mật.

Trong kinh có ghi các mẫu chuyện về các ngài A Nậu Lôu Đậu và Ca Diếp như sau:

* Khi ngài A Nậu Lôu Đậu đang ngồi tọa thiền trong rừng thì Tịnh Ái thiên nữ dùng thân tinh diệu đến thử lòng. Ngài Trưởng lão bảo thiên nữ phải lui ra. Thiên nữ liền biến mất chẳng còn hiện nữa.

* Khi Chân Đà La Vương đem đoàn ca múa đến đàn ca múa hát để cúng dường Phật, thì ở khắp nơi, nhân dân trong các tụ lạc, cầm thú ở các núi rừng đều nhảy múa theo, cho đến Ngài Ma Ha Ca Diếp cũng chẳng được an định.

Ngài Thiện Tu Bồ tát hỏi: Vì sao ngài chẳng được an?

Ngài Ca Diếp đáp: 5 dục ở trong 3 cõi chẳng có thể làm động tâm tôi. Nhưng nay do quả báo thần lực Bồ tát ở nơi tôi mà tôi phải như vậy. Tôi chẳng để tâm đến mà vẫn chẳng được an.

Các mẫu chuyện trên đây cho thấy rằng chư Thiên mà còn đam mê như vậy, huống nữa là người có vô lượng công đức lực nơi quả báo của 5 dục như Bồ tát. Nếu chưa đoạn sạch kiết, thì Bồ tát vẫn chưa được an, nên còn phải hành Bát nhã Ba-la-mật.

Trong A Tỳ Đàm có nói “Phật khi còn là Bồ tát cũng dùng Hữu Lộ Huệ hành Bát nhã Ba-la-mật, cho đến khi được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác dưới gốc Bồ đề mới đoạn

sạch được. Bồ tát tuy có đại trí huệ, có vô lượng công đức mà chưa đoạn sạch kiết nên phải dùng Hữu Lộ Huệ hành Bát nhã Ba-la-mật”.

Nên phân biệt Hữu Lộ Huệ với Vô Lộ Huệ. Bồ tát hành Phật Đạo là hành Vô lộ Đạo nhưng do còn lưu kiết sử để độ chúng sanh nên vẫn còn dùng Hữu Lộ Huệ hành Hữu lộ Bát nhã Ba-la-mật. Ở nơi Phật thì Bát nhã Ba-la-mật đã được chuyển thành Tát Bà Nhã, tức là Nhất thiết chủng trí vậy.

Lại có thuyết nói “Tướng của Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc” cho nên các Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật thấy rõ “pháp thường, pháp vô thường, pháp thật, pháp không thật, pháp có, pháp không, v.v... đều là Bát nhã Ba-la-mật cả”. Nên biết Bát nhã Ba-la-mật chẳng nhiếp về âm, giới, nhập, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, chẳng phải pháp, chẳng pháp phi pháp, chẳng thủ, chẳng xả, chẳng sanh, chẳng diệt... Bát nhã Ba-la-mật vượt ra ngoài Tứ cú (như: Có, không, vừa có vừa không, chẳng có cũng chẳng không). Ví như ngọn lửa tỏa rộng ở khắp 4 phía ta đều chẳng thể xúc chạm được, tướng của Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng có thể xúc chạm được, chẳng có thể nắm bắt được, nên gọi là bất khả đắc vậy.

Hỏi: *Trên đây có nhiều thuyết khác nhau nói về tướng của Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy Thật Tướng của Bát nhã Ba-la-mật là gì?*

Đáp: Các thuyết tuy có sai khác nhau nhưng đều đúng cả.

Trong kinh có nêu trường hợp 500 vị Tỷ-kheo tranh luận với nhau về một vấn đề. Người nói có, người nói không, người nói theo nghĩa Trung đạo. Phật dạy: “Tất cả đều hợp lý nhưng Trung đạo nghĩa mới là Thật nghĩa. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có thể phá, chẳng có thể hoại được.

Nếu còn một pháp, còn một mây may, còn một đường tơ kẻ tóc cũng đều có lỗi cả. Có cũng như không đều phải phá. Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải Có, chẳng phải Không, chẳng phải chẳng Có, chẳng phải chẳng Không. Tất cả lời nói, tất cả ý nghĩ đều phải phá. Như vậy là tịch diệt, là chẳng có hý luận, là chân thật Bát nhã Ba-la-mật vậy.”

Ví như vị Chuyển Luân Thánh Vương hàng phục tất cả các địch thù, phá tan tất cả âm mưu chống đối, Bát nhã phá hết thầy các ngữ ngôn, các hý luận, các nghĩa môn. Tướng của Bát nhã Ba-la-mật mới là Thật Tướng, là Thật Tướng vô tướng vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói “Trú trong Bát nhã Ba-la-mật là đầy đủ cả 6 Ba-la-mật”.

Hỏi: *Trước đây nói “chẳng trú pháp”, sao nay lại nói “Trú trong Bát nhã Ba-la-mật”?*

Đáp: Bồ tát quán tất cả các pháp là “chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, chẳng có sanh, chẳng có diệt...”. Quán như vậy là trú nơi tướng của Bát nhã Ba-la-mật mà vẫn chẳng có thủ tướng ấy nên gọi là “chẳng trú pháp”. Nếu còn thủ tướng Bát nhã Ba-la-mật là còn trú pháp vậy.

Hỏi: *Ở nơi hết thầy pháp đều phải lấy Dục làm gốc. Như vậy nếu chẳng muốn thủ tướng Bát nhã Ba-la-mật, nếu giữ tâm “vô sở trước” như Phật dạy, thì làm sao có thể được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật?*

Đáp: Vì thương xót chúng sanh nên từ sơ phát tâm, Bồ tát đã lập thệ nguyện độ hết thầy chúng sanh, tinh tấn hành Bát nhã Ba-la-mật.

Dù biết rõ các pháp là bất sanh, bất diệt, nhưng Bồ tát vẫn hành các công đức, hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bồ tát không trú pháp mà chỉ trú Bát nhã Ba-la-mật.

ĐÀN BA-LA-MẬT

(Bồ thí Ba-la-mật)

A. NGHĨA CỦA BỒ THÍ BA-LA-MẬT

Hỏi: Bồ tát hành bồ thí là đã làm việc lợi ích cho chúng sanh rồi. Sao còn phải đầy đủ Đàn Ba-la-mật?

Đáp: Bồ thí vô lượng pháp làm lợi ích cho chúng sanh gọi là Đàn, nhưng phải biết tùy chúng sanh mà bồ thí.

Đàn là diệu pháp trừ khổ, ban vui cho mọi loài.

Đàn là đường dẫn đến cõi Trời, cõi Phật, nhiếp cả đạo trời người.

Đàn đem lại sự an ổn cho chúng sanh, khiến đến khi mạng chung vẫn giữ được tâm không sợ hãi.

Đàn là tâm từ, thương hay cứu giúp chúng sanh.

Đàn là nơi chứa nhóm các niềm vui, thương hay phá trừ các nỗi khổ.

Đàn là dũng tướng hàng phục xan tham.

Đàn là diệu quả, là ước mơ của các loài Trời, người.

Đàn là đường thanh tịnh, nơi Thánh Hiền dạo chơi.

Đàn là nơi tích tập phước đức.

Đàn là duyên tu chứng.

Đàn là thiện hạnh dẫn đến thọ quả báo tốt.

Đàn là tướng phước nghiệp của các loài Trời, người.

Đàn là lưỡi dao bén cắt đứt 3 đường ác, đoạn trừ bản cùng, khổ cực.

Đàn là quả báo phước đức an vui.

Đàn là bước đầu dẫn vào Niết bàn, diệu pháp dẫn vào Thánh Chúng.

Đàn là tâm kham nhẫn làm công đức, chẳng ngại khó khăn, chẳng hề luyến tiếc.

Đàn là nhà của các thiện pháp, là gốc của đạo hạnh, đem lại an vui hạnh phúc.

Đàn là ruộng phước dẫn chúng sanh vào đạo Niết bàn, là bến mát của các bậc thánh hiền.

B. TÁN THÁN NGHĨA BỐ THÍ Ba-la-mật

Người có trí huệ mới rõ được nghĩa Đàn Ba-la-mật. Ví như gặp cảnh nhà cháy, người có trí mới biết lượng theo thế lửa và hướng gió, để đưa người và tài sản ra khỏi nhà một cách an toàn. Người trí biết rõ thân là khổ, tài vật là vô thường, nên kịp thời tu phước để đời sau được an lạc.

Người ngu gặp cảnh nhà cháy, chỉ biết tiếc của cải mà chẳng biết lượng thế lửa, hướng gió đành để cho nhà bị thiêu rụi, tài sản tiêu tan.

Nếu suốt đời chỉ lo vợ vét cho đầy túi tham thì đến khi chết rồi thân cũng trở về với 4 đại, chẳng được lợi ích gì cho đời sau.

Người có trí huệ biết rõ thân là như huyễn, của cải là tạm bợ, vạn vật đều vô thường. Do ngộ lý vô thường, nên thường

hành bố thí, được nhiều phước đức, lợi lạc cho mình và cho người, ở đời này và cả đời sau.

Lại nữa, người khéo bố thí được mọi người tin yêu, kính trọng ví như mặt trăng soi sáng suốt đêm dài, được mọi người chiêm ngưỡng. Trì giới thanh tịnh được sanh lên cõi Trời.

Thiên định không nhiễm trước dẫn đến Niết bàn tịch tịnh.

Bố thí cũng tạo phước đức, làm tư lương dẫn đến Niết bàn. Vì sao?

Vì người hành bố thí, do nhất tâm quán sanh diệt, quán vô thường, mà được đạo Niết bàn vậy.

C. TƯỚNG CỦA BỐ THÍ Ba-la-mật:

Hỏi: *Vì sao gọi bố thí là Đàn?*

Đáp: Vì người hành bố thí có tâm tương ưng với thiện, luôn nhớ nghĩ đến người khác, nên gọi bố thí là Đàn. Vì sao? Vì có nhớ nghĩ đến người khác mới có được ruộng phước để hành bố thí. Bố thí phải hội đủ 3 điều kiện. Đó là:

- Có thiện tâm.
- Có ruộng phước.
- Có tài vật.

Lại nữa, vì người hành bố thí có tâm xả nên gọi bố thí là Đàn.

Phải có tâm xả pháp, mới phá được xan tham, mới sanh được niệm Từ, mới hành được Bố thí.

Bố thí cũng phải hội đủ 3 điều kiện. Đó là:

- Tâm tương ưng pháp.
- Tâm xả pháp.

- Tâm hành pháp.

Lại nữa, người hành Bồ thí phải hội đủ 3 điều kiện. Đó là:

- Thân chứng.

- Huệ chứng.

- Giác quán.

Trong A Tỳ Đàm có phân biệt 2 trường hợp bồ thí. Đó là:

- Tịnh thí.

- Bất tịnh thí.

Phàm phu, vì tâm chấp đắm, so lường nên chỉ hành bất tịnh thí mà thôi. Vì sao? Vì phàm phu hành bồ thí do nhiều nhân duyên bất tịnh như: vì cầu tài mà bồ thí, vì sợ thua người mà bồ thí, vì sợ hoạn nạn mà bồ thí, vì sợ chết mà bồ thí, vì phú quý mà bồ thí, vì tranh thắng mà bồ thí, vì kiêu mạn mà bồ thí, vì danh dự mà bồ thí, vì chú nguyện mà bồ thí, vì lợi dưỡng mà bồ thí v.v... Các trường hợp bồ thí như vậy gọi là bất tịnh thí.

Trái lại, vì Đạo Giải thoát mà bồ thí thì gọi là tịnh thí. Phải đem tâm thanh tịnh, chẳng cầu phước báo, chẳng vì cung kính hay sợ hãi, chẳng vì thiên vị hay ép buộc v.v... mà bồ thí mới gọi là tịnh thí. Tịnh thí dẫn đến đạo Niết bàn. Dù chưa được Niết bàn cũng hưởng được nhiều phước lạc.

Lại nữa, vì Niết bàn mà bồ thí thì cũng được quả báo thanh tịnh. Phật dạy “Có 2 hạng người rất khó được”. Đó là:

- Tỷ-kheo xuất gia được giải thoát.

- Cư sĩ tại gia thanh tịnh bồ thí.

Bồ thí thanh tịnh như vậy được vô lượng phước báo, đời

đời chẳng mất; ví như trồng cây đúng thời tiết thì cây được tốt tươi, đơm hoa kết trái. Vì sao?

Vi:

- Diệt hết các kiết sử là khai mở đạo Niết bàn.
- Không luyến tiếc vật sở hữu là trừ được xan tham.
- Sanh tâm cung kính người thọ thí là trừ được tật đố.
- Trục tâm bố thí là trừ được siểm khúc.
- Nhất tâm bố thí là trừ được trạo cử.
- Tư duy bố thí là kết tụ công đức.
- Không chấp thủ tài vật là trừ được tham ái.
- Thương xót người thọ thí là trừ được kiêu mạn.
- Biết làm các pháp thiện là trừ được vô minh.
- Tin có quả báo là trừ được tà kiến.
- Biết quyết định có quả báo là trừ được tâm nghi.

Bố thí như vậy thì 6 căn đều được thanh tịnh, thiện tâm tăng trưởng, nội tâm nhu nhuyễn khinh an. Do quán quả báo công đức, nên được tín tâm thanh tịnh.

Bố thí như vậy là được đầy đủ các pháp thiện được thân tâm nhu nhuyễn, hỷ lạc, được nhất tâm, được thật trí huệ.

Lại nữa, do bố thí như vậy, mà làm nảy sanh ở trong tâm đầy đủ 8 Thánh Đạo, 37 Phẩm Trợ Đạo v.v...

Lại có trường hợp, do bố thí mà được 32 tướng tốt, được làm vị Chuyển Luân Thánh Vương, có được đầy đủ 7 báu v.v...

Phật dạy: “Bố thí cho người từ xa đến, cho người bệnh,

cho người đang gặp hoạn nạn, như nạn lửa, nạn gió, nạn nước, nạn giặc giã, v.v... được thêm phần phước báo”.

Lại nữa, ruộng phước càng lớn thì phước đức càng nhiều. Ví như đem vườn nhà bố thí cho người tu hành, cúng dường cho Tăng chúng thì được phước báo rất lớn.

Trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

Thời xưa, ở nước Đại Nguyệt Thị, trong thành Tích Ca La, có một họa sĩ đi qua nước Đà La ở về phương Đông để hành nghề. Sau 15 năm, ông dành dụm được 30 cân vàng đem về cho gia đình.

Khi vừa đến nơi, ông nghe trong thành đánh trống triệu tập đại hội và thấy Chúng Tăng thanh tịnh tề tựu ở hội trường. Ông hỏi vị Duy Na: “Cúng dường một ngày ăn uống cho cả Chúng hội phải tốn kém bao nhiêu?”.

Vị Duy Na đáp: “Khoảng 30 cân vàng”.

Ông liền nói: “Cho phép tôi được cúng dường một ngày ăn uống”.

Cúng dường Chúng Tăng xong, ông trở về nhà với hai bàn tay trắng. Bà vợ ông hỏi: “Ông đi làm ăn xa suốt 12 năm dài. Nay trở về nhà, ông có đem được gì về chăng?”.

Ông đáp: “Tôi dành dụm được 30 cân vàng. Nhưng nay tôi đã đem số vàng ấy cúng dường cho chư Tăng và Chúng hội cả rồi”.

Bà vợ giận quá, bèn trói ông lại, dẫn ông đến cửa quan và thưa rằng: “Chồng tôi chẳng nghĩ gì đến bổn phận đối với vợ con. Dành dụm được bao nhiêu ông đem cho người khác hết sạch”.

Vị quan hỏi ông lý do, ông đáp: “Đời trước tôi chẳng khéo tu công đức bố thí nên ngày nay phải chịu cảnh bần khổ. Nay có được duyên lành gặp được ruộng phước chư Tăng mà tôi không trồng cội phước thì về sau còn sẽ phải bị bần khổ mãi mãi”.

Vị quan ấy là một vị Ưu-bà-tắc có tín tâm thanh tịnh, kính Phật, trọng Tăng. Vừa nghe xong vị quan bèn khen rằng: “Người quả thật là một người thiện, biết xả tài hành thí, đem của mồ hôi nước mắt của mình dành dụm trong nhiều năm để cúng dường chư Tăng. Thật là một tấm gương sáng để người khác noi theo”.

Nói như vậy rồi, vị quan truyền lấy vàng của mình đem bố thí lại cho nhà họa sĩ và nói rằng: “Bố thí với tâm thanh tịnh được phước đức rất lớn”.

Lại nữa, phải nên biết có hai thứ Đàn. Đó là:

- Thế gian Đàn.
- Xuất Thế gian Đàn.

Thế gian Đàn và Xuất Thế gian Đàn hoàn toàn khác nhau.

Bố thí với tâm hữu lậu thì gọi là Thế gian Đàn.

Các bậc Thánh đã được Vô tác Tam Muội đã trừ sạch kiết sử, xan tham, nên dù phương tiện dùng tâm hữu lậu bố thí mà vẫn gọi là hành Xuất Thế gian Đàn.

Thế gian Đàn là Bất tịnh thí tức là bố thí không thanh tịnh.

Xuất Thế gian Đàn là Tịnh thí, tức là bố thí thanh tịnh.

Thế gian Đàn là bố thí mà còn vướng mắc kiết sử.

Xuất Thế gian Đàn là bố thí không trụ tướng, bố thí mà chẳng có niệm phân biệt giữa người cho, người nhận và

vật cho, vì rõ biết tất cả đều là nhất tướng, là vô thường, là thường trụ như hư không. Bồ thí mà còn sanh tâm chấp chỉ là Thế gian Đàn, là điên đảo, là không thật.

Bồ thí với tâm như như, không điên đảo, rõ biết Thật Tướng pháp mới là Xuất Thế gian Đàn.

Xuất Thế gian Đàn được các bậc thánh nhân xưng tán, vì Xuất Thế gian Đàn là bồ thí theo đúng nghĩa của Thật Tướng pháp hòa hợp với Thật Tướng Trí huệ.

Bồ thí chỉ cầu Giải thoát sanh tử cho mình là Thanh Văn đàn.

Bồ thí vì sự Giải thoát sanh tử cho hết thầy chúng sanh là Bồ tát đàn

Bồ thí vì sợ sanh tử là Thanh Văn đàn.

Bồ thí vì giáo hóa chúng sanh mà không sợ sanh tử Bồ tát Đàn.

Trong kinh *Bổn Sanh* có chép mẩu chuyện về vua Ba La Bà và Bồ tát Vi La Ma như sau:

Bồ tát Vi La Ma là vị Bổn Sư của vua Ba La Đà dạy vua rằng: “Ngài đã được vô lượng vinh hoa phú quý rồi; nay ngài cần nghĩ đến việc làm lợi ích cho chúng sanh”.

Nhà vua nghĩ rằng: “Dù ta chẳng còn mong cầu phú lạc nhưng vì vạn pháp là vô thường nên ta phải hành đại bồ thí”.

Nghĩ như vậy rồi, nhà vua tự tay tháo bỏ áo cho các Bà-la-môn và hết thầy các hàng xuất gia hãy đến cung vua để

thọ nhận cúng dường. Nhà vua được 8.400 vị Quốc vương và hảo tâm khác giúp sức, nên nguyện bố thí và cúng dường đầy đủ các vật dụng cần thiết trong 12 năm.

Bồ tát Vi La Ma tán thán rằng:

*Làm vừa lòng tất cả,
Là việc rất khó làm.
Nay ngài, vì Phật Đạo,
Quyết tâm hành Tịnh thí.*

Lúc bấy giờ, chư Thiên ở cõi Tịnh Cư thiên dùng kệ hỏi:

*Do đại nhân duyên gì,
Mở cửa đại bố thí?
Vì thương xót chúng sanh,
Hay vì cầu Phật Đạo?*

Chư Thiên lại suy nghĩ: “Nay chúng ta hãy đóng kín bình vàng lại, khiến nước không còn chảy xuống nữa”.

Biết rõ ý nghĩa của chư Thiên, các Ma vương hỏi rằng: “Các Bà-la-môn cũng đều là những người xuất gia, cầu đạo. Vì sao lại cho họ chẳng phải là ruộng phước, lại đóng kín bình vàng khiến nước không chảy xuống được?”.

Chư Thiên đáp: “Bố thí phải vì Phật Đạo. Nay các Bà-la-môn toàn là những người theo tà kiến. Họ chẳng phải là ruộng phước”.

Các Ma vương lại hỏi chư Thiên: “Làm sao có thể biết đích thật ai là người thực tâm cầu Phật Đạo?”.

Lúc bấy giờ, có một vị trời ở cõi Tịnh Cư thiên, tự hóa thành một người Bà-la-môn đến hỏi vua Ba La Bà rằng: “Ngài cầu gì mà hành đại bố thí?”.

Nhà vua dùng kệ đáp:

*Tôi nguyện được Vô Dục,
Lìa sanh già bệnh chết,
Nhất tâm cầu Phật Đạo,
Nhằm độ hết chúng sanh.*

Hóa Bà-la-môn lại nói: “Phật Đạo rất khó được. Ngài nên cầu được phước báo khác”.

Dù cho vành bánh xe nóng quay trên đầu tôi, tôi cũng nhất tâm cầu Phật Đạo, chẳng mảy may hối hận. Vì sao? Vì chúng sanh trôi lăn trong 3 đường ác, chịu vô lượng khổ đau nên tôi nhất tâm cầu Phật Đạo, chẳng bao giờ thoái chuyển.

Hóa Bà-la-môn tán thán: “Lành thay! Lành thay!”. Rồi nói kệ:

*Ngài đồng mãnh tinh tấn,
Thương xót mọi chúng sanh.
Trí huệ vô quái ngại,
Không lâu sẽ thành Phật.*

Lúc bấy giờ, trời mưa hoa cúng dường. Nhà vua lấy bình nước đổ lên tay hóa Bà-la-môn, nhưng nước không chảy. Nhà vua tự nghĩ: “Tâm ta chưa thanh tịnh chăng?”.

Chư Thiên bèn nói rằng: “Người tà kiến bị lưới nghi phiền não phá chánh kiến, khiến phải xa lìa thanh tịnh giới, sẽ đọa vào các đường khổ”. Rồi dùng kệ nói rằng:

*Ác tà trong biển người
Không thuận với Chánh Đạo.
Những người ở nơi đây,
Chẳng đại tâm như ngài.*

Nhà vua nghe xong dùng dùi bài kệ đáp lại:

*Nếu trong khắp mười phương,
Có ai tâm thanh tịnh.
Tôi xin nguyện quy mạng,
Đánh lễ và cúng dường.*

Nói xong, tay phải cầm bình nước dốc xuống tay trái, nhà vua tự lập nguyện rằng: “Nếu tôi thực sự hành đại bố thí thì xin cho nước trong bình tự chảy ra”.

Ngay lúc bấy giờ, Hóa Bà-la-môn thấy nước trong bình chảy trên tay nhà vua, liền dùng kệ tán thán rằng:

*Nước từ bình chảy ra,
Thanh tịnh tự lưu ly.
Nước chảy khắp tay ngài.
Lành thay Đại Bố thí!*

Nhà vua nghe như vậy, càng sanh tâm cung kính nói kệ rằng:

*Tôi nay hành Bố thí,
Chẳng cầu phước ba cõi,
Mà vì mọi chúng sanh,
Bố thí cầu Phật Đạo.*

Nhà vua vừa nói dứt bài kệ thì Đại Địa chấn động.

Kinh *Bốn Sanh* còn nêu nhiều trường hợp bố thí chẳng tiếc thân mạng như sau:

Đức Phật Thích Ca Mưu Ni khi còn là Bồ tát đi khắp 4 Châu thiên hạ để cầu Phật Đạo. Gặp một Bà-la-môn, Bồ tát xin cầu đạo. Vị Bà-la-môn ấy nói: “Ông hãy lấy mỡ nơi thân ông thấp đèn, rồi ta sẽ thuyết kệ cho nghe”. Bồ tát chẳng ngần ngại làm theo để được nghe thuyết kệ.

Lại nữa, có thời Bồ tát làm thân chim bồ câu trên núi Tuyết Sơn, thấy một người nghèo khổ, lạnh cóng, đang cần được sưởi ấm, chim liền tự đốt thân mình để sưởi ấm cho người ấy.

Như vậy gọi là Nội bồ thí, không tiếc thân mạng; cũng còn gọi là Đản Ba-la-mật.

D. PHÁP THÍ Ba-la-mật:

Hỏi: Thế nào gọi là Pháp thí?

Đáp: Đem những lời hay đẹp, có lợi ích, nói cho người khác nghe, gọi là Pháp thí.

Ví như đem Giáo pháp của 3 Thừa Giáo dạy người, đem 4 Pháp Tạng dạy người, đem những lời diệu thiện trong Phật pháp dạy người... đều gọi là Pháp thí cả.

Hỏi: Đề Bà Đạt Đa cũng đem Giáo pháp của 3 Thừa Giáo dạy cho người. Như vậy, vì sao thân Đề Bà Đạt Đa lại bị đọa vào địa ngục?

Đáp: Đề Bà Đạt Đa vì tà kiến, vì cầu lợi danh, chẳng phải vì Đạo Thanh tịnh mà thí pháp nên phải đọa vào địa ngục.

Người thí pháp phải thường giữ tâm thanh tịnh; hành động thí pháp phải bắt nguồn từ thiện tâm. Thí pháp như vậy mới có được phước đức bồ thí.

Lại nữa, người thuyết pháp phải thường tịnh tâm, tư duy, tán thán Tam bảo, chỉ rõ tội phước, nói rõ 4 Thánh Đế... để giáo hóa chúng sanh, dẫn họ vào Phật Đạo.

Pháp thí chân tịnh phải hội đủ 2 điều kiện. Đó là:

- Không làm não hại chúng sanh mà trái lại phải làm tăng trưởng thiện tâm nơi họ.

- Thường quán pháp Không. Lấy đó làm nhân duyên cho Niết bàn. Bởi nhân duyên vậy, nên người thuyết pháp, ở trong đại chúng, phải luôn luôn giữ tâm thanh tịnh; nói pháp chỉ vì cầu Phật Đạo, chẳng phải vì danh vọng hoặc vì lợi dưỡng.

Vào thời xa xưa, vua nước A Du Già rất thích được nghe pháp. Nhà vua thỉnh một vị Tỷ-kheo trẻ tuổi vào cung thuyết giảng. Vị Pháp sư còn trẻ tuổi, nhưng rất thông minh, đoán chánh; mỗi khi nói có mùi hương thơm từ miệng tỏa ra.

Nhà vua hỏi: “Đại đức mới có hương thơm này trong miệng, hay đã có từ lâu rồi?”.

Vị Pháp sư dùng kệ đáp:

*Vào thời Phật Ca Diếp,
Tôi thường tán thán Phật,
Rộng diễn nói pháp mầu,
Miệng thường tỏa diệu hương.*

Nhà vua xin được giải thích rõ hơn. Vị Tỷ-kheo đáp: “Vào thời Phật Ca Diếp, tôi thường tán thán Phật, và ở trong đại chúng tôi thường hoan hỷ diễn nói vô lượng pháp môn, ân cần giáo hóa hết thảy mọi người, nên từ đó về sau tôi được diệu hương từ miệng tỏa ra, đời đời chẳng mất”. Rồi Tỷ-kheo nói kệ rằng:

*Hương thơm các loài hoa,
Chẳng sánh kịp hương này,
Làm đẹp ý người nghe,
Đời đời chẳng tận diệt.*

Lại nói tiếp thêm bài kệ:

*Được danh dự, đoan chánh,
Vui vẻ, người cung kính,
Quang minh tựa mặt trời,
Mọi người đều thương mến.
Biện tài cùng trí huệ,
Đoạn sạch hết kiết sử,
Diệt khổ, chứng Niết bàn,
Đầy đủ mười công đức.*

Nhà vua hỏi: “Tán Phật được quả báo như thế nào?”.

Vị Tỷ-kheo đáp: Tán Phật được 10 công đức sau đây:

- Tán Phật khiến mọi người được nghe Pháp mầu. Bởi công đức này được danh thơm.

- Tán Phật khiến mọi người được hoan hỷ. Bởi công đức này nên được đoan chánh.

- Tán Phật là vì người nói tội phước khiến họ đến được chỗ an lạc. Bởi công đức này nên thường được vui vẻ.

- Tán Phật khiến hết thảy tâm hành đều diệt. Bởi công đức này nên thường được cung kính.

- Tán Phật là biểu hiện sự thuyết pháp, đem ánh sáng trí huệ soi chiếu chúng sanh, đưa họ đến giác ngộ giải thoát. Bởi công đức này nên được quang minh tựa mặt trời.

- Tán Phật đem lại sự an vui cho mọi người. Bởi công đức này nên được mọi người thương mến.

- Tán Phật là khéo diễn nói vô lượng vô biên pháp môn. Bởi công đức này nên được biện tài vô ngại.

- Tán Phật là ở nơi diệu pháp chẳng có lầm lỗi. Bởi công đức này nên được trí huệ sáng suốt.

- Tán Phật khiến tín tâm được thanh tịnh. Bởi công đức này nên đoạn sạch được các phiền não kiết sử.

- Tán Phật khiến các khổ đều tiêu diệt, ví như đám mưa lớn có công năng tiêu diệt sức nóng của lửa. Bởi công đức này nên chứng được Niết bàn.

Nhà vua nghe xong thưa rằng: “Pháp sư thật khéo tán Phật, thật khéo thuyết pháp, độ sanh. Như vậy mới thật là chân Pháp Thí”.

Hỏi: *Giữa Tài thí và Pháp thí, lối bố thí nào hơn?*

Đáp: Phật dạy: “Trong 2 lối bố thí, thì pháp thí là hơn hết”.

Vì sao? Vì Tài thí phải nhờ đến ngoại vật, còn Pháp thí chỉ ở tại tâm. Tài thí chỉ nuôi dưỡng sắc thân người. Pháp thí nuôi dưỡng pháp thân. Bởi vậy nên so sánh 2 lối bố thí thì Pháp thí thắng hơn.

Hỏi: *Vì sao nói “Pháp thí là việc khó làm”?*

Đáp: Thuyết pháp để độ chúng sanh là việc rất khó làm.

Hàng Thanh Văn chỉ độ được mình mà không độ được người. Vì sao? Vì không thuyết pháp đúng với Thật Tướng các pháp.

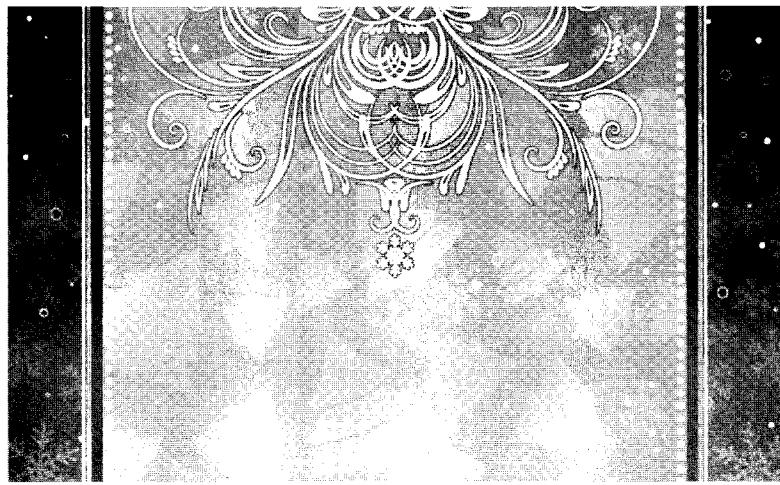
Lại nữa, nhờ hành Pháp thí mà hành giả phân biệt được hữu lậu với vô lậu, rõ được Thật Tướng các pháp, được tâm thanh tịnh, không bị lay chuyển, không bị phá hoại, thẳng tiến đến Phật Đạo.

Hỏi: *Có 4 hạnh xả là Tài Xả, Pháp Xả, Vô Úy Xả và Phiền Não Xả. Vì sao chỉ nói đến Tài Xả và Pháp Xả mà không nói gì đến 2 hạnh xả kia?*

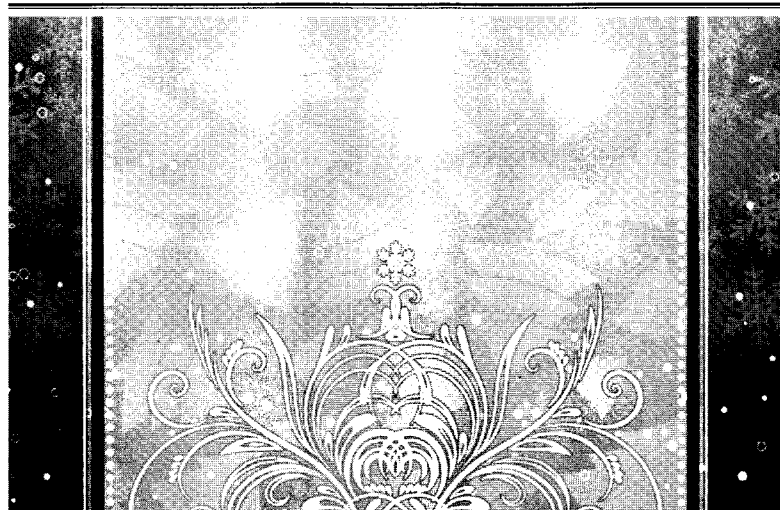
Đáp: Vô Úy Xả cùng với Thi La chẳng khác nhau nên không nói. Hơn nữa, đã có Bát nhã thì chẳng còn có phiền não, tức là đã xả sạch phiền não rồi, nên không nói đến Phiền Não Xả làm gì nữa.

Bởi nhân duyên vậy, nên khi nói đến 6 pháp Ba-la-mật thì chẳng cần phải nói đến 4 hạnh xả nữa, vì ở nơi Bát nhã Ba-la-mật đã đầy đủ cả 4 hạnh xả rồi vậy.

(Hết quyển 11)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 12



Phẩm Thứ Nhất (TIẾP THEO)



D. PHÁP THÍ BA-LA-MẬT (TIẾP THEO)

Hỏi: *Thế nào gọi là Đàn Ba-la-mật?*

Đáp: Đàn đã được giải nghĩa rồi.

Ba-la-mật có nghĩa là đáo bi nạn, tức là qua bờ bên kia.

Bờ bên này là bờ mê, hành giả phải vượt qua sông Ái mới đến được bờ bên kia.

Hỏi: *Thế nào gọi là “Không đến bờ bên kia”?*

Đáp: “Không đến bờ bên kia” có nghĩa là vượt sông Ái nhưng chưa đến được bờ bên kia thì đã vội quay trở về.

Trong kinh có dẫn dụ trường hợp của ngài Xá Lợi Phất như sau: Ngài Xá Lợi Phất tu bố thí trong 60 kiếp. Một hôm ngài gặp một người đến xin bố thí, ngài liền nói “Ông đến xin tài vật của tôi, dẫn đến xin thân của tôi, tôi cũng sẵn sàng cho ông cả”.

Người ấy nói: “Tôi chỉ muốn xin con mắt của ông thôi. Tôi chẳng muốn xin tài vật của ông cũng chẳng muốn xin hết cả thân của ông”.

Ngài Xá Lợi Phất tự móc mắt của mình trao cho người ấy. Vừa cầm con mắt trên tay, người ấy liền vứt ngay xuống đất, lấy chân chà lên. Ngài Xá Lợi Phất tự nghĩ rằng: “Hạng người tệ ác như vậy, ta không thể độ được”. Nghĩ như vậy

rồi, ngài bỏ đại tâm làm lợi tha, trở về Thanh Văn thừa lo phần tự lợi.

Lại nữa, phải nên biết “Bờ bên này là bờ xan tham”, cho nên hành giả phải hành bố thí để làm phương tiện vượt qua sông Ái, đến bờ bên kia, là bờ Giác, là Phật Đạo.

Còn chấp “Hữu - Vô” là còn ở bên bờ bên này; phá được chấp “Hữu - Vô” mới có được Trí huệ dẫn đến bờ bên kia. Cho nên siêng năng tu bố thí là phương tiện hữu hiệu giúp hành giả vượt sông Ái qua đến bờ bên kia vậy.

Lại nữa, có 2 thứ Đàn. Đó là:

- Ma Đàn.

- Phật Đàn.

* Nếu do bị kiết sử, phiền não chi phối mà bố thí thì gọi là Ma Đàn.

* Nếu bố thí với tâm thanh tịnh, không sợ hãi, không hối tiếc, không thối chuyển thì gọi là Phật Đàn, Phật Đàn đưa hành giả đến bờ bên kia.

Trong kinh *Độc Xà Dụ* có kể mẩu chuyện như sau:

Có một ông vua trao cho một tội nhân một hộp đựng 4 con rắn độc, bảo phải chăm sóc, nuôi nấng.

Người ấy quá lo sợ, tự nghĩ rằng “Loài rắn độc nguy hại, chẳng nên nuôi dưỡng làm gì”. Nghĩ như vậy rồi, người ấy bèn vứt bỏ hộp rắn đi, rồi tìm cách chạy trốn.

Nhà vua sai 5 người cầm dao rượt đuổi theo. Đến một nơi đồng trống, người ấy gặp một người hiền khuyên rằng: “Chỗ này nhiều giặc cướp, chắc chắn ngươi sẽ bị sát hại. Ngươi hãy mau mau tìm đến con sông lớn ở đằng xa kia, tìm cách vượt qua bờ bên kia; ngươi sẽ được an lạc thanh tịnh”.

Người ấy nghe xong, lấy 8 khúc cây kết lại thành bè, vượt qua được sông an toàn.

Trong mẩu chuyện này:

- Nhà vua dụ cho Ma vương.
- Hộp đựng 4 rần độc dụ cho thân 4 đại đầy tham dục xấu ác.
- 5 người cầm dao dụ cho 5 ám.
- Nơi đồng trống hoang vắng đầy giặc cướp dụ cho tâm thâm độc, tà ác, chẳng chút phước đức.
- Không nên trú ngụ cho vớt bỏ 6 tình.
- Người hiền dụ cho bậc minh sư.
- Sông lớn dụ cho sông Ái.
- Bè kết thành 8 khúc cây dụ cho 8 Thánh Đạo.
- Bờ bên này dụ cho thế gian.
- Bờ bên kia dụ cho Niết bàn.
- Qua được bờ bên kia là được Vô lậu giải thoát, chứng được Lộ tận A-la-hán.

Bồ tát hành bố thí chẳng chấp “Có ta là người hành thí, có người thọ thí của ta, có vật ta đem ra thí”. Bồ tát, ở nơi cả 3 pháp ấy, được thanh tịnh, vô ngại, được chư Phật tán khen.

Vì sao? Vì khi bố thí mà sanh chấp tâm thì liền đọa vào cảnh giới của ma vậy.

Bồ tát tu Đàn Ba-la-mật và các Ba-la-mật khác đầy đủ, nên đến được bờ bên kia.

Hỏi: *Qua bờ bên kia rồi còn có gì khác nhau nữa chăng?*

Đáp: Tuy cũng qua được bờ bên kia, nhưng cũng có sai khác:

* Nếu qua bờ bên kia, mà chỉ nhằm thoát ly sanh tử, chỉ cầu được vô úy, vô lậu cho riêng chính mình, là chưa có được tâm đại bi, chưa phải vì hết thấy chúng sanh hành bố thí nên chưa được gọi là Đàn Ba-la-mật.

* Nếu qua bờ bên kia nhằm độ thoát hết thấy chúng sanh, vì rõ biết tướng của bố thí thường thanh tịnh, chẳng có sanh, chẳng có diệt, là vô lậu vô vi như tướng của Niết bàn mới thật là Đàn Ba-la-mật.

Lại nữa, bố thí chẳng cùng tận mới gọi là Đàn Ba-la-mật. Vì sao? Vì chúng sanh chẳng cùng tận nên bố thí cũng chẳng cùng tận.

Bồ tát tu đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật qua được bờ bên kia là đầy đủ Đàn Ba-la-mật. Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật thoát ly sanh tử cũng qua bờ bên kia nhưng không được đầy đủ Đàn Ba-la-mật.

Hỏi: *Bố thí như thế nào mới được đầy đủ viên mãn Đàn Ba-la-mật?*

Đáp: Xả thân mạng mà không tiếc, dùng tâm bình đẳng mà bố thí chẳng cầu phước báo, mới gọi là đầy đủ, viên mãn Đàn Ba-la-mật.

Bồ tát từ khi sơ phát tâm đến khi thành Đạo, hành bố thí như vậy nên được đầy đủ viên mãn Đàn Ba-la-mật.

Bồ tát tu đến Đệ Thất Địa, rõ biết Thật Tướng các pháp đem trí huệ giáo hóa chúng sanh, trang nghiêm Phật độ, cúng dường chư Phật khắp 10 phương, lại bố thí đầy đủ các thức ăn uống cho các loài ngạ quỷ, địa ngục, súc sinh khiến cho họ được thiện duyên tiêu trừ các tội lỗi, lại vì hết thấy chúng sanh bố thí pháp, khiến họ sanh tâm hoan hỷ, phát khởi tín tâm, hướng về Phật Đạo.

Trong kinh có chép mẩu chuyện sau đây:

Ở nước Nguyệt Quang có người bị bệnh nặng, đến xin Thái tử cứu chữa. Thái tử hỏi ý kiến vị ngự y: “Bệnh của người này quá nặng phải dùng phương thuốc gì để chữa trị?”.

Vị ngự y thưa: “Chỉ có thể dùng huyết và tủy não mới chữa trị được”.

Thái tử nghe vậy, liền bảo người đồ tể giết mình để lấy huyết và tủy não cho người bệnh, chẳng may luyện tiếc. Như vậy thái tử đã xả bỏ sanh thân, hành bố thí Ba-la-mật để được viên mãn Phật thân.

Hỏi: *Vì sao hành bố thí Ba-la-mật mà được viên mãn pháp thân?*

Đáp: Bồ tát đem đầu, mắt, tủy, não bố thí mà chẳng hề luyện tiếc. Như vậy là đã xả nhục thân để được Vô Sanh Pháp Nhân, cho nên được viên mãn pháp thân.

Trong kinh *Bốn Sanh* có chép các mẩu chuyện sau đây:

* Vào một thời trong quá khứ, đức Phật Thích Ca Mưu Ni khi còn là Bồ tát đã làm thân voi 6 ngàn.

Một hôm, thấy người thợ săn đang chuẩn bị bắn mình, voi cất tiếng hỏi: “Ông muốn bắn tôi để làm gì?”.

Người thợ săn đáp: “Tôi cần lấy ngà”.

Tức thì voi đến sườn núi tự nhổ các ngà để cho người thợ săn, máu chảy ra lênh láng mà vẫn thanh tịnh, chẳng chút sợ hãi, luyện tiếc. Như vậy là Bồ tát bố thí Ba-la-mật để được viên mãn pháp thân.

* Lại có lúc Bồ tát đã làm thân chim để giáo hóa chúng

sanh. Ở một khu rừng nọ, có một thớt voi lớn và một chú khỉ kết bạn tâm giao với nhau.

Hai con vật bèn đến dưới một gốc cây Tát Bát La to lớn, thảo luận để phân định ngôi vị anh em.

Voi nói: “Tôi đã thấy cây Tát Bát La to lớn từ khi nó còn thấp dưới bụng tôi, vậy tôi làm anh”.

Khỉ nói: “Trước đây tôi đã từng ngồi dưới đất vin đọt cây này xuống để vui chơi, vậy tôi phải làm anh”.

Ngay khi đó có một con chim bay qua nói rằng: “Trước đây tôi ở trong rừng ăn quả Tát Bát La, bay ngang qua đây làm rơi hột xuống, do vậy mới có cây Tát Bát La này, cho nên tôi là lớn nhất”. Nghe xong, voi mời khỉ ngồi lên đầu mình, mời chim đậu trên đầu khỉ đi dạo khắp quanh rừng.

Chim, thú trong rừng đều thấy lạ, vây quanh hỏi lý do. Voi đáp rằng: “Đây là phép cung kính cúng dường bậc trưởng thượng”. Chim, thú nghe như vậy đều được giáo hóa, chẳng còn dám sát hại lẫn nhau, chẳng còn dám phá hoại mùa màng nữa.

Dân chúng quanh rừng vui mừng tán thán: “Loài chim, loài thú mà còn biết cung kính nhau, biết tu thiện chẳng còn sát hại lẫn nhau. Thật là điều chưa từng thấy”.

Noi gương tốt của các chim, thú, mọi người trong vùng thương yêu đùm bọc nhau, sống vui vẻ với nhau trong cảnh thanh bình an lạc.

Bồ tát dùng đủ mọi phương tiện thiện xảo, thị hiện sanh trong các loài, hóa tác ra vô lượng tài vật quý báu để bố thí, nhằm giáo hóa chúng sanh và cúng dường chư Phật.

Hành bố thí như vậy là được viên mãn Pháp thân.

Đàn Ba-la-mật có 3 thứ, đó là:

- Vật thí.
- Cung kính thí.
- Pháp thí.

* *Vật thí*: Là đem nội ngoại vật sở hữu của mình mà bố thí cho người khác.

* *Cung kính thí*: Là cung kính lễ bái, cúng dường các bậc mà mình tôn kính.

* *Pháp thí*: Là đem pháp nhiệm màu của Phật, đem những điều đạo đức giảng nói cho người khác nghe, khiến họ trừ được nghi hối và sanh được tín tâm thanh tịnh, hướng về Đạo Giải thoát.

Hỏi: *Dạy 5 giới cho người có phải là pháp thí không?*

Đáp: Bố thí phải hội đủ 3 nhân duyên. Đó là:

- Tín tâm thanh tịnh.
- Tài vật.
- Ruộng phước (phước điền).

* Bố thí với tâm thanh tịnh là bố thí bình đẳng, vừa thương xót chúng sanh, vừa tôn kính các bậc tôn túc có đầy đủ công đức.

Đối với cả hai hạng người này, đều phải cung kính, lân mẫn, trong lúc hành bố thí cúng dường.

* Tài vật thí là bố thí những tài vật của chính mình có, chẳng phải do mình cướp trộm, lường gạt dối trá mà có được...

* Ruộng phước có 2 nghĩa. Đó là:

- Ruộng phước do thương xót (lân mẫn).
- Ruộng phước do cung kính.

Như vậy do thương xót hay cung kính chúng sanh mà trao 5 giới cho họ cũng là một hình thức pháp thí vậy.

Ví như vua A Dục đem đất đai, thành quách cúng dường Phật và chư Tăng là một trường hợp điển hình về tài vật thí. Lại có những người nữ đem chuỗi anh lạc và 7 báu của mình cúng dường tháp Phật Ca Diếp là tín tâm thanh tịnh thí vậy.

Hỏi: *Nếu nói “Đàn là pháp xả tài vật”, thì sao còn nói là pháp “vô sở xả”?*

Đáp: Có hai thứ Đàn. Đó là:

- Thế gian Đàn.
- Xuất Thế gian Đàn.

Xuất Thế gian Đàn là vô tướng, cho nên là pháp vô sở xả.

Tuy thật có tài vật đem bố thí nhưng khi hành bố thí, hành giả không chấp có ta là người hành thí, không chấp có người thọ thí của ta, cũng không chấp có tài vật của ta đem ra để bố thí.

Cả 3 pháp “Người thí, người thọ và vật thí” đều thanh tịnh, đều là bất khả đắc cả.

Bố thí như vậy gọi là pháp vô sở xả, có đại công đức, vì không sanh kiêu mạn, không sanh ái kiết.

Người thế gian dù chẳng còn kiêu mạn, nhưng cũng còn có ái pháp nên khi bố thí chỉ mới xả tài mà chưa có xả thí.

Các bậc Xuất thế gian, do chẳng còn có kiêu mạn, chẳng

còn có ái kiết nên khi hành bố thí vừa xả tài vừa xả thí. Bố thí như vậy mới là pháp xả đầy đủ, là pháp vô sở xả vậy...

Hỏi: *Vì sao nói “Đầy đủ Đàn Ba-la-mật cũng chỉ là danh, cũng là bất khả đắc”?*

Đã nói đến bố thí thì có người thí, có người thọ, có vật thí. Như vậy là đã có nhân duyên, có quả báo bố thí rõ ràng. Sao lại nói chỉ là danh, là bất khả đắc?

Đáp: Đây chỉ là do nhân duyên tạo tác có sai khác, mà khởi phân biệt các danh từ “Thật” hay “Không thật” vậy thôi.

Ví như tấm vải do nhiều sợi vải dệt thành. Khi còn là những sợi vải thì nói tấm vải là “không thật”, khi đã dệt xong thì nói tấm vải là “Thật”.

Lại nữa, nhân duyên tạo tác các vật cũng có thể là “thật có” hay là “không thật có”. Ví như cảnh vật trong mộng, bóng trăng dưới nước đều không có nhân duyên tạo tác. Do phân biệt đối đãi mà nói “trăng trên trời là thật”, “trăng dưới nước là không thật”. Tất cả các pháp ấy đều là giả danh, đều là giả pháp cả. Ví như gắn đối đãi với dài, phương Đông đối đãi với phương Tây v.v... Thật ra “ngắn”, “dài”, “Đông”, “Tây”... đều là bất khả đắc cả.

Các pháp tướng đều chẳng thật có, nên chỉ là danh. Ví như sữa, do sắc, do hương, vị cùng nhiều duyên khác mà thành. Thật sự sữa chỉ là danh, là bất khả đắc, chỉ ví như lông rùa sừng thỏ vậy thôi.

Cũng như tấm lụa do nhiều sợi tơ và nhiều nguyên nhân khác nữa tạo thành. Từ tấm lụa đó, lại phải có thêm nhiều nguyên nhân khác nữa mới tạo thành ra chiếc y. Tất cả tấm lụa, chiếc y đó cũng chỉ là danh, cũng là bất khả đắc cả.

Hỏi: *Hết thấy các sự vật đều do duyên hòa hợp mà có hay sao?*

Đáp: Đến hạt vi trần cũng chẳng thật có, chỉ là gương ép đặt tên, để lập sự tương đãi giữa “tế” và “thô”. Do có thô mà có tế, do có tế mà có thô.

Nếu có “cực vi sắc”, thì đã có “phương phận”. Nhưng đã có phương phận thì chẳng thể gọi là cực vi, trái lại nếu chẳng có phương phận thì chẳng thể là sắc được... Lại nữa, nếu nói có “cực vi” thì cực vi phải có sắc, thanh, hương, vị, xúc; trái lại nếu đã phân biệt có sắc, thanh, hương, vị, xúc thì chẳng thể gọi là “cực vi” được. Xét như vậy thì “vi trần” cũng là bất khả đắc.

Như trong kinh nói “Sắc dù thô, dù tế, dù nội, dù ngoại cũng đều chỉ là danh, đều là bất khả đắc cả. Vì sao? Vì nếu quán sắc là vô thường, vô ngã thì ta không thể nói có vi trần được. Vì nếu ta cứ phá sắc mãi, thì đến tận cùng sắc sẽ trở thành Không”.

Trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

Ở núi Kỳ Xà Quật, nơi thành Vương Xá, một hôm Phật đi kinh hành cùng các vị Tỷ-kheo. Giữa đường gặp một cây lớn, Phật dừng lại, trải tọa cụ ngồi và nói với các Tỷ-kheo rằng: “Này các Tỷ-kheo! Người nhập thiền định được tự tại quán cây này thành đất, nước, gió, lửa v.v...”.

Xem như vậy thì biết rằng cảnh vật bên ngoài là bất định, biến đổi tùy theo tâm niệm của chúng sanh. Ví như một người con gái đẹp, dưới mắt một nhà họa sĩ điêu khắc là một tác phẩm nghệ thuật, nhưng người háo sắc thấy được liền động tâm dục vọng, người đàn bà có máu ghen tuông lại sanh tâm đố kỵ ganh ghét, trong khi đó thì người tu tịnh hạnh lại quán

thấy bất tịnh. Nếu sắc đẹp của người con gái ấy là thuần tịnh thì cả bốn cách quán nêu trên đây đều là bất tịnh cả.

Quán Không cũng như vậy, hành giả quán vạn vật đều là tự tánh Không thì rõ biết hết thấy các sự vật đều là bất khả đắc.

Bởi vậy nên khi hành bố thí, hành giả phải quán “người thí, người thọ và vật thí” đều là tự tánh Không, đều là bất khả đắc cả.

Cũng nên biết rằng sắc thân của ta do 4 đại và hư không hòa hợp tạo thành. Đã có sắc thân thì có cử động, có đi, đứng, nằm, ngồi, có nói năng v.v... Nhưng tâm cầu cái Ta ở nơi mỗi thành phần của sắc thân đều là bất khả đắc cả.

Lại nữa, muốn tâm cầu cái Ta ở nơi 5 âm, 12 nhập, 18 giới thì cũng chỉ là bất khả đắc. Vì sao? Vì có chấp ngã, mới có đủ các danh tự như: nam, nữ, người thí, người thọ, người thọ khổ, người thọ lạc v.v... Tất cả chỉ có danh mà chẳng phải là thật pháp.

Hỏi: *Nếu người thí và người thọ đều là bất khả đắc thì làm sao Bồ tát có thể hành Đàn Ba-la-mật?*

Đáp: Như trên đây đã nói “Do nhân duyên hòa hợp mà có ra các pháp, có người thí, có người thọ, có vật thí v.v... nhưng tất cả chỉ có nơi danh, chẳng phải là thật pháp. Bởi vậy nên bố thí mà chẳng trụ nơi tướng mới là Đàn Ba-la-mật.

Hỏi: *Vì sao nói “Ngã là bất khả đắc”?*

Đáp: Phật dạy “6 thức y chỉ nơi thức A lại da ở bên trong và tương ưng với các duyên ở bên ngoài. Nếu 6 căn cộng duyên với 6 trần thì cả 6 thức ‘nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức’ cùng hiện khởi, nhưng riêng ý thức vì dễ tương ưng với các duyên nên dễ hiện khởi hơn”.

Nếu biết rõ căn, trần và thức cộng duyên sanh pháp là không thật, thì thấy rõ Ngã cũng là không thật có. Được như vậy, tâm tánh sẽ được thanh tịnh, tự tại, chẳng còn trụ chấp các pháp, chẳng còn thấy có Ngã, ngã sở, ngã ái, ngã si, ngã mạn, ngã khô, ngã lạc... Chỉ do thức Mạt-na y vào thức A-lại-da, chấp ngã mà có các ngã tướng đó thôi, thật ra Ngã là bất khả đắc.

Hỏi: *Mỗi người đều có tự thân. Như vậy vì sao nói “trong Vô ngã mà lại có Ngã” được?*

Đã nói là Vô ngã thì làm sao ở hiện tại mỗi người đều có thức sanh diệt. Đến khi mạng sống dứt thì thức sanh diệt cũng dứt luôn. Lúc bấy giờ thì tội phước cũng dứt luôn hay sao? Nếu như vậy thì ai thọ khổ, ai thọ lạc, ai bị đọa, ai giải thoát? Đã có các nhân duyên như vậy thì vì sao lại nói “không có ngã”?

Đáp: Thân do nhân duyên 5 ấm sanh, nên là tự tánh không, là bất khả đắc nên nói là Vô ngã vậy.

Chúng sanh đắm chìm trong vô minh chẳng biết thân mình do 5 ấm duyên sanh, nên chấp 5 ấm là Ngã, rồi tự nơi thân khởi sanh đủ thứ ngã kiến.

Trong kinh có chép mẩu chuyện sau đây:

Có một người đi lạc đường phải vào ngủ trong một căn nhà hoang vắng. Đêm đến, người ấy trông thấy một con quỷ đem một xác chết đến, rồi lại trông thấy một con quỷ khác chạy đuổi theo quát lớn rằng: “Thức ăn của ta, có sao người lại lấy mang đi?”.

Hai con quỷ tranh nhau, xé banh thân chết, ăn 2 tay, 2 chân rồi ăn luôn cả thân mình. Ăn xong, cả hai con quỷ đều bỏ đi.

Người nằm trong nhà thấy tận mắt cảnh 2 con quỷ xé xác người chết, run sợ đến cuồng trí.

Ngày hôm sau trở về nước, gặp Phật và chư Tăng người ấy thưa rằng: “Thân tôi có thật có chẳng?”.

Một vị Tỷ-kheo hỏi: “Ông có phải thật là người chẳng?”.

Người ấy đáp: “Tôi cũng chẳng tự biết tôi có phải là người hay không phải là người nữa”.

Vị Tỷ-kheo nói: “Thân ông từ xưa đến nay vốn chẳng có tự ngã. Thân ông chỉ do 4 đại hòa hợp tạo thành mà ông vọng chấp là thân của ông”.

Rồi vị Tỷ-kheo thuyết pháp, độ người ấy sạch các phiền não và vào được Đạo.

Cho nên biết “sắc tướng” và “phi sắc tướng” là bất khả đắc. Nếu đã có tướng là có pháp. Nếu không có tướng là “vô pháp”. Do vậy mà biết các pháp đều là tự tướng Không. Biết như vậy rồi thì chẳng còn chấp pháp, dẫn đến chẳng còn chấp các tội phước, chẳng có ai thọ khổ, chẳng có ai thọ lạc, chẳng có ai bị đọa, chẳng có ai giải thoát cả.

Hỏi: *Tự sát có phạm tội sát sanh không? Vì sao trong bộ Tỳ Ni lại nói “Tự sát không phạm tội sát”?*

Đáp: Tội phước từ nơi chỗ làm phiền não người khác hay làm lợi ích cho người khác mà sanh ra. Bởi vậy nên trong bộ Tỳ Ni nói “Tự sát không phạm tội sát” vậy.

Hỏi: *Thần có thường có khắp trong 5 đạo chúng sanh không?*

Đáp: Nếu có sanh, có tử thì không thể nói “thần là thường”. Vì sao? Vì nếu thần là thường, không biến đổi, thì

chẳng có khổ lạc, có tội phước. Lại, nếu thần là thường thì phải như hư không, đời nay cũng không, đời sau cũng không. Vì đời có khổ lạc, có biến đổi, có nhớ quên, có còn mất, có sanh diệt... nên không thể nói thường có Thần, thường có Ngã được. Như vậy có rất nhiều nhân duyên cho biết, thần chẳng phải thường còn. Nếu thần là thường còn thì chẳng có tội, chẳng có phước.

Lại nữa, nếu thân là vô thường thì thần cũng vô thường.

Mặt khác, nếu nói cả thân lẫn thần đều đoạn diệt thì cũng vẫn có đời sau thọ quả báo, tội phước. Vì sao? Vì nếu đoạn diệt mà chúng được Niết bàn thì ở đời này chẳng cần phải đoạn kiết sử, và sự chứng đắc Niết bàn cũng chẳng phải do nhân duyên tội phước.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói “thần chẳng thường, chẳng phải vô thường”.

Lại nữa, nếu thần mà tự tại thì chúng sanh chẳng sợ đọa vào các đường ác do các việc làm ác độc của mình gây ra, cũng chẳng có thọ khổ, thọ lạc nữa. Thế nhưng vì chúng sanh có thọ khổ, có thọ lạc, do các nhân duyên tội phước gây ra. Bởi các nhân duyên vậy, nên nói “thần chẳng có tự tại”.

Hỏi: *Nếu nói “thần không tự tại” thì chẳng có thần tướng hay sao?*

Đáp: Có người nói “thần ở tại tâm, nhỏ như vi trần”. Không thể nói như vậy được. Vì sao? Vì dù nhỏ như vi trần, thần tướng cũng chỉ là sắc tướng. Sắc do 4 đại hòa hợp tạo ra, là vô thường. Nếu thần là sắc thì thần cũng vô thường nên chẳng có tự tại.

Hỏi: *Vì sao lại không phân biệt hai thứ thần: Thân thần và*

tế thần? Tho thân là vô thường nhưng còn tế thần vào được trong 5 đạo chúng sanh. Như vậy sao lại nói “tế thần là vô thường” được?

Đáp: Cũng không thể nói như vậy được. Vì sao? Vì nếu nói rằng “tế thần vào trong 5 đạo chúng sanh”, thì phải có xứ sở mà 5 Đạo chúng sanh chẳng có xứ sở nên tế thần là bất khả đắc vậy.

Hỏi: *Tế thần quá vi tế, khi một chúng sanh vừa mới chết thì tế thần liền rời khỏi sắc thân. Tế thần không nhiếp về 6 tình nên chẳng có thể thấy, chẳng có thể biết được. Chỉ có các bậc Thánh mới có thể thấy, có thể biết được. Như vậy sao lại nói tế thần là bất khả đắc?*

Đáp: Cũng không thể nói như vậy được. Vì sao? Vì người chết bỏ thân này, liền nhập vào thân trung ấm, khi tái sanh lại bỏ thân trung ấm, nhập vào một thân khác ở đời sau. Ví như ấn xuống bùn, dấu ấn vừa hiện liền mất, chỉ một thời, chẳng có trước sau. Thân trước diệt, thọ thân trung ấm, rồi xả thân trung ấm để thọ thân sau. Ví như cây đèn sáng do tim đèn cháy tương tục, nối tiếp luôn không dứt, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn vậy.

Phật dạy: “Hết thảy sắc ấm chẳng có 3 thời, chẳng có nội ngoại, chẳng có thô tế, tất cả đều là vô thường”.

Như vậy, dù các nhân duyên cho thấy rằng, thân dù “thô”, dù “tế”, dù “sắc tướng”, dù “vô sắc tướng”, cũng đều là vô thường, là đoạn diệt, là không tự tại.

Lại nữa, thân chẳng phải là sắc dù chỉ là vi tế sắc, vì tầm cầu thân ở cả 3 đời và khắp 10 phương thì thân cũng là bất khả đắc.

Do 12 nhân duyên hòa hợp mà có 6 căn, 6 trần, 6 thức, các tâm sở pháp đều do lực vô minh tạo thành. Chỉ do thân

kiến mà khởi chấp có thân, dẫn đến có thọ khổ. Nếu thấy rõ được Khổ Đế thì đoạn được thân kiến, được Khổ Pháp Trí và Khổ Tỷ Trí. Khi đã đoạn được thân kiến rồi, thì cũng diệt chấp về thân, nên nói “thần là bất khả đắc” vậy.

Do có ý thức mà biết có sắc, có sanh, có diệt. Sanh tương tục, diệt cũng tương tục, trong sanh có diệt, trong diệt có sanh. Thế nhưng phàm phu chẳng nhận biết sự tương tục của sanh diệt mà cứ chấp có pháp sanh diệt. Sở dĩ khởi chấp như vậy là do niệm tưởng, mà niệm tưởng là pháp hữu vi. Mặc dù “diệt” đã lùi về quá khứ mà niệm tưởng vẫn còn ghi nhớ.

Các bậc Thánh, do sức trí tuệ, rõ biết các sự việc ở quá khứ cũng như ở vị lai, rõ biết nhận thức trước tương tục sanh nhận thức sau. Khi nhận thức đã có lực rồi, thì dù sắc chỉ tạm có mà niệm lực vẫn có thể biết được các sự việc, dù niệm niệm vô thường mà niệm lực vẫn có thể phân biệt được sắc.

Người sống chết do nhân duyên nghiệp lực tương tục sanh khởi, ví như ngọn đèn cháy do nhân duyên dầu được tương tục thấm vào tim đèn vậy.

Cũng như do các nhân duyên như hạt giống, đất, nước, công cày xới đất... mà lúa ở mùa trước được tương tục truyền thừa đến các mùa lúa sau. Các nghiệp lực hữu lậu do thân đời trước tạo ra, là hạt giống không có thể đoạn hoại, tạo ra nghiệp thân đời sau. Tuy nhiên, nếu đoạn được hết các kiết sử thì thân tâm sẽ được giải thoát, cũng như triệt nguồn nước thì hạt giống lúa sẽ không nảy mầm, chắc chắn sẽ không còn có cây lúa lưu truyền đến các đời sau. Thân dù có mang nghiệp, nhưng sẽ không có dòng nước Ái nhuận sanh thì chắc chắn không thể dẫn sanh thân sau được nữa. Được như vậy là được giải thoát khỏi vô minh. Sau đó phải được Trí huệ Giải thoát nữa, mới thật hoàn toàn giải thoát.

Vậy nên chẳng nên chấp có thân, vì có thân cũng là vô dụng.

Lại nữa, do danh sắc hòa hợp mà giả danh có người. Người bị các kiết sử trói buộc vào thân hữu lậu. Khi tu được Vô Lậu Trí thì giải thoát được các kiết sử gọi là được giải thoát.

Cũng như buộc dây và cởi dây. Buộc dây dụ cho kiết sử, nếu đoạn được kiết sử là cởi được dây trói buộc thân tâm, là được giải thoát. Người có mang “Danh” và “Sắc” nên có tội phước, có thọ các quả báo, ví như xe tải có chở hàng hóa nên phải thọ các khoản tiền thuê bao. Thân người là xe tải chuyên chở “danh” và “sắc”, tạo ra các tội phước để thọ lấy các quả báo khổ lạc...

Như vậy, dù các nhân duyên cho thấy rõ thân người là bất khả đắc. Thân đã bất khả đắc thì người thí, người thọ cũng đều bất khả đắc.

Hỏi: *Phật đã dạy: “Thật Tướng các pháp là vô sanh, vô tác”, thì cần gì phải minh định rằng: “Người thí, người thọ và vật thí đều là thanh tịnh, là bất khả đắc” làm gì nữa?*

Đáp: Phạm phu điên đảo chấp có người thí, người thọ và vật thí. Còn Bồ tát hành Thật Đạo được thật quả báo nên thấy rõ cả 3 pháp “người thí, người thọ và vật thí” đều thanh tịnh, đều bất khả đắc, làm sáng tỏ lời dạy của Phật nói: “Thật Tướng các pháp là vô sanh, vô tác”. Vì sao? Vì hết thảy các pháp đều là tự tánh Không. Bồ thí như vậy là đầy đủ Đàn Ba-la-mật.

Nên biết bố thí có 3 bậc: Hạ, Trung, Thượng

- Dem tài vật ra bố thí chỉ là bố thí bậc Hạ.
- Dem tài vật và Pháp ra bố thí chỉ là bố thí bậc Trung.

- Đem tài vật, thân mạng và Pháp ra bố thí tương tục với tâm không thối chuyển mới là bố thí bậc thượng.

Ví như trường hợp đức Phật Thích Ca Muru Ni, khi còn là Bồ tát sơ phát tâm, làm vị Quốc Vương hiệu là Quang Minh, nhất tâm cầu Phật Đạo, hành bố thí rồi chuyển thân làm người thợ đồ gốm, cúng dường đức Phật Thích Ca Văn cùng các Tỷ-kheo rồi chuyển thân làm con ông Trưởng giả, đem đèn cúng dường đức Phật Kiều Trần Như. Như vậy chỉ là bố thí bậc Hạ.

Lại nữa, đức Phật Thích Ca Muru Ni khi còn là Bồ tát đã một thời làm con trai ông Trưởng giả cúng dường Phật Đại Âm Thanh, khi vị Phật này diệt độ lại xây tháp cao 90 tầng, rồi lại chuyển thân làm một vị Đại Quốc Vương, dùng 7 báu cúng dường đức Phật Sư Tử. Rồi lại chuyển thân làm vị trưởng giả, đem phòng xá, 7 báu cúng dường đức Phật Đức Diệu. Như vậy cũng chỉ là bố thí bậc Trung.

Lại nữa, đức Phật Thích Ca Muru Ni khi còn là Bồ tát đã một thời làm vị Tiên nhân, thấy đức Phật Kiều Trần Như đoan chánh, thù diệu nên chẳng tiếc thân mạng, từ trên cao nhảy xuống đến trước mặt Phật lễ lạy. Tâm được an ổn rồi về sau lại lấy thân mình làm đèn cúng dường đức Phật Nhật Nguyệt Quang Đức. Như vậy mới là bố thí bậc Thượng.

Hỏi: Thế nào gọi là bố thí dẫn sanh Thi la Ba-la-mật?

Đáp: Chúng sanh vì không biết bố thí nên đời sau sanh bần cùng, vì bần cùng nên sanh trộm cướp, quen trộm cướp sẽ dẫn đến tội sát. Bần cùng là do không được đầy đủ nơi sắc thân, vì chẳng đầy đủ nên làm các điều phạm pháp. Lại nữa, bần cùng làm cho người trở nên hạ tiện, vì hạ tiện nên sanh sợ hãi, dẫn đến vọng ngữ v.v...

Như vậy, do nhân duyên bản cùng mà sanh ra 10 “Bất Thiện Đạo”. Nếu biết tu hạnh bố thí thì đời sau thoát khỏi cảnh bản cùng, được giàu có đầy đủ thì dễ giữ mình, khó bị cám dỗ vào con đường phạm pháp.

Trong kinh *Bốn Sanh* có chép mẫu chuyện về Đề Bà Đạt Đa như sau:

Ở một kiếp trước, Đề Bà Đạt Đa làm thân con rắn, cùng với một con rùa kết bạn tâm giao. Gặp ngày nắng hạn khô cạn, cả hai, rắn và rùa đều bị đói khát, khốn khổ. Rắn bảo rùa hãy gọi con ốc đến bàn kế hoạch.

Ốc biết rõ ác tâm của rắn nên đã làm bài kệ nói với rùa để nhắn gởi đến rắn:

*Do bản cùng đánh mất bản tâm,
 Vì miếng ăn quên cả tình nghĩa.
 Ngươi hãy chuyển lời ta đến rắn
 Ốc trời đây, chẳng đại nạt thân.*

Như vậy, do nhân duyên đời nay hành bố thí mà đời sau thoát cảnh bản cùng túng thiếu, được giàu có đầy đủ, khiến giữ được mình, không làm các điều ác, lại có đủ thuận duyên để hành trì giới luật. Bởi vậy nên nói “Bố thí dẫn sanh Thi la Ba-la-mật”.

Mặt khác, bố thí có công năng phá được các kiết sử, khiến tâm trì giới được kiên cố hơn lên. Do nhân duyên bố thí mà sanh được tịnh giới, nên nói “Bố thí dẫn sanh Thi la Ba-la-mật”.

Hơn nữa, hành bố thí, thường phát xuất từ tâm từ bi. Do có tâm từ bi đối với người thọ thí nên không sanh kiêu mạn, không sanh sân nhuế, khiến tâm trở nên nhẫn nhục, nhu hòa,

thuận lợi cho việc hành trì tịnh giới, nên nói “bồ thí dẫn sanh Thi la Ba-la-mật”.

Trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi trong một kiếp trước làm vị Tỷ-kheo. Một hôm, vào thành khát thực, ngài gặp một em bé chạy theo xin khi ngài vừa khát đây bát. Ngài lấy tay bốc 2 nắm thức ăn đưa cho em bé và nói với em rằng: “Nếu người chỉ ăn một nắm, còn một nắm cúng dường chư Tăng thì ta sẽ cho người”.

Em bé làm y theo lời dạy. Rồi lớn lên, em bé ấy đến xin thọ giới với ngài Văn Thù, xin được “làm Phật”.

Vậy, nhân duyên “bồ thí khiến phát tâm làm Phật” nên nói “bồ thí dẫn sanh Thi la Ba-la-mật”.

Bồ thí còn được quả báu gặp thầy bạn tốt, nhắc nhở mình thọ trì giới luật, không làm các điều ác, nên nói “bồ thí dẫn sanh Thi la Ba-la-mật”.

Hỏi: *Thế nào là bồ thí “dẫn sanh Săn đề Ba-la-mật”?*

Đáp: Khi bồ thí mà Bồ tát gặp người thọ thí mắng nhiếc, đòi phải cho nhiều hơn, thì Bồ tát tự nghĩ: “Ta nay bồ thí cầu Phật Đạo, chẳng nên sân nhuế, Ta phải hành nhẫn nhục”. Như vậy là “bồ thí dẫn sanh Săn đề Ba-la-mật”.

Lại nữa, nếu người thọ thí nổi sân hơn, rồi đánh đập gây thương tích, thì Bồ tát tự nghĩ rằng: “Ta bồ thí cầu Phật Đạo, cả nội tâm lẫn ngoại vật cũng chẳng luyến tiếc. Sao ta chẳng có thể nhẫn nhục chịu đựng sự hành hung của người ấy”. Như vậy là “bồ thí dẫn sanh Săn đề Ba-la-mật”.

Trong kinh có chép biết bao nhiêu chuyện về Bồ tát bồ thí cả thân mạng mình, chẳng hề luyến tiếc chứng tỏ “Bồ thí dẫn sanh Săn đề Ba-la-mật”.

Hỏi: *Thế nào là bố thí “dân sanh Tỳ lê gia Ba-la-mật”?*

Đáp: Bồ tát thường tinh tấn hành bố thí, nghĩ rằng: “Mình từ sơ phát tâm đến nay, chưa có đầy đủ công đức, nên nguyện bố thí hết thầy chúng sanh, tinh tấn hành Tài thí lẫn Pháp thí”.

Trong kinh *Bốn Sanh* có chép mẩu chuyện sau đây:

Đức Phật Thích Ca Muru Ni khi còn là Bồ tát, làm một vị thầy thuốc nổi tiếng, nguyện chữa bệnh cho chúng sanh mà chẳng cầu danh lợi.

Số người bệnh đến xin thuốc quá nhiều chẳng sao chữa trị hết, nên Bồ tát buồn rầu mà chết, sanh lên cõi trời Đao Lợi. Ở đây, Bồ tát lại tự nghĩ: “Ta nay ở cõi Trời sung sướng, nhưng chẳng ích gì cho chúng sanh”. Nghĩ như vậy Bồ tát lại tự diệt thân mình, xả thọ mạng ở cõi Trời, sanh làm thái tử của Long Vương.

Thái tử được cha mẹ cung chiều, nhưng cũng vẫn buồn rầu vì chẳng làm được lợi ích gì cho chúng sanh cả. Một hôm, Thái tử bỏ cung đi dạo chơi, gặp chim Kim Sí Điều bắt ăn thịt.

Chết đi, lại tái sanh làm Thái tử của một vị Đại vương ở cõi Diêm Phù Đề. Vừa mới sanh, Thái tử đã nói rằng: “Ai có gì hãy mang ra để ta hành bố thí”. Bởi vậy nên vua cha đặt tên Thái tử là Năng Thí. Thấy quần thần sợ hãi, Thái tử nói với Hoàng hậu rằng: “Đời trước con vẫn thường hành bố thí”. Sau khi nghe Hoàng hậu thuật lại đầu đuôi câu chuyện, mọi người mới hết sợ hãi.

Thế rồi Thái tử lớn lên, tinh tấn hành bố thí, có được vật gì là đem ra bố thí sạch. Thái tử xin vua cha đủ thứ vật báu đem ra bố thí. Nhưng vì thấy người cõi Diêm Phù Đề quá cơ cực, chẳng sao có đủ để bố thí, Thái tử bèn bật lên khóc thảm

thiết, than: “Nhân dân quá cơ cực, ta biết làm cách nào để đem lại sự no ấm cho họ”.

Có người mách: “Nếu tìm được Như Ý Bảo Châu thì sẽ có đầy đủ”.

Thái tử xin Phụ vương và Mẫu hậu vào biển cả để tìm Như Ý Bảo Châu ở trên đầu Long Vương.

Nhà vua than rằng: “Ta chỉ có một mình con thôi, nếu con xông pha vào biển cả, gặp tai nạn thì làm sao ta có thể sống được! Trong kho còn nhiều lương thực và vật quý, con được phép tự do lấy ra để bố thí”.

Thái tử thưa: “Vật trong kho thì có hạn, vậy mà sự bố thí của con vô lượng. Con muốn có tài vật đầy đủ để bố thí, khiến chẳng người nào còn thiếu thốn cả”.

Vua và Hoàng hậu biết con đã quyết tâm, chẳng gì có thể ngăn cản được nữa, bèn cho 500 người lái buôn tháp tùng theo Thái tử.

Thái tử hỏi: “Trong số các người có ai biết đường đến Long Cung?”. Tất cả đều quay về phía một người mù tên là Đà Xá, và nói: “Người này đã từng ra biển khơi, xin Thái tử cứ yên tâm để Đà Xá dẫn đi”.

Đà Xá trả lời: “Tôi đã ra biển khơi nhiều lần, nhưng nay tôi đã bị mù làm sao dẫn đường cho Thái tử được”.

Tuy nhiên, trước sự quyết tâm của Thái tử, Đà Xá nhận lời và nói: “Nếu vì một lý do gì mà tôi chết dưới biển sâu, xin Thái tử hãy để tử thi của tôi ở vùng Kim Sa dưới đáy biển”.

Nói xong, Đà Xá cùng Thái tử và đoàn tùy tùng lên thuyền ra khơi, rồi buộc dây vào mạn thuyền để lặn sâu xuống tận đáy biển. Sau khi lấy được rất nhiều ngọc quý, đoàn lái buôn

vui mừng mời Thái tử lên thuyền để cùng họ trở về nước. Thái tử nói: “Ta chỉ muốn có Như Ý Bảo Châu, mà chẳng cần đến các thứ ngọc này. Các người hãy mang về, nhưng đừng có ham lấy nhiều quá mà thuyền chìm nghe!”.

Sau khi các lái buôn đã mang ngọc cất vào khoang thuyền rồi, Thái tử và Đà Xá cùng lên thuyền để tiễn họ đi một đoạn. Thuyền chạy qua vùng biển Nam Hải, đột nhiên gió lốc nổi lên đưa thuyền dạt vào một nơi nguy hiểm, nơi đó có rùng táo chìm sâu dưới nước. Gió thổi quá mạnh, thuyền sắp chìm. Ai nấy đều sợ hãi, ôm chầm lấy các cột cây táo cầu được cứu sống.

Lúc bấy giờ, Đà Xá nói: “Xin cứ yên tâm, Thái tử cùng mọi người sẽ được cứu thoát, còn tôi đui mù, chẳng còn sống được bao nhiêu nữa, tôi sẽ chết nơi đây. Cách đây không xa là vùng Kim Sa Châu, xin Thái tử hãy để thân của tôi ở đó. Được như vậy tôi mãn nguyện lắm rồi”.

Đà Xá nói xong thì thuyền ra khỏi chỗ nguy hiểm, nhưng vì quá kiệt sức, ông đã trút hơi thở cuối cùng. Thái tử từ giã đoàn lái buôn, ở lại lo chôn cất xác Đà Xá ở vùng Kim Sa Châu, rồi một mình lặn sâu xuống biển tự tìm đường đến Long Cung.

Đi được 7 ngày, thấy hoa sen báu thanh khiết, Thái tử bèn ngồi lên một hoa sen, nhập vào Định Tam Muội, cảm thấy thân mình nhẹ nhàng.

Đi thêm 7 ngày nữa, Thái tử thấy toàn rắn độc ghê rợn, bèn nhập Từ Tâm Tam Muội, tự tại đi trên đầu rắn, mà tất cả rắn đều ngoan ngoãn cúi đầu để Thái tử đi lên trên.

Đi thêm 7 ngày nữa, Thái tử thấy có 7 thành, thấy có hồ sâu bao quanh, trong các hồ có rắn độc, lại có 2 con rồng lớn

canh cửa thành. Thấy tướng của Thái tử đẹp đẽ đoan nghiêm, hai con rồng tự nghĩ rằng: “Người này ắt chẳng phải hạng người thường, mà phải là một vị Bồ tát, mới có thể vượt gian nguy đến được nơi này”.

Nghĩ như vậy rồi, rồng đưa Thái tử vào bái yết Long Vương.

Vừa thấy Thái tử, Long Vương và Hoàng hậu bật lên khóc. Vì có thần thông nên 2 ngài biết Thái tử trước đây là con của mình.

Long Vương hỏi: “Người trước đây là con của ta, khi mạng chung sanh về đâu?”.

Thái tử có Túc Mạng thông nên đáp: “Con được sanh lên cõi Diêm Phù Đề, làm Thái tử của một vị Đại vương. Vì thấy chúng sanh quá đói khát, nên con mới xuống tận đây để cầu xin Như Ý bảo Châu”.

Long mẫu nói: “Trên đầu cha con có Như Ý Bảo Châu để trang sức, thật khó lấy cho con vậy. Con hãy vào kho lấy bao nhiêu tùy ý”.

Thái tử đáp: “Con xin được Như Ý Bảo Châu mới mãn nguyện”.

Long Vương vì quá thương con nên bằng lòng thỏa mãn yêu cầu của Thái tử. Ngài nói với Thái tử rằng: “Ta có thể trao cho con Như Ý bảo Châu này. Nhưng người cõi Diêm Phù Đề bạc phước làm sao có thể thấy được”.

Thái tử nói: “Con vì chúng sanh bạc phước nên mới đến đây tìm Như Ý bảo Châu. Con sẽ dùng Phật Đạo để giáo huấn họ”.

Long Vương nói: “Con đã chẳng quản ngại gian lao, từ

nơi xa đến được nơi này. Cha cảm kích lòng đại từ, đại bi của con, bằng lòng cho con mượn Bảo Châu này. Nhưng con phải hứa trả lại cho cha”.

Thái tử đáp: “Con xin y theo lời cha dặn”.

Thái tử được Như Ý bảo Châu rồi liền bay giữa cõi không trung trở về cõi Diêm Phù Đề. Vua cha và Hoàng hậu thấy con về mừng rỡ, ôm con khóc nói rằng: “Con quá gian khổ như vậy, có được gì không?”.

Thái tử đáp: “Con đã được Như Ý bảo Châu đem về đây rồi”. Nói xong đưa viên Bảo Châu cho cha mẹ xem. Nhà vua thấy ngọc bé nhỏ, hỏi: “Sao viên ngọc bé nhỏ thế con?” Thái tử đáp: “Tuy nhỏ mà có thần lực rất lớn”.

Ngày hôm sau Thái tử xin vua truyền dân chúng khắp nơi phải quét dọn sạch sẽ, đốt hương, treo tràng phan, treo bảo cái, kết hoa, lại khuyến trì trai giữ giới. Rồi Thái tử dùng một chiếc gậy lớn đặt viên Như Ý Bảo Châu lên trên và thệ nguyện: “Con nay vì Phật Đạo, muốn độ thoát hết thảy chúng sanh, xin Như Ý Bảo Châu hóa tác ra nhiều vật dụng quý giá cho con bố thí được đầy đủ”.

Lúc bấy giờ, trên trời mây đen liền che kín, mưa đổ xuống đủ thứ vật cần dùng, khiến hết thảy chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề đều được hưởng đầy đủ.

Như vậy gọi là Bồ tát bố thí “dẫn sanh Tỳ lê gia Ba-la-mật”.

Hỏi: Thế nào gọi là “bố thí “dẫn sanh Thiên na Ba-la-mật”?

Đáp: Bồ tát khi bố thí trừ được tâm xan tham, được nhất tâm, lần lần trừ được 5 ám, 5 triền cái. Như vậy là bố thí “dẫn sanh Thiên na Ba-la-mật”.

Lại nữa, nhất tâm hành bố thí giúp hành giả vào được Sơ

Thiên, dẫn đến vào được Diệt Định Thiên Tam Muội. Vì sao vậy? Vì khi nhất tâm bố thí, hành giả cũng nhất tâm tư duy thiên định. Ví như thấy người bần cùng, hành giả tư duy về người ấy đời trước chẳng có tu phước, nên đời nay mới chịu cảnh bần cùng. Tư duy như vậy nên hành giả nhất tâm nhập vào thiên định.

Trong kinh có chép mẩu chuyện sau đây:

Đời xưa có một ông vua lập một cung điện bằng 7 báu, nhưng nghĩ rằng: “Ta chẳng nên vội vào trong cung điện này. Ta phải nên cúng dường chư vị Sa môn, Bà-la-môn trước đã, rồi sau đó ta mới được hưởng dụng”.

Khi nhà vua vào trong cung điện 7 báu này, thì 6 căn duyên 6 trần thọ hỷ lạc, nhiếp 6 tình vào được Sơ Thiên. Lại vừa bước lên đến Điện Bạc là vào đến Nhị Thiên, bước lên đến Điện Lưu Ly, ngôi tòa Lưu Ly là vào được Tam Thiên, bước lên đến Điện Pha Lê, ngôi sàn Pha Lê là vào được Tứ Thiên. Ngồi như vậy mà tư duy suốt 3 tháng.

Trong cung có Ngọc Nữ Bảo Hậu cùng 8 vạn 4 ngàn thế nữ. Vua bảo các thế nữ rằng: “Các người hãy nên đoạn tâm ái, làm thiện tri thức của ta. Chớ nên vì ta mà oán Ngọc Nữ Bảo Hậu”.

Hoàng hậu sa nước mắt, râu với vua rằng: “Sao Đại vương lại vì tôi mà chẳng vì các thế nữ? Như vậy là chẳng có bình đẳng”.

Nhà vua đáp: “Nếu để các thế nữ tiếp tục cộng hành dục lạc với ta, mà bà nghĩ là ta được vui, thì đó là bà làm hại ta. Những ai ngộ được lý vô thường, biết rõ thân là như huyễn, lo tu phước, lo làm điều thiện, tuyệt diệt tình ái mới thật là thiện tri thức của ta”.

Ngọc Nữ Bảo Hậu thưa rằng: “Xin làm theo tôn ý của Đại vương”.

Liên sau đó Ngọc Nữ Bảo Hậu truyền tập họp các thế nữ khuyên tất cả nên rời khỏi cung.

Các thế nữ rời khỏi cung rồi, nhà vua bước lên Điện Bạc, ngồi Sàn Bạc nhập Từ Tam Muội, bước lên Điện Vàng, ngồi Sàn Vàng, nhập Bi Tam Muội, bước lên Điện Lưu Ly, ngồi Sàn Lưu Ly nhập Hỷ Tam Muội, bước lên Điện Pha Lê, ngồi Sàn Pha Lê, nhập Xả Tam Muội.

Như vậy gọi là Bồ tát bố thí “dẫn sanh Thiên na Ba-la-mật.

Hỏi: Thế nào gọi là “bố thí dẫn sanh Bát nhã Ba-la-mật”?

Đáp: Khi bố thí Bồ tát biết rõ các quả báo của bố thí, như do bố thí mà phá tan được các tà kiến vô minh. Như vậy gọi là “bố thí dẫn sanh Bát nhã Ba-la-mật”.

Lại nữa, do bố thí mà Bồ tát rõ biết được người có tri giới, người không tri giới. Bồ tát biết người không có tri giới thường làm các việc ác, mà có làm bố thí thì sau khi chết đi, tuy sanh làm thân trâu ngựa, tuy phải bị chở nặng, tuy bị đánh đập bằng roi, tuy bị người cỡi... nhưng vẫn có thể được sanh vào nhà tốt, được ăn uống đầy đủ. Bồ tát cũng biết người có tâm sân nhuế, siểm khúc mà thường làm bố thí, thì sau khi chết tuy phải đọa làm thân rồng, nhưng vẫn được cung điện, được 7 báu, được ăn ngon, hưởng dục lạc. Bồ tát cũng biết người làm quan, hà hiếp dân lành, nhưng lại lấy tài vật của họ đem ra bố thí, thì sau khi chết, tuy bị đọa làm thân Kim Sí Điều, nhưng vẫn được tự tại vẫn có được bảo châu. Bồ tát cũng biết người do uống rượu thường sân hận với người khác, mà có bố thí thì sau khi chết tuy bị đọa làm thân quỷ Dạ xoa, nhưng vẫn được ăn uống đầy đủ, được nghe âm

nhạc. Bồ tát cũng biết người bỏ thí xe ngựa, các phương tiện chuyển vận, thì dù có tánh xấu mà do làm bố thí, thì sau khi chết tuy bị đọa làm thân Phi Hành Dạ xoa, nhưng vẫn có đại lực, đi nhanh như gió thổi. Bồ tát cũng biết người có tâm tật đố, ưa tranh cãi nhưng có đem phòng xá, y phục, các thứ ăn uống ra bố thí, thì sau khi chết tuy bị đọa làm thân Hư Không Dạ xoa nhưng vẫn có đủ các vật dụng cần dùng.

Cũng do bố thí mà Bồ tát rõ biết: Người bố thí thức ăn sẽ được sắc mặt vui vẻ, người bố thí đồ mặc sẽ được đoan chánh, an lạc, người bố thí nhà cửa, cung điện sẽ tự nhiên có 5 dục lạc, người bố thí hồ nước, giếng nước, ao hồ, sông suối sẽ khỏi lâm vào cảnh đói khát, có đầy đủ 5 dục lạc, người bố thí cầu cống, đường sá, giày dép sẽ được xe ngựa đầy đủ, người bố thí đất đai ruộng vườn sẽ được phú quý, đoan chánh, an lạc.

Cũng do bố thí mà Bồ tát rõ biết: Người thường bố thí tu phước đức, dù có tạo nghiệp hữu vi không tốt cũng sẽ được sanh lên cõi trời Tứ Thiên vương, người bố thí cúng dường, cung phụng cha mẹ, bà con thân thích lại chẳng khởi sân hận, chẳng ưa tranh cãi sẽ được sinh lên cõi trời Đạo Lợi thiên, Đâu Suất Đà thiên, Dạ Ma thiên, Tụ Tại thiên...

Cũng do nhân duyên bố thí mà Bồ tát rõ biết: Bố thí với tâm không nhiễm trước, tâm nhằm chán thế gian, tâm cầu vui Niết bàn, là pháp bố thí của A-la-hán và Bích Chi Phật, bố thí vì Phật Đạo, bố thí vì chúng sanh là pháp bố thí của Bồ tát.

Như vậy, do nhân duyên hành bố thí, mà Bồ tát phân biệt được hết thấy các quả báo của bố thí, nên nói “Bồ tát hành bố thí dẫn sanh Bát nhã Ba-la-mật”.

Lại nữa, khi hành Bồ tát, Bồ tát thường niệm Không, Vô Tướng, Vô Tác, ở nơi cả 3 pháp “người thí, người thọ và vật

thí” Bồ tát thường thanh tịnh. Bởi vậy nên nói “bồ thí dẫn sanh Bát nhã Ba-la-mật”.

Nên biết rằng hết thảy các công đức trí huệ đều do nhân duyên bồ thí. Chư Phật trong 3 đời và khắp 10 phương, khi pháp tâm cũng hành bồ thí, tài vật thí, pháp thí, vô úy thí nhằm cứu độ hết thảy chúng sanh mà được vô thượng Chánh Đẳng, Chánh Giác.

(Hết quyển 12)